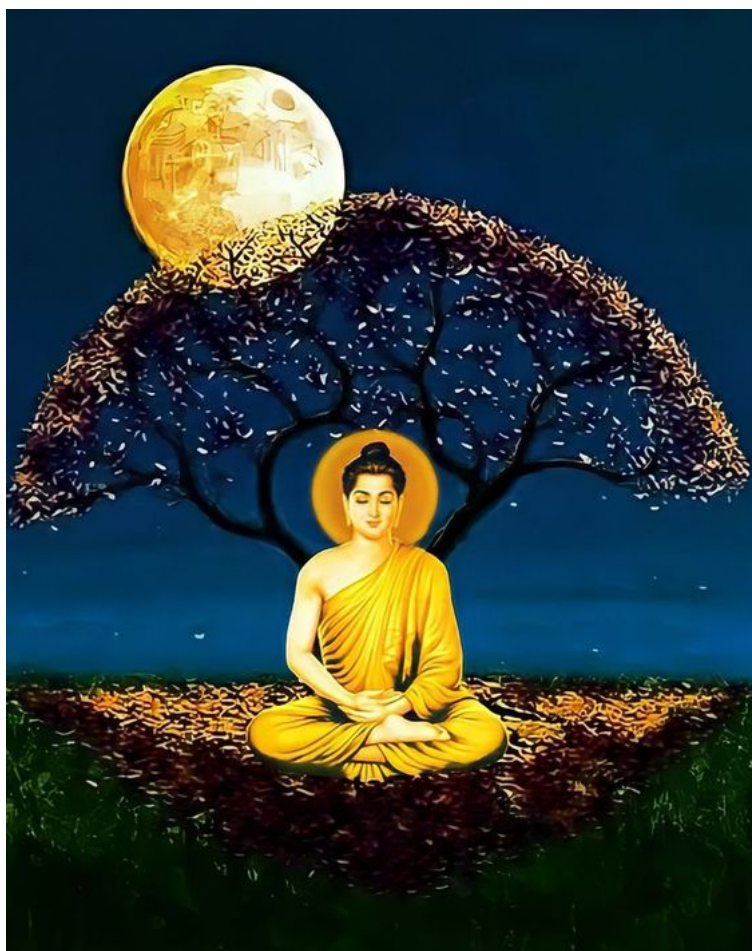


**THERAVĀDA BUDDHISM**  
PĀḶI – ENGLISH – VIETNAMESE SUTTA



# DAILY CHANTING



**2564 BE - 2020 CE**

Biên soạn: Sayalay Vijaññāṇī (Tuệ Minh)

[vicasa.org](http://vicasa.org)



## MỤC LỤC

<b>PART I: REVERENCE FOR THE TRIPLE GEMS – LỄ BÁI TAM BẢO</b> ....4	
<b>PART II: PROTECTION DISCOURSE - KINH CẦU AN</b> .....19	
<b>DISCOURSE ON THE HIGHEST BLESSINGS - HẠNH PHÚC KINH</b> .....19	
<b>THE JEWEL DISCOURSE - KINH TAM BẢO</b> .....24	
<b>THE THIRTY PERFECTIONS - KINH TAM THẬP ĐỘ</b> .....30	
<b>THE VERSES OF THE BUDDHA'S AUSPICIOUS VICTORIES - TÁM KỆ NGÔN AN LÀNH VỀ SỰ CẢM THẮNG CỦA ĐỨC PHẬT</b> .....33	
<b>DISCOURSE ON LOVING-KINDNESS - TỪ BI KINH</b> .....37	
<b>TIỂU SỬ PHẬT THÍCH CA</b> .....40	
<b>PART III: REQUIEM DISCOURSE - KINH CẦU SIÊU</b> .....44	
<b>KỆ TỤNG TRƯỚC CÁC THÁP THỜ XÁ LỢI PHẬT</b> .....44	
<b>CONDITIONAL ARISING - THẬP NHỊ DUYÊN KHỞI</b> .....46	
<b>MIND REFLECTION - KỆ ĐỘNG TÂM</b> .....49	
<b>BODY CONTEMPLATION - KỆ SUY NIỆM VỀ THÂN</b> .....54	
<b>SETTING IN MOTION THE WHEEL OF TRUTH - KINH CHUYỀN PHÁP LUÂN</b> .....56	
<b>DISCOURSE ON THE NOT-SELF CHARACTERISTIC - KINH VÔ NGÃ TƯỞNG</b> .....67	
<b>PART IV: TRANSFERRING MERIT - HỒI HƯỚNG</b> .....77	
<b>REQUESTING THE THREE REFUGES AND FIVE PRECEPTS - PHÉP THỌ TRÌ TAM QUY - NGŨ GIỚI – BÁT QUAN TRAI GIỚI</b> .....91	
<b>SHARING AND REJOICING MERIT - CHIA PHƯỚC VÀ HỒI HƯỚNG</b> ....99	

<p><b>PABBA 1: TIRATANAPAṆĀMA</b></p>	<p><b>PART I: BOW TO THE TRIPLE GEMS</b></p>	<p><b>PHẦN I: LỄ BÀI TAM BẢO</b></p>
<p><b>BUDDHA-RATANA- PAṆĀMA</b></p> <p><b>Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa</b></p>	<p><b>SALUTATION TO THE BUDDHA</b></p> <p>Homage to the Blessed One, the Arahant, the Perfectly Enlightened One.</p>	<p><b>ĐÁNH LỄ PHẬT BẢO</b></p> <p>Con đem hết lòng thành kính làm lễ đức Bhagava đó, Ngài là bậc Arahant cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.</p>
<p><b>TIRATANA SARAṆA</b></p> <p><b>1. Buddhāṃ Saraṇaṃ Gacchami</b></p> <p><b>Dhammāṃ Saraṇaṃ Gacchami</b></p> <p><b>Sanghaṃ Saraṇaṃ Gacchami</b></p> <p><b>2. Dutiyampi, Buddhāṃ Saraṇaṃ Gacchami.</b></p> <p><b>Dutiyampi, Dhammāṃ Saraṇaṃ Gacchami.</b></p> <p><b>Dutiyampi, Sanghaṃ Saraṇaṃ Gacchami.</b></p>	<p><b>SALUTATION TO THE BUDDHA</b></p> <p>I go to the Buddha for refuge.</p> <p>I go to the Dhamma - The Teachings for Refuge.</p> <p>I go to the Sangha - The Community for Refuge.</p> <p>For the second time I go to the Buddha for Refuge.</p> <p>For the second time I go to the Dhamma – The Teachings for Refuge.</p> <p>For the second time I go to the Sangha - The Community for Refuge.</p>	<p><b>QUY Y TAM BẢO</b></p> <p>Con đem hết lòng thành kính quy y Phật.</p> <p>Con đem hết lòng thành kính quy y Pháp.</p> <p>Con đem hết lòng thành kính quy y Tăng.</p> <p>Con đem hết lòng thành kính quy y Phật, lần thứ nhì.</p> <p>Con đem hết lòng thành kính quy y Pháp, lần thứ nhì.</p> <p>Con đem hết lòng thành kính quy y Tăng, lần thứ nhì.</p>

<p><b>3.Tatīyampi, Buddhamaṃ Saraṇamaṃ Gacchami. Tatīyampi, Dhammaṃ Saraṇamaṃ Gacchami. Tatīyampi, Saṅghamaṃ Saraṇamaṃ Gacchami.</b></p>	<p>For the third time I go to the Buddha for Refuge. For the third time I go to the Dhamma - The Teachings for Refuge. For the third time I go to the Saṅgha - The Community for Refuge.</p>	<p>Con đem hết lòng thành kính quy y Phật, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính quy y Pháp, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính quy y Tăng, lần thứ ba.</p>
<p><b>ĀRĀDHANĀ DEVATĀ</b></p> <p><b>(Samantā cakkavālesu atrāgacchantu devatā, saddhammaṃ muni- rājassa suṇantu sagga- mokkhadam).</b></p> <p><b>Sagge kāme ca rūpe giri- sikhara-taṭṭe c'antalikkhe vimāne dīpe raṭṭhe ca gāme taru-vana-gahane geha- vatthumhi khette Bhummā c'āyantu Devā jala-thala-visame Yakkha- Gandhabba- Nāgā tiṭṭhantā santike yaṃ Muni-vara- vacanaṃ sādhave me suṇantu.</b></p>	<p><b>AN INVITATION TO THE DEITY</b></p> <p>(Let the deities in every universe around come to this place. Let them listen to the excellent Dhamma of the King of Sages that gives (rebirth in) celestial realms and liberation).</p> <p>May all deities in the heavens of sensuality &amp; form, on peaks &amp; mountain precipices, in palaces floating in the sky, in islands, countries, &amp; towns, in groves of trees &amp; thickets, around homesites &amp; fields. And the earth-deities, spirits, heavenly minstrels, &amp; Nagas in water, on land, in badlands, &amp; nearby. May they come &amp; listen with approval as I recite the word of the excellent sage.</p>	<p><b>THỈNH CHƯ THIÊN</b></p> <p>(Xin thỉnh chư Thiên khắp pháp giới hội tụ lại nơi đây, lắng nghe chúng con trì tụng giáo pháp của đức Phật để được tái sinh thiên giới và đạt giải thoát.)</p> <p>Xin thỉnh chư Thiên ngự trên cõi trời Dục giới cùng Sắc giới; chư Thiên ngự trên đỉnh núi, núi không liền, hoặc nơi hư không; ngự nơi cồn bãi, đất liền; hoặc các châu quận; ngự trên cây cối rừng rậm hoặc ruộng vườn; Chư Dạ Xoa, Càn Thát Bà, cùng Long Vương dưới nước trên bờ, hoặc nơi không bằng phẳng gần đây, xin thỉnh hội họp lại đây. Lời nào là kim ngôn cao thượng của Đức Thích Ca Mâu Ni mà chúng con tụng đây, xin các bậc Hiền Triết nên nghe lời ấy.</p>

<p><b>Dhamma-ssavana kālo ayaṃ bhadantā. (x3)</b></p>	<p>This is the time to listen to the Dhamma, Venerable Sirs (x3).</p>	<p>Xin các ngài đạo đức, giờ này là giờ nên nghe Pháp Bảo. (x3)</p>
<p><b>RATANATTAYAPŪJĀ</b></p> <p><b>Imehi dīpa-dhūp'ādi sakkārehi Buddhaṃ Dhammaṃ Saṅghaṃ abhipūjayāmi mātā- pit'ādīnaṃ guṇavantānañca mayhañca dīgharattaṃ atthāya hitāya sukhāya.</b></p>	<p><b>OFFERING TO THE TRIPLE GEMS</b></p> <p>I respectfully bestow these incense and lamps upon the Buddha, Dhamma and Sangha. May the virtuous, my mother and father and me get benefits, welfare and peace for a long time.</p>	<p><b>DÂNG CÚNG TAM BẢO</b></p> <p>Con xin dâng các lễ vật này, nhất là nhang đèn để cúng Phật, Pháp, Tăng tam bảo, ngưỡng cầu cho các bậc ân nhân, nhất là cha mẹ con và con, đều được sự tấn hóa, sự lợi ích, sự bình an lâu dài.</p>
<p><b>BUDDHA-RATANA- PAÑĀMA</b></p> <p><b>Namo tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa</b></p>	<p><b>REVERENCE FOR THE BUDDHA GEM</b></p> <p>Homage to the Blessed One, the Worthy One, the Rightly Self-awakened One.</p>	<p><b>ĐÃNH LỄ PHẬT BẢO</b></p> <p>Con đem hết lòng thành kính làm lễ đức Bhagava đó, Ngài là bậc Arahant cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri, do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy.</p>
<p><b>BUDDHA-SILĀGHĀ</b></p> <p><b>Yo sannisinno vara-bodhi- mūle Māraṃ sasenaṃ mahatiṃ vijeyyo Sambodhim' āgacchi ananta ñāṇo Lok'uttamo tam paṇamāmi Buddhaṃ.</b></p>	<p><b>ENCOMIUM TO THE BUDDHA</b></p> <p>The Buddha sitting at the noble root of the Bodhi tree, who won victory from the great army of the Evil One (Māra), came to attain the infinite insight of the Enlightenment and the Highest One in the universe. I do honour to the Buddha.</p>	<p><b>TÁN DƯƠNG PHẬT</b></p> <p>Đức Phật tham thiên về số túc quan, ngồi trên bồ đoàn, dưới gốc cây bồ đề quý báu và đắc thắng toàn bọn Ma vương, mà thành bậc Chánh đẳng Chánh giác. Ngài là bậc tối thượng hơn cả chúng sanh, con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Ngài.</p>

<p style="text-align: center;"><b>BUDDAA- TAYO- ADDHĀ-VANDANĀ</b></p> <p><b>Ye ca Buddhā atītā ca Ye ca Buddhā anāgatā Paccuppanā ca ye Buddha Ahaṃ vandāmi sabbadā.</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>WORSHIP THE 3 PERIODS OF BUDDHAS</b></p> <p>Those Buddhas in the past, those Buddhas in the future, and those Buddhas in the present, to whom all I pay homage.</p>	<p style="text-align: center;"><b>LỄ TAM THẾ PHẬT</b></p> <p>Chư Phật đã thành Chánh Giác trong kiếp quá khứ. Chư Phật sẽ thành Chánh Giác trong kiếp vị lai. Chư Phật đang thành Chánh Giác trong kiếp hiện tại này. Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ chư Phật trong tam thế ấy.</p>
<p style="text-align: center;"><b>BUDDHA GUṆA</b></p> <p><b>Iti'pi so Bhagavā:</b></p> <p><b>1-Arahaṃ: (Úng Cúng)</b> -The Holy One -The Worthy One</p> <p><b>2-Sammā Sambuddho: (Chánh Biến Tri)</b> - The fully Enlightened One - The Perfected One - The Rightly Self-awakened One</p> <p><b>3-Vijjā-caraṇa-sampanno: (Minh Hạnh Túc)</b> -The endowed with clear vision and virtuous conduct -Consummate in knowledge &amp; conduct</p>	<p style="text-align: center;"><b>THE SUPREME VIRTUES OF THE BUDDHA</b></p> <p>Thus indeed, is that Blessed One: He is:</p> <p>1. The Bhagavā is known as <b>Arahaṃ</b> for he is worthy of special veneration by all men, devas and brahmas.</p> <p>2. The Bhagavā is known as <b>Sammāsambuddho</b> for he has fully realized all that should be known by himself.</p> <p>3. The Bhagavā is known as <b>Vijjācaraṇasampanno</b> for he is proficient in supreme knowledge and in the practice of morality.</p>	<p style="text-align: center;"><b>ÂN ĐỨC PHẬT</b></p> <p>1. Đức Thế Tôn hiệu Arahaṃ, bởi Ngài đã xa lìa các tội lỗi, nên tiền khiên tật thân và khẩu của Ngài đều được trọn lành.</p> <p>2. Đức Thế Tôn hiệu Sammā Sambuddho, bởi Ngài đã thành bậc Chánh Đẳng, Chánh Giác, tự Ngài ngộ lấy không thầy chỉ dạy.</p> <p>3. Đức Thế Tôn hiệu Vijjā-caraṇa-sampanno, bởi Ngài toàn đắc 3 cái giác, 8 cái giác, và 15 cái hạnh.</p>

<p><b>4-Sugato: (Thiện Thế)</b>  <b>-The Sublime</b>  <b>-One who has gone the good way</b></p>	<p>4.The Bhagavā is known as <b>Sugato</b> for he speaks only what is true and beneficial.</p>	<p>4. Đức Thế Tôn hiệu Sugato, bởi Ngài đã ngự đến nơi an lạc, bất sanh, bất diệt, đại Niết bàn.</p>
<p><b>5-Lokavidū: (Thế Gian Giải)</b>  <b>- The Knower of the worlds</b>  <b>- The Knower of the cosmos</b></p>	<p>5. The Bhagavā is known as <b>Lokavidū</b> for he knows all the three lokas, namely, sattaloka (the animate world of living beings), saṅkhāraloka (the world of conditioned things), and okāsaloka (the planes of existences).</p>	<p>5. Đức Thế Tôn hiệu Lokavidū, bởi Ngài đã thông suốt tam giới.</p>
<p><b>6-Anuttaro: (Vô Thượng sĩ)</b>  <b>-The incomparable leader of men to be tamed.</b></p>	<p>6. The Bhagavā is known as <b>Anuttaro</b> for he is incomparable in taming those who deserve to be tamed.</p>	<p>6. Đức Thế Tôn hiệu Anuttaro, bởi Ngài có đức hạnh không ai bì.</p>
<p><b>*Purisa-damma-sārathi: (Điều Ngự Trọng Phu)</b>  <b>Unexcelled trainer of those who can be taught</b></p>	<p>* The Bhagavā is known as <b>Purisadammasārathi</b> for he is unexcelled trainer of those who can be taught.</p>	<p>*Đức Thế Tôn hiệu Purisa-damma-sārathi, bởi Ngài là đáng tể độ những người hữu duyên nên tể độ.</p>
<p><b>7-Satthā-deva-manussānaṃ: (Thiên Nhơn Sư)</b>  <b>-Teacher of gods and men</b>  <b>-Teacher of human &amp; divine beings</b></p>	<p>7.The Bhagavā is known as <b>Satthā devamanussānaṃ</b> for he is the guiding teacher of all devas and men.</p>	<p>7. Đức Thế Tôn hiệu Satthādevamanussānaṃ, bởi Ngài là thầy cả chư Thiên và nhân loại.</p>



<p><b>8-Buddho: (Phật)</b> <b>The Awakened One</b></p> <p><b>9-Bhagavā'ti: (Thế Tôn)</b> <b>The Blessed One.</b></p>	<p>8.The Bhagavā is known as <b>Buddho</b> for he himself is the Enlightened One, and he can enlighten others.</p> <p>9.The Bhagavā is known as <b>Bhagavā</b> for he is the most Exalted One.</p>	<p>8. Đức Thế Tôn hiệu Buddho, bởi Ngài giác ngộ lý Tứ diệu đế và đem ra giáo hóa chúng sanh cùng biết với.</p> <p>9. Đức Thế Tôn hiệu Bhagavā, bởi Ngài đã siêu xuất tam giới, tức là Ngài không còn luân hồi lại nữa.</p>
<p><b>BUDDHA- ATTAPAṬIÑÑĀ</b></p> <p><b>N'atthi me saraṇaṃ aññaṃ, Buddho me saraṇaṃ varam, Etena saccavajjena, Hotu me jayamaṅgalaṃ.</b></p>	<p><b>A VOW OF REFUGE TO THE BUDDHA</b></p> <p>For me there is no other refuge, the Buddha is my noble Refuge; by this truthful saying, may there be victorious blessing for me.</p>	<p><b>LỜI BỎ CÁO QUY Y PHẬT BẢO</b></p> <p>Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có đức Phật là quý báu. Nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, đặng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chơn thật này.</p>
<p><b>BUDDHA- KHAMĀPANA</b></p> <p><b>Uttamaṅgena vande'haṃ, Pādapamaṃsum var'uttamaṃ, Buddhe yo khalito doso, Buddho khamatu taṃ mamaṃ.</b></p>	<p><b>REPENTANCE TO THE BUDDHA</b></p> <p>With the forehead I pay homage to the noble supreme dust on the Buddha's feet; any mistake or fault done to the Buddha, may the Buddha pardon it for me.</p>	<p><b>SÁM HỐI PHẬT BẢO</b></p> <p>Con đem hết lòng thành kính cúi đầu làm lễ vi trần dưới chân đức Phật, là đáng Chí Tôn Chí Thánh. Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Phật bảo, cúi xin Phật bảo xá tội lỗi ấy cho con.</p>

<p><b>DHAMMA-RATANA-PAṆĀMA</b></p> <p><b>Aṭṭh'aṅgik'āriya-patho janānaṃ</b></p> <p><b>Mokkha-ppavesāya ujūca maggo</b></p> <p><b>Dhammo ayaṃ santi-karo paṇīto</b></p> <p><b>Nīyāniko taṃ paṇamāmi Dhammaṃ.</b></p>	<p><b>VENERATION TO THE DHAMMA GEM</b></p> <p>The noble path of the people including 8 factors, and the direct way entering the emancipation.</p> <p>That Dhamma making tranquillity and eminence and leading out to salvation.</p> <p>I revere the Dhamma.</p>	<p><b>LỄ BÁI PHÁP BẢO</b></p> <p>Các Pháp đúng theo đạo Bát chánh, là con đường đi của bậc Thánh nhân, là con đường chánh, dẫn người hữu trí nhập Niết-bàn được. Pháp bảo là Pháp trừ diệt các sự lao khổ và các điều phiền não, là Pháp chỉ dẫn chúng sanh thoát khỏi cái khổ sanh tử luân hồi, con đem hết lòng thành kính mà làm lễ Pháp ấy.</p>
<p><b>DHAMMA- TAYO-ADDHĀ-VANDANĀ</b></p> <p><b>Ye ca Dhammā atītā ca, ye ca Dhammā anāgatā, paccuppanā ca ye Dhammā, ahaṃ vandāmi sabbadā.</b></p>	<p><b>WORSHIP THE 3 PERIODS OF DHAMMAS</b></p> <p>Those Dhammas in the past, those Dhammas in the future, and those Dhammas in the present, to whom all I pay homage.</p>	<p><b>LỄ TAM THỂ PHÁP</b></p> <p>Các Pháp của chư Phật đã có trong kiếp quá khứ. Các Pháp của chư Phật sẽ có trong kiếp vị lai. Các Pháp của chư Phật đang giáo truyền trong kiếp hiện tại này. Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ các Pháp trong tam thế ấy.</p>
<p><b>DHAMMA GUṆA</b></p> <p><b>1. Svākkhāto Bhagavatā dhammo: The Dhamma is well-expounded by the Blessed One</b></p>	<p><b>THE SUPREME VIRTUES OF THE DHAMMA</b></p> <p>1.The Dhamma comprising the four Maggas, the four Phalas, Nibbāna and the canonical scriptures are well expounded by the Exalted One.</p>	<p><b>ÂN ĐỨC PHÁP BẢO</b></p> <p><b>1. Svākkhāto Bhagavatā dhammo</b> nghĩa là tam tạng Pháp bảo của Đức Thế Tôn đã khẩu truyền y theo chánh pháp.</p> <p>* <b>Dhammo:</b> là Pháp Thánh có 9 hạng: 4 đạo, 4 quả và 1 Niết Bàn.</p>

<p><b>2. Sandiṭṭhiko: To be seen here and how</b></p> <p><b>3. Akāliko:</b> - Timeless - Not delayed in time</p> <p><b>4. Ehipassiko: Inviting all to come and see</b></p> <p><b>5. Opanayiko: Onward leading (to Nibbana)</b></p> <p><b>6- Paccattaṃ veditaḅbo viññūhi: to be seen by the wise for themselves</b></p>	<p>2. It can be seen and realized vividly by oneself if one practices the Dhamma.</p> <p>3. It yields immediate results to those who practice the Dhamma and the fruition consciousness follows the path-consciousness without delay.</p> <p>4. It is so distinct and pure that it is worthy of inviting others to come and see it.</p> <p>5. It is worthy of being perpetually borne in mind.</p> <p>6. It can be experienced by the wise individually.</p>	<p><b>2. Sandiṭṭhiko:</b> là Pháp mà chư Thánh đã thấy chắc, biết chắc bởi nhờ kiến tánh, chẳng phải vì nghe, vì tin kẻ nào khác, nghĩa là tự mình thấy rõ chơn lý.</p> <p><b>3. Akāliko:</b> là Pháp độ cho đắc quả không chờ ngày giờ, là khi nào đắc đạo thì đắc quả không chậm trễ.</p> <p><b>4. Ehipassiko:</b> là Pháp của chư Thánh đã đắc quả rồi, có thể ứng hóa cho kẻ khác biết được.</p> <p><b>5. Opanayiko:</b> là Pháp của chư Thánh đã có trong mình do nhờ phép thiền định.</p> <p><b>6. Paccattaṃ veditaḅbo viññūhi:</b> là Pháp mà các hàng trí tuệ nhất là bậc thượng trí được biết, được thấy tự nơi tâm.</p>
<p style="text-align: center;"><b>DHAMMA- ATTAPAṬIÑÑĀ</b></p> <p><b>N’atthi me saraṇaṃ aññaṃ, Dhammo me saraṇaṃ varaṃ, Etena saccavajjena, Hotu me jayamaṅgalaṃ.</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>A VOW OF REFUGE TO THE DHAMMA</b></p> <p>I have no other refuge, the Dhamma is my foremost refuge.</p> <p>Through the speaking of this truth, may I be blessed always.</p>	<p style="text-align: center;"><b>LỜI BỔ CÁO QUY Y PHÁP BẢO</b></p> <p>Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có Pháp bảo là quý báu. Nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, đặng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chơn thật này.</p>

<p><b>DHAMMA-KHAMĀPANA</b></p> <p><b>Uttamaṅgena vande’haṃ, Dhammañca duvidhaṃvaram, Dhamme yo khalito doso, Dhammo khamatu taṃ mamaṃ.</b></p> <p>*Pariyatti sāsana: learning Buddhist literature</p> <p>*Paṭipatti sāsana: practicing of tranquillity and insight meditation</p>	<p><b>CONTRITION TO THE DHAMMA</b></p> <p>With the forehead I pay homage to the twofold Noble Dhamma; any mistake or fault done to the Dhamma, may the Dhamma pardon it for me.</p>	<p><b>SÁM HÓI PHÁP BẢO</b></p> <p>Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai hạng Pháp bảo (là Pháp học và Pháp hành). Các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Pháp bảo, cúi xin Pháp bảo xá tội lỗi ấy cho con.</p>
<p><b>SAṄGHA-RATANA- PAṄĀMA</b></p> <p><b>Saṅho visuddho vara- dakkhineyyo Sant’indriyo sabba mala- ppahīno Guṇehi nekehi samiddhi- patto Anāsavo taṃ paṇamāmi Saṅghaṃ</b></p>	<p><b>VENERATION TO THE SANGHA GEM</b></p> <p>The Sangha – the noble and stainless worthy of an offering, all impurities eradicated by their senses, procuring achievement with abundant virtues and being free from human passion. I glorify that Sangha.</p>	<p><b>LỄ BÀI TẶNG BẢO</b></p> <p>Chư Thánh Tăng đã được trong sạch quý báu, là bậc đáng cho người dân lễ cúng dường, vì lục căn của các Ngài đã thanh tịnh, lòng tham muốn đã dứt trừ, là Tăng đã thoát ly trần tục, con xin hết lòng thành kính mà làm lễ chư Thánh Tăng ấy.</p>
<p><b>SANGHA- TAYO- ADDHĀ-VANDANĀ</b></p> <p><b>Ye ca saṅghā atītā ca, ye ca saṅghā anāgatā,</b></p>	<p><b>WORSHIP THE 3 PERIODS OF SANGHAS</b></p> <p>Those Saṅghas in the past, those Saṅghas in the future,</p>	<p><b>LỄ TAM THỂ TẶNG</b></p> <p>Chư Tăng đã đắc Đạo cùng Quả trong kiếp quá khứ. Chư Tăng sẽ đắc Đạo cùng Quả trong kiếp vị lai.</p>

<p><b>paccuppannā ca ye saṅghā, ahaṃ vandāmi sabbadā.</b></p>	<p>and those Saṅghas in the present, to whom all I pay homage.</p>	<p>Chư Tăng đang đấng Đạo cùng Quả trong kiếp hiện tại này, Con đem hết lòng thành kính mà làm lễ chư Thánh Tăng trong tam thế ấy.</p>
<p><b>SAṄGHA GUṆA</b></p> <p><b>1-Supaṭipanno bhagavato sāvakaṅgho: The Sangha of the Blessed One's disciples who have practiced well.</b></p> <p><b>2-Ujupaṭipanno bhagavato sāvakaṅgho: the Sangha of the Blessed One's disciples who have practiced straightforwardly.</b></p> <p><b>3-Ñāyapaṭipanno bhagavato sāvakaṅgho: the Sangha of the Blessed One's disciples who have practiced methodically.</b></p> <p><b>4-Sāmīcipaṭipanno bhagavato sāvakaṅgho: the Sangha of the Blessed One's disciples who have practiced masterfully.</b></p>	<p><b>THE SUPREME VIRTUES OF THE SANGHA</b></p> <p>1.The disciples of the Exalted One practice well the threefold training of morality, concentration and wisdom.</p> <p>2.The disciples of the Exalted One practice righteously the threefold training.</p> <p>3.The disciples of the Exalted One practice to realize Nibbāna. They are endowed with righteous conduct leading to Nibbāna.</p> <p>4.The disciples of the Exalted One practice to be worthy of veneration.</p>	<p><b>ÂN ĐỨC TĂNG BẢO</b></p> <p><b>1.Supaṭipanno bhagavato sāvakaṅgho:</b> Tăng là các bậc Thanh văn đệ tử Phật, các Ngài đã tu hành chín chắn y theo chánh Pháp.</p> <p><b>2.Ujupaṭipanno bhagavato sāvakaṅgho:</b> Tăng là các bậc Thanh văn đệ tử Phật, các Ngài đã tu hành chín chắn y theo Thánh Pháp.</p> <p><b>3.Ñāyapaṭipanno bhagavato sāvakaṅgho:</b> Tăng là các bậc Thanh văn đệ tử Phật, các Ngài tu hành để giác ngộ Niết bàn, là nơi an lạc dứt khỏi các sự thống khổ.</p> <p><b>4.Sāmīcipaṭipanno bhagavato sāvakaṅgho:</b> Tăng là các bậc Thanh văn đệ tử Phật, các Ngài đã tu theo phép Giới Định Tuệ.</p>

<p><b>*Yadidaṃ cattāri purisayugāni:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sotāpanna</li> <li>- Sakadāgāmi</li> <li>- Anāgāmi</li> <li>- Arahant</li> </ul> <p><b>*Aṭṭha purisapuggalā: the eight types (of Noble Ones)</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Sotāpattimaggaṭṭha</li> <li>2. Sotāpattiphalatṭha</li> <li>3. Sakadāgāmimaggaṭṭha</li> <li>4. Sakadāgāmiphalaṭṭha</li> <li>5. Anāgāmimaggaṭṭha</li> <li>6. Anāgāmiphalaṭṭha</li> <li>7. Arahattamaggaṭṭha</li> <li>8. Arahattaphalaṭṭha</li> </ol> <p><b>*Esa Bhagavato sāvakaṅgho</b></p> <p><b>5- Āhuneyyo:</b> -worthy of gifts - fit for gifts</p>	<p><b>* Namely the four pairs (of Noble Ones):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Stream-winner</li> <li>- Once-returned</li> <li>- Non- returner</li> <li>- Arahant</li> </ul> <p><b>* The eight types (of Noble Ones):</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1.The path to stream-entry;</li> <li>2.The fruition of stream-entry;</li> <li>3.The path to once-returning;</li> <li>4.The fruition of once-returning;</li> <li>5.The path to non-returning;</li> <li>6.The fruition of non-returning;</li> <li>7.The path to arahantship;</li> <li>8.The fruition of arahantship.</li> </ol> <p><b>*That is the Sangha of the Blessed One's disciples</b></p> <p>5. The disciples of the Exalted One, numbering four pairs of ariyas or eight noble persons are: Worthy of receiving offerings brought even from afar.</p>	<p><b>*Yadidaṃ cattāri purisayugāni:</b> Tăng nêu đếm đôi thì có bốn bậc:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tăng đã đắc Đạo cùng Quả Tu-Đà-Hườn.</li> <li>- Tăng đã đắc Đạo cùng Quả Tu-Đà-Hàm.</li> <li>- Tăng đã đắc Đạo cùng Quả A-Na-Hàm.</li> <li>- Tăng đã đắc Đạo cùng Quả A-La-Hán.</li> </ul> <p><b>*Aṭṭha purisapuggalā:</b> Tăng nêu đếm chiếc thì có tám bậc:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tăng đã đắc Đạo Tu-Đà-Hườn.</li> <li>2. Tăng đã đắc Quả Tu-Đà-Hườn.</li> <li>3. Tăng đã đắc Đạo Tu-Đà-Hàm.</li> <li>4. Tăng đã đắc Quả Tu-Đà-Hàm.</li> <li>5. Tăng đã đắc Đạo A-Na-Hàm.</li> <li>6. Tăng đã đắc Quả A-Na-Hàm.</li> <li>7. Tăng đã đắc Đạo A-La-Hán.</li> <li>8. Tăng đã đắc Quả A-La-Hán.</li> </ol> <p><b>*Esa Bhagavato sāvakaṅgho:</b> Chư Tăng ấy là các bậc Thánh văn đệ tử Phật.</p> <p><b>5. Āhuneyyo:</b> Các Ngài đáng thọ lãnh bốn món vật dụng của tín thí, ở phương xa đem đến dâng cúng cho những người có giới hạnh.</p>
---	---	---

<p><b>6- Pāhuneyyo:</b> -worthy of hospitality - fit for hospitality</p> <p><b>7- Dakkhiṇeyyo:</b> -worthy of offerings - fit for offerings</p> <p><b>8- Añjalikaraṇīyo:</b> -worthy of respect -fit for reverential salutation</p> <p><b>9-Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa: the incomparable field of merit for the world.</b></p>	<p>6.Worthy of receiving offerings specially set aside for guests.</p> <p>7.Worthy of receiving offerings offered with the belief that the offering will bear fruits in future existences.</p> <p>8.Worthy of receiving reverential salutation of men, devas and brahmas.</p> <p>9.The incomparable fertile field for all to sow the seeds of merit.</p>	<p><b>6. Pāhuneyyo:</b> Các Ngài đáng thọ lãnh của tín thí, mà họ dành để cho thân quyến cùng bầu bạn ở các nơi, nhưng họ lại đem đến dâng cúng cho các Ngài.</p> <p><b>7. Dakkhiṇeyyo:</b> Các Ngài đáng thọ lãnh của tín thí, tín lý nhân quả đem đến dâng cúng.</p> <p><b>8.Añjalikaraṇīyo:</b> Các Ngài đáng cho chúng sanh lễ bái.</p> <p><b>9.Anuttaraṃ puññakkhettaṃ lokassa:</b> Các Ngài là phước điền của chúng sanh không đâu bì kịp.</p>
<p style="text-align: center;"><b>SAṄGHA- ATTAPATIÑÑĀ</b></p> <p><b>N’atthi me saraṇaṃ aññaṃ Saṅgho me saraṇaṃ varaṃ Etena sacca-vajjena Hotu me jaya-maṅgalaṃ.</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>A VOW OF REFUGE TO THE SANGHA</b></p> <p>For me there is no other refuge, the Saṅ is my Noble Refuge; by this truthful saying, may there be victorious blessing for me.</p>	<p style="text-align: center;"><b>LỜI BỔ CÁO QUY Y TẶNG BẢO</b></p> <p>Chẳng có chi đáng cho con phải nương theo, chỉ có đức Tăng là quý báu. Nên con phải hết lòng thành kính mà nương theo, đặng cầu sự an lạc đến cho con, y như lời chơn thật này.</p>

<p><b>SAṄGHAKHAMĀPANA</b></p> <p><b>Uttam'aṅgena</b> <b>vande'haṃ</b> <b>Saṅhañ ca</b> <b>duvidh'ottamaṃ,</b> <b>Saṅhe yo khalito doso</b> <b>Saṅho khamatu taṃ</b> <b>mamaṃ.</b></p>	<p><b>REMORSE TO THE</b> <b>SANGHA</b></p> <p>With the forehead I pay homage to the twofold supreme Saṅgha; any mistake or fault done to the Saṅgha, may the Saṅgha pardon it for me.</p>	<p><b>SÁM HÓI TẮNG BẢO</b></p> <p>Con đem hết lòng thành kính, cúi đầu làm lễ hai bậc Tăng bảo là phàm Tăng và Thánh Tăng, các tội lỗi mà con đã vô ý phạm đến Tăng bảo, cúi xin Tăng bảo xá tội lỗi ấy cho con.</p>
<p><b>TIVIDHA CETIYA</b> <b>VANDANAGĀTHĀ</b></p> <p><b>Vandāmi cetiyaṃ sabbaṃ</b> <b>Sabba-</b> <b>ṭhānesu patitṭhitam</b> <b>Sārīrika-dhātu-</b> <b>mahābodhiṃ</b> <b>Buddha-</b> <b>rūpaṃ sakalam sadā.</b></p>	<p><b>SHRINE, BODHI TREE,</b> <b>RELIC HOMAGE</b></p> <p>I pay reverence to every shrine which were established in any place, the bodily relics, the Great Bodhi tree, and all the images/statues of the Buddha.</p>	<p><b>LỄ BÁI XÁ LỢI, BẢO</b> <b>THÁP, CÂY BỒ ĐỀ</b></p> <p>Con xin thành kính làm lễ tất cả Bảo Tháp, Ngọc Xá- Lợi, đại thọ Bồ Đề và Kim thân Phật đã tạo thờ trong khắp mọi nơi. Con xin lễ bái các phần, Bảo tháp Xá lợi kim thân Phật đà, Bồ đề khắp cõi Ta bà, Luôn luôn thành kính hương hoa cúng dường.</p>
<p><b>PUPPHA PŪJĀ</b></p> <p><b>Pūjemi                      Buddham</b> <b>kusumena nena</b></p>	<p><b>FLOWER OFFERING</b></p> <p>I worship <b>the Awakened</b> <b>One</b> with these flowers,</p>	<p><b>DÂNG HOA</b></p> <p>Chúng con xin cúng dường "Phật bảo", Bao cành hoa toàn hảo hiến dâng. Cầu mong thoát chốn mê trần,</p>



<p><b>Puññaena me tena ca hotu mokkhaṃ</b></p> <p><b>Pupphaṃ milāyāti yathā idaṃ me</b></p> <p><b>Kāyo tathā yāti vināśabhāvaṃ.</b></p> <p><b>*Buddhaṃ/Dhammaṃ/Saṅghaṃ</b></p>	<p>may I gain release with (the help of) this merit.</p> <p>Just as a flower withers and fades away,</p> <p>so too this my body will go to destruction.</p> <p><b>*The Awakened One/ The sermon/The Order</b></p>	<p>Níp bàn chóng đến hầu gần Thế Tôn. Hoa này sẽ bất tồn dương cảnh, Ủ rử dần hình ảnh còn chi, Chúng con phải chịu thế ni! Xác thân ngũ uẩn chuyển đi bất thường! <b>*Phật bảo/Pháp bảo/Tăng bảo</b></p> <p>Dâng hoa cúng đến "<b>Phật-đà</b>", Nguyện mau giải thoát sanh già khổ đau. Hoa tươi nhưng sẽ úa sàu, Tâm thân tứ đại khỏi sao điêu tàn. <b>*Phật-đà, Đạt-ma, Tăng-già</b></p>
<p><b>SAMBUDDHE</b></p> <p><b>1. Sambuddhe aṭṭha vīsañca dvā-dasañca saḥassake, pañca-sata-saḥassāni ṇamāmi sirasā ahaṃ.</b></p> <p><b>Tesaṃ Dhammañca Saṅghañca ādarena ṇamāmi'haṃ, nama-kkār'ānubhāvena hantvā sabbe upaddave anekā antarāyā'pi vinassantu asesato.</b></p>	<p><b>REVERENCE FOR BUDDHAS</b></p> <p>1. I pay homage with my head to the 512,028 Buddhas.</p> <p>I pay devoted homage to their Dhamma &amp; Sangha. Through the power of this homage, having demolished all misfortunes. May countless dangers be destroyed without trace.</p>	<p><b>LỄ BÁI CHƯ PHẬT</b></p> <p>1. Con đem hết lòng thành kính, làm lễ 28 vị Chánh Biến Tri, 12 ngàn vị Chánh Biến Tri và 500 ngàn vị Chánh Biến Tri.</p> <p>Con đem hết lòng thành kính làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị Chánh Biến Tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh Biến Tri, mà những điều rủi ro và sự tai hại thấy đều diệt tận.</p>

<p><b>2. Sambuddhe pañca- paññāsañca, catu- vīsati- sahassake, dasa-sata- sahassāni ṇamāmi sirasā ahaṃ.</b></p>	<p>2. I pay homage with my head to the 1,024,055 Buddhas.</p>	<p>2. Con đem hết lòng thành kính, làm lễ 55 vị Chánh Biến Tri, 24 ngàn vị Chánh Biến Tri và 1 triệu vị Chánh Biến Tri.</p>
<p><b>Tesaṃ Dhammañca Saṅghañca ādarena ṇamāmi’haṃ, ṇama- khār’ānubhāvena hantvā sabbe upaddave anekā antarāyā’pi vinassantu asesato.</b></p>	<p>I pay devoted homage to their Dhamma &amp; Sangha. Through the power of this homage, having demolished all misfortunes. May countless dangers be destroyed without trace.</p>	<p>Con đem hết lòng thành kính, làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị Chánh Biến Tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh Biến Tri, mà những điều rủi ro và sự tai hại thủy đều diệt tận.</p>
<p><b>3. Sambuddhe nav’uttara- sate, aṭṭha- cattālisa- sahassake, vīsati-sata- sahassāni ṇamāmi sirasā ahaṃ.</b></p>	<p>3. I pay homage with my head to the 2,048,109 Buddhas.</p>	<p>3. Con đem hết lòng thành kính làm lễ 109 vị Chánh Biến Tri, 48 ngàn vị Chánh Biến Tri và 2 triệu vị Chánh Biến Tri.</p>
<p><b>Tesaṃ Dhammañca Saṅghañca ādarena ṇamāmi’haṃ, ṇama- kkār’ānubhāvena hantvā sabbe upaddave anekā antarāyā’pi vinassantu asesato.</b></p>	<p>I pay devoted homage to their Dhamma &amp; Sangha. Through the power of this homage, having demolished all misfortunes. May countless dangers be destroyed without trace.</p>	<p>Con đem hết lòng thành kính làm lễ Pháp bảo và Tăng bảo của các vị Chánh Biến Tri ấy. Do sự lễ bái cúng dường, xin nhờ oai lực các bậc Chánh Biến Tri, mà những điều rủi ro và sự tai hại thủy đều diệt tận.</p>

<p style="text-align: center;"><b>PABBA II: PARITTA SUTTA</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>PART II: PROTECTION DISCOURSE</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>PHẦN II: KINH CẦU AN</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>MAṄGALASUTTA (Khuddakapāṭha, 3-4)</b></p> <p><b>Evam me sutam:</b></p> <p><b>Ekam samayaṃ Bhagavā Sāvattiyam viharati Jetavane Anāthapiṇḍikassa Ārāme. Atha kho aññatarā devatā abhikkantāya rattiya abhikkanta-vaṇṇā kevala- kappaṃ Jetavanaṃ obhāsetvā yena Bhagavā ten'upasaṅkami, upasaṅkamtivā</b></p> <p><b>Bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ aṭṭhāsi. Ekamantaṃ ṭhitā kho sā devatā Bhagavantam gāthāya ajjhabhāsi.</b></p> <p><b>Bahū devā manussā ca Maṅgalāni acintayum Ākaṅkhamānā soṭṭhānam Brūhi maṅgalam'uttamaṃ.</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>DISCOURSE ON THE HIGHEST BLESSINGS</b></p> <p>Thus have I heard: At one time the Blessed One was dwelling at the monastery of Anāthapiṇḍika in Jeta's Grove of Sāvattihī. Then a certain deity in the late hours of the night with surpassing splendor, having illuminated the entire Jeta's Grove, came to the Blessed One.</p> <p>Drawing near, the deity respectfully paid homage to the Blessed One, and stood at a suitable place; standing there, the deity addressed Blessed One in verse:</p> <p>"Many deities and men longing for happiness have pondered on (the question of) blessings. Pray tell me what the highest blessings are.</p>	<p style="text-align: center;"><b>HẠNH PHÚC KINH</b></p> <p>Ta (là A Nan Đà) có nghe như vậy: Một thuở nọ Đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên tịnh xá của trưởng giả Cấp Cô Độc, gần thành Xá Vệ (Sāvattihī). Khi ấy, có vị Trời chiếu hào quang xinh đẹp, làm cho trọn cả Kỳ Viên sáng ngời rực rỡ, vị Trời ấy đến nơi Phật ngự.</p> <p>Đảnh lễ đức Thế Tôn xong rồi, đứng tại chỗ nên đứng. Khi đã đứng yên, vị Trời ấy bèn bạch với đức Thế Tôn, bằng lời kệ rằng:</p> <p>Tất cả chư Thiên cùng nhơn loại, đều cầu xin được những hạnh phúc và cố tìm xét những điều hạnh phúc. Bạch đức Thế Tôn, xin Ngài mở lòng bác ái, giảng giải về những hạnh phúc cao thượng. Đức Thế Tôn tùy lời hỏi mà giảng rằng:</p>

<p><b>1. Asevanā ca bālānaṃ Paṇḍitānañca sevānā Pūjā ca pūjanīyānaṃ Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ.</b></p>	<p>1. "Not to associate with the foolish, but to associate with the wise, and to honor those worthy of honor — this is the highest blessing.</p>	<p>1.- Một: tư cách không xu hướng theo kẻ dữ, - Hai: tư cách thân cận các bậc trí tuệ, - Ba: tư cách cúng dường các bậc nên cúng dường, Cả ba điều ấy là hạnh phúc cao thượng.</p>
<p><b>2. Paṭirūpa-desa-vāso ca Pubbe ca kata-puññatā Atta sammā paṇīdhi ca Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ.</b></p>	<p>2. "To reside in a suitable locality, to have performed meritorious actions in the past, and to set oneself in the right direction — this is the highest blessing.</p>	<p>2.- Một: tư cách ở trong nước nên ở, - Hai: tư cách của người đã làm được việc lành để dành khi trước, - Ba: nét hạnh giữ mình theo lẽ chánh, Cả ba điều ấy là hạnh phúc cao thượng.</p>
<p><b>3. Bāhu-saccañca sippañca Vinayo ca susikkhito Subhāsītā ca yā vācā Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ.</b></p>	<p>3. "Vast learning, skill in handicrafts, well grounded in discipline, and pleasant speech — this is the highest blessing.</p>	<p>3.- Một: nét hạnh của người được nghe nhiều, học rộng, - Hai: sự suốt thông phận sự của người xuất gia và tại gia, - Ba: điều học mà người đã thọ trì được chín chắn, - Bốn: lời mà người nói ra được ngay thật, Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.</p>
<p><b>4. Mātā-pitu upaṭṭhānaṃ Putta-dārassa saṅgaho Anākulā ca kammantā Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ.</b></p>	<p>4. "To support one's father and mother; to cherish one's wife and children, and to be engaged in peaceful occupations — this is the highest blessing.</p>	<p>4.- Một: nét hạnh phụng sự Mẹ, - Hai: nét hạnh phụng sự Cha, - Ba: sự tiếp độ vợ con, - Bốn: những nghề chẳng lẫn lộn nghiệp dữ, Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.</p>
<p><b>5. Dānañca dhamma-cariyā ca Ñātakānañca saṅgaho Anavajjāni kammāni Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ.</b></p>	<p>5. "Liberality, righteous conduct, rendering assistance to relatives, and performance of blameless deeds — this is the highest blessing.</p>	<p>5. Một: nét hạnh bố thí, - Hai: nét hạnh ở theo Phật pháp, - Ba: sự tiếp độ quyến thuộc, - Bốn: những nghề vô tội, Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.</p>

<p><b>6. Āratī-viratī pāpā</b>  <b>Majja-pānā ca saññamo</b>  <b>Appamādo ca dhammesu</b>  <b>Etaṃ mangalam'uttamaṃ.</b></p>	<p>6. "To cease and abstain from evil, to abstain from intoxicating drinks, and diligent in performing righteous acts — this is the highest blessing.</p>	<p>6.-Một: nét hạnh ghê sợ và tránh xa tội lỗi,  - Hai: sự thu thúc để tránh khỏi sự uống rượu,  - Ba: sự không dễ duôi Phật pháp,  Cả ba điều ấy là hạnh phúc cao thượng</p>
<p><b>7. Gāravo ca nivāto ca</b>  <b>Santuṭṭhī ca kataññutā</b>  <b>Kālena dhamma-savanaṃ</b>  <b>Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ.</b></p>	<p>7. "Reverence, humility, contentment, gratitude, and the timely hearing of the Dhamma, the teaching of the Buddha — this is the highest blessing.</p>	<p>7.-Một: sự tôn kính bậc nên tôn kính,  - Hai: nét hạnh khiêm nhường,  - Ba: tri túc đến của đã có,  - Bốn: nét hạnh biết ơn người,  - Năm: nét hạnh tùy thời nghe pháp,  Cả năm điều ấy là hạnh phúc cao thượng.</p>
<p><b>8. Khantī ca sovacassatā</b>  <b>Samaṇānañca dassanaṃ</b>  <b>Kālena Dhamma-sācakchā</b>  <b>Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ.</b></p>	<p>8. "Patience, obedience, meeting the Samanas (holy men), and timely discussions on the Dhamma — this is the highest blessing.</p>	<p>8.- Một: sự nhẫn nhục,  - Hai: nét hạnh người dễ dạy,  - Ba: nét hạnh được thấy các bậc Sa môn,  - Bốn: nét hạnh biện luận về Phật pháp,  Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.</p>
<p><b>9. Tapo ca brahma-cariyā ca</b>  <b>Ariya-saccāni dassanaṃ</b>  <b>Nibbāna-sacchikiriyā ca</b>  <b>Etaṃ maṅgalam'uttamaṃ.</b></p>	<p>9. "Self-control, chastity, comprehension of the Noble Truths, and the realization of Nibbana — this is the highest blessing.</p>	<p>9.- Một: sự cố gắng đoạn tuyệt điều ác,  - Hai: nét hạnh hành theo pháp cao thượng,  - Ba: nét hạnh thấy các pháp diệu đế,  - Bốn: nét hạnh làm cho thấu rõ Niết bàn,  Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.</p>
<p><b>10. Phuṭṭhassa loka-</b>  <b>dhammehi</b>  <b>Cittaṃ yassa na kampati</b>  <b>Asokaṃ, virajaṃ, khemaṃ</b>  <b>Etaṃ maṅgalam'utamaṃ.</b></p>	<p>10. "The mind that is not touched by the vicissitudes of life, the mind that is free from sorrow, stainless, and secure — this is the highest blessing.</p>	<p>10.- Một: tâm không xao động vì pháp thế gian,  - Hai: không có sự uất ức,  - Ba: dứt khỏi tình dục,  - Bốn: lòng tự tại,  Cả bốn điều ấy là hạnh phúc cao thượng.</p>

<p><b>11. Etādisāni katvāna Sabbattham’aparājītā Sabbattha-sotthiṃ gacchanti taṃ Tesaṃ maṅgalam’uttaman’ti.</b></p> <p><b>Etādisāni katvāna, sabbatthamaparājītā; sabbattha                   sotthiṃ gacchanti, taṃ                               tesaṃ maṅgalamuttamaṃ.</b></p>	<p>11. "Those who have fulfilled the conditions (for such blessings) are victorious everywhere, and attain happiness everywhere — To them these are the highest blessings."</p> <p>O Deities! You should believe that those 38 happy types are the highest blessings.</p>	<p>11. Tất cả chư Thiên và nhân loại, nếu được thật hành theo những điều hạnh phúc như thế, là người thắng quá trong mọi nơi, thì hằng được hạnh phúc trong mọi nơi.</p> <p>Chư Thiên này! Các người nên tin rằng, cả ba mươi tám điều hạnh phúc ấy, là hạnh phúc cao thượng.</p>
<p><b>RATANA- SUTT'ĀRAMBHO</b></p> <p><b>Pañdhānato           pathāya Tathāgatassa</b></p> <p><b>-dasa pāramiyo -dasa upapāramiyo -dasa                   param’attha pāramiyo -pañca mahā-pari-ccāge -tisso cariyā</b></p>	<p><b>A VOW OF THE JEWEL DISCOURSE</b></p> <p>We should infused with compassion to all the beings like the Venerable Ānanda, reflected upon all these attributes of the Buddha from the time the Buddha-to-be made the aspiration for Buddhahood. His practice of the thirty pāramīs comprising:</p> <p>-The ten perfections -The ten middle grade perfections -The ten highest grade perfection -The five great givings/sacrifices</p>	<p><b>TỤNG BỐ CÁO KINH TAM BẢO</b></p> <p>Chúng ta nên đem lòng từ thiện, đối với tất cả chúng sanh, như đại đức A Nan Đa, đã suy tưởng đều đủ các công đức của Phật, từ khi mới phát nguyện thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, là tu:</p> <p>- 10 pháp Pāramī - 10 pháp Upapāramī, -10 pháp Paramatthapāramī. - Năm pháp đại thí. - Ba pháp hành. - Tư cách giáng sanh vào lòng mẹ trong kiếp chót.</p>

<p>-pacchima-bbhava gabbh'āvakkantiṃ -jātiṃ -abhinikkhamanaṃ -padhāna- cariyaṃ -māra-vijayaṃ -bodhi-pallaṅke -sabb'aññuta-ññāṇa- ppaṭivedhaṃ                      nava lok'uttara- dhamme'ti.</p>	<p>-The three great practices (comprising practice for the world, practice for His relatives and practice for Buddhahood, and in His last birth) -Taking conception in His mother's womb -Birth -Great renunciation -The practice of asceticism -Victory over Māra -Gaining of omniscience when He was seated on the throne under the Bodhi tree -The nine supramundane attainments.</p>	<p>- Tư cách ra đời, - Tư cách xuất gia, - Tư cách tu khổ hạnh, - Tư cách cảm thắng Ma vương, - Tư cách chứng quả Chánh Biến Tri trên Bồ đoàn. - Chín pháp Thánh.</p>
<p>Sabbe'pi me Buddha-guṇe āvajjitvā Vesāliyā tīsu Pākār'antaresu ti-yāma- rattiṃ parittaṃ karonto āyasmā Ānanda-thero viya kāruñña-cittaṃ upaṭṭhapetvā.</p>	<p>Having mind contemplated, the Venerable Ānanda, who did Protective chanting all through the three watches of the night, walking along the path between the three walls that surrounded the city of Vesālī.</p>	<p>Suy tưởng xong rồi, Đại đức A Nan Đa tụng kinh Pāritta cả đêm, trọn đủ ba canh, tại trong ba vòng thành Vesālī.</p>
<p>Koṭi-sata-sahassesu cakkavāḷesu                      Devatā yassānaṃ paṭiggaṇhanti yañca Vesāliyaṃ pure rog'āmanussa dubbhikkha- sambhūtaṃ                      tividhaṃ</p>	<p>That Paritta whose authority is accepted by the deities in the thousand billion universes, and which quickly cause to disappear the three dangers resulting from disease, non-human beings</p>	<p>Tất cả chư thiên trong mười muôn triệu thế giới Ta bà, đều được thọ lãnh oai lực kinh Pāritta. Kinh Pāritta đã làm cho ba điều kinh sợ phát sanh, là bệnh tật, phi nhơn và sự đói khát trong thành Vesālī được mau tiêu diệt.</p>

<p>khayaṃ khippam'antara- dhāpesi parittaṃ taṃ bhaṇāma he.</p>	<p>and famine in the city of Vesālī. Let us recite! Oh good people.</p>	<p>Chư Thiên này! Nay chúng tôi tụng kinh Pāritta ấy.</p>
<p><b>RATANA SUTTA</b></p> <p>1. Yān'idha bhūtāni samāgatāni Bhum māni vā yāni'va antalikkhe Sabbe'va bhūtā sumanā bhavantu Atho'pi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ.</p> <p>2. Tasmā hi bhūtāni sametha sabbe Mettaṃ karotha mānusiya pajāya Divā ca ratto ca haranti ye baliṃ Tasmā hi ne rakkhatha appamattā.</p> <p>3. Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā Saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ Na no samaṃ atthi Tathāgatena Idam'pi Buddhē ratanaṃ paṇītaṃ. Etena saccena suvatthi hotu.</p>	<p><b>THE JEWEL DISCOURSE</b></p> <p>1. "Whatever beings (non- humans) are assembled here, terrestrial or celestial, may they all have peace of mind, and may they listen attentively to these words:</p> <p>2. "O beings, listen closely. May you all radiate loving- kindness to those human beings who, by day and night, bring offerings to you (offer merit to you). Wherefore, protect them with diligence.</p> <p>3. "Whatever treasure there be either in the world beyond, whatever precious jewel there be in the heavenly worlds, there is nought comparable to the Tathagata (the Perfected One). This precious jewel is the Buddha. By this (asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p><b>KINH TAM BẢO</b></p> <p>1. Hạng Bhuta là chư Thiên, ngự trên địa cầu, hoặc hạng Bhuta nào là chư Thiên ngự trên hư không thế giới, mà đến hội họp nơi đây. Cầu xin tất cả chư Bhuta ấy, mở lòng từ thiện, và đem lòng thành kính mà nghe Phật ngôn.</p> <p>2. Tất cả chư Bhuta được nghe kinh Paritta rồi, nên mở lòng bác ái, đối với chúng sinh, thuộc về hơn loại, là những người hằng đem của bố thí, đêm ngày không dứt.</p> <p>3. Vì đó, các Ngài chẳng nên lãnh đạm, cầu xin hộ trì những người ấy. Tài sản trong thế gian này, hoặc trong thế giới khác hoặc trên châu quý trọng trên thiên thượng. Cả tài sản và trên châu ấy, cũng chẳng sánh bằng đức Như Lai. Đức Phật này như trên châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sinh thành lợi.</p>



<p><b>4. Khayaṃ virāgaṃ amataṃ paṇītaṃ</b>  <b>Yad’ ajjhagā Sakyamunī samāhito</b>  <b>Na tena Dhammena sam’atthi kiñci</b>  <b>Idam’pi Dhamme ratanaṃ paṇītaṃ</b>  <b>Etena saccena suvatthi hotu.</b></p>	<p>4. "That Cessation, that Detachment, that Deathlessness (Nibbana) supreme, the calm and collected Sakyan Sage (the Buddha) had realized. There is nought comparable to this (Nibbana) Dhamma. This precious jewel is the Dhamma. By this (asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p>4. Đức giáo chủ Sakya Muni, là bậc thanh tịnh, đại ngộ các pháp, diệt trừ phiền não, dứt khỏi tình dục, là pháp bất diệt, là pháp cao thượng. Chẳng có chi sánh bằng pháp ấy. Đức Pháp này như trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>5. Yaṃ Buddha-seṭṭho parivaṇṇayī suciṃ</b>  <b>Samādhim’ānantarik’añña m’āhu</b>  <b>Samādhinā tena samo na vijjati</b>  <b>Idam’pi Dhamme ratanaṃ paṇītaṃ</b>  <b>Etena saccena suvatthi hotu.</b></p>	<p>5. "The Supreme Buddha extolled a path of purity (the Noble Eightfold Path) calling it the path which unfailingly brings concentration. There is nought comparable to this concentration. This precious jewel is the Dhamma. By this (asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p>5. Đức Phật cao thượng hằng khen ngợi pháp thiền định, (Samādhi) là pháp trong sạch. Các bậc trí tuệ, đã giảng giải về Pháp chánh định, là pháp sanh quả theo thứ tự, thiền định khác, chẳng thể sánh bằng. Đức Pháp này như trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>6. Ye puggalā aṭṭha satam pasatthā</b>  <b>Cattāri etāni yugāni honti</b>  <b>Te dakkhiṇeyyā Sugatassa Sāvakā</b>  <b>Etesu dinnāni mahāpphalāni</b></p>	<p>6. "The eight persons extolled by virtuous men constitute four pairs. They are the disciples of the Buddha and are worthy of offerings. Gifts given to them yield rich results. This precious jewel is the Sangha. By this</p>	<p>6. Những hạng tu hành có 8 bậc, mà các thiện trí thức đã ngợi khen, các bậc ấy, đều là Thinh văn, đệ tử của đức Sugato các Ngài đáng thọ lãnh những vật thí của người tin lý nhân quả đem đến dâng cúng. Những sự bố thí đến các bậc Dakkhiṇeyyapuggalā là việc bố thí được kết quả rất nhiều hạnh phúc. Đức Tăng này như</p>

<p><b>Idam’pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ</b></p>	<p>(asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p>trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>Etena saccena suvatthi hotu.</b></p>		
<p><b>7. Ye su-ppayuttā manasā daḷhena</b></p>	<p>7. "With a steadfast mind, and applying themselves well in the dispensation of the</p>	<p>7. Các bậc Thánh nhơn, trong giáo pháp của đức Chánh</p>
<p><b>Nikkāmino Gotama-sāsanamhi</b></p>	<p>Buddha Gotama, free from (defilements), they have attained to that which should be attained (arahantship)</p>	<p>Biến Tri hiệu GOTAMA, đã hành theo lẽ chánh rồi có lòng bền chắc chẳng còn ái dục.</p>
<p><b>Te patti-pattā amataṃ vigayha</b></p>	<p>encountering the Deathless. They enjoy the Peace of Nibbana freely obtained. This precious jewel is the Sangha.</p>	<p>Các bậc Thánh nhơn ấy, đã chứng quả A La Hán, đã nhập Niết bàn, đã tắt lửa phiền não, và đã hưởng đạo quả rồi. Đức</p>
<p><b>Laddhā mudhā nibbutiṃ bhuñjamānā</b></p>	<p>By this (asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p>Tăng này như trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân</p>
<p><b>Idam’pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ</b></p>	<p>truth may there be happiness.</p>	<p>ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>Etena saccena suvatthi hotu.</b></p>		
<p><b>8. Yath’indakhīlo paṭhaviṃ sito siyā</b></p>	<p>8. "As a post deep-planted in the earth stands unshaken by the winds from the four quarters, so, too, I declare is the righteous man who comprehends with wisdom the Noble Truths. This precious jewel is the Sangha.</p>	<p>8. Cột cừ đã đóng cứng dưới đất, dầu gió bốn phương cũng không lay động thế nào. Người hay suy xét, thấy các pháp diệu đế, Như Lai gọi người ấy là bậc thiện trí thức, hạng không tham nhiễm các pháp thế gian. Ví như cột cừ kia vậy. Đức Tăng này như</p>
<p><b>Catūbhi vātebhi asampakampiyo</b></p>	<p>By this (asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p>trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>Tath’ūpamaṃ sappurisaṃ vadāmi yo</b></p>	<p>truth may there be happiness.</p>	<p>trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>Ariya-saccāni aveccapassati</b></p>	<p>truth may there be happiness.</p>	<p>trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>Idam’pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ</b></p>	<p>truth may there be happiness.</p>	<p>trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>Etena saccena suvatthi hotu.</b></p>		
<p><b>9. Ye ariya-saccāni vibhāvayanti</b></p>	<p>9. "Those who realized the Noble Truths well taught by him who is profound in</p>	<p>9. Các bậc Thánh nhơn, thấy rõ các pháp diệu đế mà đức Như Lai, có trí tuệ thâm</p>

<p><b>Gambhīra paññena sudesitāni Kiñc’āpi te honti bhusa- ppamattā Na te bhavaṃ aṭṭhamam’ādiyanti Idam’pi Saṅghe ratanaṃ pañītaṃ Etena saccena suvatthi hotu.</b></p>	<p>wisdom (the Buddha), even though they may be exceedingly heedless, they will not take an eighth existence (in the realm of sense spheres). This precious jewel is the Sangha. By this (asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p>đã giảng dạy đứng đắn. Các bậc Thánh như vậy, dầu có dễ dãi, cũng chẳng thọ sanh đến kiếp thứ 8, là chẳng luân hồi quá 7 kiếp. Đức Tăng này như trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>10. Sahāvassa dassanā- sampadāya Tayassu dhammā jahitā bhavanti Sakkāya-diṭṭhi vicikicchitañca Sīlabbatam vā’pi yad’atthi kiñci Catūh’apāyehi ca vipparamutto Cha c’ābhiṭṭhānāni abhabbo kātum Idam’pi Saṅghe ratanaṃ pañītaṃ Etena saccena suvatthi hotu.</b></p>	<p>10. "With his gaining of insight he abandons three states of mind, namely self-illusion, doubt, and indulgence in meaningless rites and rituals, should there be any. He is also fully freed from the four states of woe, and therefore, incapable of committing the six major wrongdoings. This precious jewel is the Sangha. By this (asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p>10. Bậc được chứng Đạo quả Tu Đà Hườn, thì đã dứt khỏi ba pháp chướng ngại thường có, là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ. Bậc Tu Đà Hườn, đã thoát khỏi cả bốn đường dữ, không còn phạm 6 điều ác, là năm tội đại nghịch, và các xu hướng theo ngoại đạo. Đức Tăng này như trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>11. Kiñc’āpi so kammaṃ karoti pāpakaṃ Kāyena vācā uda cetasā vā Abhabbo so tassa paṭicchādāya</b></p>	<p>11. "Any evil action he may still do by deed, word or thought, he is incapable of concealing it; since it has been proclaimed that such concealing is impossible for</p>	<p>11. Nếu bậc Tu Đà Hườn, vô tâm phạm điều tội lỗi, do thân - khẩu - ý, các Ngài cũng chẳng giấu giếm. Nết hạnh của bậc đã thấy đạo Niết bàn, bậc không có thể</p>

<p><b>Abhabbatā diṭṭha-padassa vuttā</b>  <b>Idam’pi Saṅghe ratanam paṇītaṃ</b>  <b>Etena saccena suvatthi hotu.</b></p>	<p>one who has seen the Path (of Nibbana). This precious jewel is the Sangha. By this (asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p>giấu kín nghiệp dữ, mà đức Phật đã giảng dạy rồi. Đức Tăng này như trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>12. Vana-ppagumhe yathā bhussit’agge</b>  <b>Gimhāna-māse paṭhamasmiṃ gimhe</b>  <b>Tath’ūpamaṃ Dhamma-varaṃ adesayi</b>  <b>Nibbāna-gāmiṃ paramaṃ hitāya Idam’pi</b>  <b>Buddhe ratanaṃ paṇītaṃ</b>  <b>Etena saccena suvatthi hotu.</b></p>	<p>12. "As the woodland groves though in the early heat of the summer month are crowned with blossoming flowers even so is the sublime Dhamma leading to the (calm) of Nibbana which is taught (by the Buddha) for the highest good. This precious jewel is the Buddha. By this (asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p>12. Pháp cao thượng mà đức Chánh Biến Tri đã giảng giải, là Pháp có thể tiếp dẫn chúng sanh đến Niết bàn, cho được sự lợi ích cao thượng. Pháp ấy ví như cây trong rừng, sanh chồi trong đầu mùa hạ. Đức Phật này như trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>13. Varo var’aññū varado var’āharo</b>  <b>Anuttaro Dhamma-varaṃ adesayi</b>  <b>Idam’pi Buddhe ratanaṃ paṇītaṃ</b>  <b>Etena saccena suvatthi hotu.</b></p>	<p>13. "The Peerless Excellent one (the Buddha) the Knower (of Nibbana), the Giver (of Nibbana), the Bringer (of the Noble Path), taught the excellent Dhamma. This precious jewel is the Buddha. By this (asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p>13. Đức Chánh Biến Tri là bậc cao thượng, Ngài suốt thông pháp cao thượng, Ngài thí pháp cao thượng, Ngài đem đến pháp cao thượng. Ngài là bậc vô thượng, đã diễn thuyết các pháp cao thượng. Đức Phật này như trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>14. Khīṇaṃ purāṇaṃ navaṃ n’atthi sambhavaṃ, Virattacitt’āyatike bhavasmīṃ.</b></p>	<p>14. "Their past (kamma) is spent, their new (kamma) no more arises, their mind to future becoming is unattached. Their germ (of</p>	<p>14. Nghiệp cũ của các bậc Thánh nhơn, đã dứt hẳn rồi, nghiệp mới cũng chẳng phát sanh. Các bậc Thánh nhơn</p>

<p><b>Te khīṇa-bījā avirūḷhi chandā,</b>  <b>Nibbanti dhīrā yathā yaṃ padīpo.</b>  <b>Idam'pi Saṅghe ratanaṃ paṇītaṃ,</b>  <b>Etena saccena suvatthi hotu.</b></p>	<p>rebirth-consciousness) has died, they have no more desire for re-living. Those wise men fade out (of existence) as the flame of this lamp (which has just faded away). This precious jewel is the Sangha. By this (asseveration of the) truth may there be happiness.</p>	<p>nào đã chán nản trong việc thọ sanh, là bậc có trí tuệ, thường được viên tịch, cũng như ngọn đèn tắt vậy. Đức Tăng này như trân châu quý báu cao thượng. Do nhờ chân ngôn này, cầu xin được phát sanh thành lợi.</p>
<p><b>15. Yān'īdha bhūtāni samāgatāni</b>  <b>Bhummāni vā yāni'va antalikkhe</b>  <b>Tathāgataṃ Deva-manussa-pūjitaṃ</b>  <b>Buddhaṃ namassāma suvatthi hotu.</b></p>	<p>15. "Whatever beings (non-human) are assembled here, terrestrial or celestial, come let us salute the Buddha, the Tathagata (the perfect One), honored by gods and men. May there be happiness.</p>	<p>15. Hạng Bhuta nào là chư Thiên ngự trên địa cầu, hoặc hạng Bhuta nào là chư Thiên ngự trên hư không, mà đến hội họp nơi đây, xin đồng cùng chúng con, làm lễ chư Phật, là các đấng giáo chủ, đã được chúng quả giống nhau, mà chư Thiên cùng nhân loại, thường hay cúng dường, cầu xin được phát sanh thành lợi.</p>
<p><b>16. Yān'īdha bhūtāni samāgatāni</b>  <b>Bhummāni vā yāni'va antalikkhe</b>  <b>Tathāgataṃ Deva-manussa-pūjitaṃ</b>  <b>Dhammaṃ namassāma suvatthi hotu.</b></p>	<p>16. "Whatever beings are assembled here terrestrial or celestial, come let us salute the perfect Dhamma, honored by gods and men. May there be happiness.</p>	<p>16. Hạng Bhuta nào là chư Thiên ngự trên địa cầu, hoặc hạng Bhuta nào là chư Thiên ngự trên hư không, mà đến hội họp nơi đây, xin đồng cùng chúng con, làm lễ các Pháp, đã có giống nhau, mà chư Thiên cùng nhân loại, thường hay cúng dường, cầu xin được phát sanh thành lợi.</p>
<p><b>17. Yān'īdha bhūtāni samāgatāni</b></p>	<p>17. "Whatever beings are assembled here terrestrial or celestial, come let us salute the perfect Sangha, honored</p>	<p>17. Hạng Bhuta nào là chư Thiên ngự trên địa cầu, hoặc hạng Bhuta nào là chư Thiên ngự trên hư không, mà đến hội họp nơi đây, xin đồng</p>

<p><b>Bhummāni vā yāni’va antalikkhe</b>  <b>Tathāgataṃ Deva-manussa-pūjitaṃ</b>  <b>Saṅghaṃ namassāma suvatthi hotu.</b></p>	<p>by gods and men. May there be happiness."</p>	<p>cùng chúng con làm lễ chur Tăng, đã có giống nhau, mà chur Thiên cùng nhân loại, thường hay cúng dường, cầu xin được phát sanh thanh lợi.</p>
<p><b>TIDASA PĀRAMĪ</b></p> <p><b>1. Itipi so bhagavā dāna-parāmī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā dāna-upa-pāramī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā dāna-paramattha-pāramī sampanno.</b></p> <p><b>2. Itipi so bhagavā sīla-pāramī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā sīla-upa-pāramī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā sīla-paramattha-pāramī sampanno.</b></p> <p><b>3. Itipi so bhagavā nekkhamma-pāramī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā nekkhamma-upa-pāramī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā nekkhamma-paramattha-pāramī sampanno.</b></p>	<p><b>THE THIRTY PERFECTIONS</b></p> <p>1. Endowed with the perfection of giving, endowed with the higher perfection of giving, endowed with the ultimate perfection of giving, so indeed is the Blessed One.</p> <p>2. Endowed with the perfection of virtue, endowed with the higher perfection of virtue, endowed with the ultimate perfection of virtue, so indeed is the Blessed One.</p> <p>3. Endowed with the perfection of renunciation, endowed with the higher perfection of renunciation, endowed with the ultimate perfection of renunciation, so indeed is the Blessed One.</p>	<p><b>KINH TAM THẬP ĐỘ</b></p> <p><b>1. Bồ thí</b>  Đường tu bố thí đứng đầu  Vị tha là tánh vô cầu là tâm  Không vì thương ghét sơ thân  Bàn tay ban bố nào phân biệt gì  Hy sinh ngoại vật tứ chi  Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  Phật xưa pháp độ vẹn toàn  Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.</p> <p><b>2. Trì giới</b>  Thiện nhân giới hạnh nghiêm trì  Nói làm suy nghĩ luôn khi giữ gìn  Nuôi ý lực dưỡng tâm lành  Cắt dây kiết phược phá thành mê si  Hy sinh ngoại vật tứ chi  Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  Phật xưa pháp độ vẹn toàn  Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.</p> <p><b>3. Xuất gia</b>  Xuất gia vốn hạnh ly trần  Quyết ra nhà lửa bỏ thân luân hồi  Lợi danh quyền thuộc xa rời  Độc cư thanh tịnh sống đời xả ly  Hy sinh ngoại vật tứ chi  Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  Phật xưa pháp độ vẹn toàn  Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.</p>

<p><b>4. Itipi so bhagavā paññā-pāramī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā paññā-upa-pāramī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā paññā-paramattha-pāramī sampanno.</b></p>	<p>4. Endowed with the perfection of wisdom, endowed with the higher perfection of wisdom, endowed with the ultimate perfection of wisdom, so indeed is the Blessed One.</p>	<p><b>4. Trí tuệ</b>  Đèn tâm trí tuệ sáng ngời  Bởi vô lượng kiếp vun bồi huệ căn  Phân minh thiện ác giả chân  Điều hay chuộng học bạn lành tương tri  Hy sinh ngoại vật tứ chi  Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  Phật xưa pháp độ vẹn toàn  Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.</p>
<p><b>5. Itipi so bhagavā viriya-pāramī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā viriya-upa-pāramī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā viriya-paramattha-pāramī sampanno.</b></p>	<p>5. Endowed with the perfection of energy, endowed with the higher perfection of energy, endowed with the ultimate perfection of energy, so indeed is the Blessed One.</p>	<p><b>5. Tinh tấn</b>  Chính do nghị lực tinh cần  Vượt qua bể ái chứng thân đại hùng  Kiên trì giữa cuộc lao lung  Càng nhiều chướng nghịch thêm công tu trì  Hy sinh ngoại vật, tứ chi  Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  Phật xưa pháp độ vẹn toàn  Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.</p>
<p><b>6. Itipi so bhagavā khantī-pāramī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā khantī-upa-pāramī sampanno</b>  <b>Itipi so bhagavā khantī-paramattha-pāramī sampanno.</b></p>	<p>6. Endowed with the perfection of patience, endowed with the higher perfection of patience, endowed with the ultimate perfection of patience, so indeed is the Blessed One.</p>	<p><b>6. Nhẫn nại</b>  Đức tu nhẫn nại vạn năng  Nuốt điều cay đắng lo phần tinh anh  Chông gai khéo tạo tâm thành  Xưa nay nguyện lớn hành trình gian nguy  Hy sinh ngoại vật tứ chi  Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân  Phật xưa pháp độ vẹn toàn  Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.</p>
<p><b>7. Itipi so bhagavā sacca-pāramī sampanno.</b>  <b>Itipi so bhagavā sacca-upa-pāramī sampanno</b></p>	<p>7. Endowed with the perfection of truthfulness, endowed with the higher perfection of truthfulness,</p>	<p><b>7. Chân thật</b>  Thiện hiền chân thật không ngoa  Quý gìn lẽ thật như là bảo châu  Chân tâm ấy đạo nhiệm màu  Nói làm nhất quán cho dù hiểm nguy</p>

<p><b>Itipi so bhagavā sacca-paramattha-pāramī sampanno.</b></p>	<p>endowed with the ultimate perfection of truthfulness, so indeed is the Blessed One.</p>	<p>Hy sinh ngoại vật tứ chi Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân Phật xưa pháp độ vẹn toàn Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.</p>
<p><b>8. Itipi so bhagavā adhiṭṭhāna-pāramī sampanno</b> <b>Itipi so bhagavā adhiṭṭhāna-upa-pāramī sampanno</b> <b>Itipi so bhagavā adhiṭṭhāna-paramattha-pāramī sampanno.</b></p>	<p>8. Endowed with the perfection of resolution, endowed with the higher perfection of resolution, endowed with the ultimate perfection of resolution, so indeed is the Blessed One.</p>	<p><b>8. Chí nguyện</b> Bởi do chí nguyện dẫn đường Biết nơi cứu cánh mà nương lối về Bờ kia là đạo bồ đề Tự lòng đã quyết bển mê phải lìa Hy sinh ngoại vật tứ chi Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân Phật xưa pháp độ vẹn toàn Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.</p>
<p><b>9. Itipi so bhagavā mettā-pāramī sampanno</b> <b>Itipi so bhagavā mettā-upa-pāramī sampanno</b> <b>Itipi so bhagavā mettā-paramattha-pāramī sampanno.</b></p>	<p>9. Endowed with the perfection of loving kindness, endowed with the higher perfection of loving kindness, endowed with the ultimate perfection of loving kindness, so indeed is the Blessed One.</p>	<p><b>9. Từ ái</b> Hạnh lành từ ái bao la Chúng sanh bốn loại chan hoà tình thương Lòng như cam lộ suối nguồn Rải ban phúc lạc lệ tuôn quản gì Hy sinh ngoại vật tứ chi Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân Phật xưa pháp độ vẹn toàn Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ.</p>
<p><b>10. Itipi so bhagavā upekkhā-pāramī sampanno</b> <b>Itipi so bhagavā upekkhā-upa-pāramī sampanno</b> <b>Itipi so bhagavā upekkhā-paramattha-pāramī sampanno.</b></p>	<p>10. Endowed with the perfection of equanimity, endowed with the higher perfection of equanimity, endowed with the ultimate perfection of equanimity, so indeed is the Blessed One.</p>	<p><b>10. Hành xả</b> An nhiên hành xả giữa đời Khen chê đặng thất khổ vui thường tình Điều tâm giữ ý quân bình Trong cơn bão loạn biết gìn chánh tri Hy sinh ngoại vật tứ chi Hoặc luôn mạng sống sá gì huyễn thân Phật xưa pháp độ vẹn toàn Chúng con nguyện bước theo chân Đại Từ. Từ trong bể khổ cuộc đời</p>



<p><b>Itipi so bhagavā dasa-pāramī sampanno</b></p> <p><b>Itipi so bhagavā dasa-upa-pāramī sampanno</b></p> <p><b>Itipi so bhagavā dasa-paramattha-pāramī sampanno.</b></p>	<p>Endowed with the ten perfections, endowed with the ten higher perfections, endowed with the ten ultimate perfections, so indeed is the Blessed One.</p>	<p>Đại hùng lập nguyện cứu người cứu thân Ba la mật hạnh vẹn toàn Dám quên mạng sống quyết tâm thực hành Nhờ ân Thiện Thệ Cha lành Muôn loài vượt thoát tử sanh luân hồi.</p>
<p style="text-align: center;"><b>BUDDHA- JAYAMAṄGALA GĀTHĀ</b></p> <p><b>1.Bāhuṃ sahassam’abhinimmita sāyudh’antaṃ Girimekhalam udita ghora-sasena-māraṃ Dān’ādi dhamma- vidhinā jitavā Mun’indo Taṃ tejasā bhavatu me (te) jaya-maṅgalāni.</b></p> <p><b>2.Mār’ātirekam- abhiyujjhita sabba rattim Ghoram pan’Ālavaka makkham’ath’addha yakkham</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>THE VERSES OF THE BUDDHA’S AUSPICIOUS VICTORIES</b></p> <p>1. Creating a form with 1,000 arms, each equipped with a weapon, Mara, on the elephant Girimekhala, uttered a frightening roar together with his troops.</p> <p>The Lord of Sages defeated him by means of such qualities as generosity:</p> <p>By the power of this, may you have victory blessings.</p> <p>2. Even more frightful than Mara making war all night</p> <p>Was Ālavaka, the arrogant unstable ogre.</p> <p>The Lord of Sages</p>	<p style="text-align: center;"><b>TÁM KỆ NGÔN AN LÀNH VỀ SỰ CẢM THẮNG CỦA ĐỨC PHẬT</b></p> <p>1 - Đức Phật cao thượng hơn các bậc trí tuệ, ngài đã cảm thắng Ma vương, Ma vương biến ngàn cánh tay đều cầm khí giới; cưỡi voi Girimekhala đủ cả binh ma, tiếng hét la vang rền. Nhờ Pháp thập độ, nhất là pháp bố thí mà đức Phật cảm thắng được Ma vương.</p> <p>Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.</p> <p>2 - Đức Phật đã cảm thắng được Dạ xoa Ālavaka rất cang ngạnh, không lòng nhẫn nhục, khoe tài trọn đêm cùng đức Phật. Dạ xoa rất hung ác, cảm đồng hơn Ma vương, đã bị Đức Chánh Biến Tri dùng</p>

<p><b>Khantī sudanta-vidhinā jitavā Mun'indo Taṃ tejasā bhavatu me (te) java-maṅgalāni.</b></p>	<p>defeated him by means of well-trained endurance: By the power of this, may you have victory blessings.</p>	<p>phép nhẫn nhục thân phục rồi. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.</p>
<p><b>3.Nālāgiriṃ gaja-varaṃ ati-matta-bhūtaṃ Dāv'aggi cakkam- asanī'va sudāruṇ'antaṃ Mett'ambu-seka vidhinā jitavā Mun'indo Taṃ tejasā bhavatu me (te) java-maṅgalāni.</b></p>	<p>3. Nālāgiri, the excellent elephant, when maddened, Was very horrific, like a forest fire, a flaming discus, a lightning bolt. The Lord of Sages defeated him by sprinkling the water of good will: By the power of this, may you have victory blessings.</p>	<p>3 - Đức Phật đã cảm thắng voi Nālāgiri đến cơn hung ác, dữ tợn như lửa rừng, như sấm sét, nhờ rải lòng từ bi mà Đức Chánh Biến Tri đã cảm thắng được voi ấy. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.</p>
<p><b>4.Ukkhitta-khaggam- atihaṭṭha su- dāruṇ'antaṃ Dhāvan tiyojana- path'Angulimālavantaṃ Iddhī'bhisāṅkhata- mano jitavā Mun'indo Taṃ tejasā bhavatu me (te) java-maṅgalāni.</b></p>	<p>4. Very horrific, with a sword upraised in his expert hand, Garlanded-with-Fingers ran three leagues along the path. The Lord of Sages defeated him with mind-fashioned marvels. By the power of this, may you have victory blessings.</p>	<p>4 - Đức Phật dùng phép thần thông cảm thắng Angulimāla, kẻ cướp sát nhân, cắt ngón tay người xỏ làm tràng hoa, kẻ quá hung bạo, nhưng rất tinh nhuệ, cầm gươm rượt Đức Chánh Biến Tri xa ba do tuần. Do nhờ Phật lực này xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.</p>

<p><b>5. Katvāna kaṭṭham'udaram iva gabbhinīyā Ciñcāya duṭṭha- vacanam jana-kāya- majjhe Santena samma-vidhinā jitavā Mun'indo Taṃ tejasā bhavatu me (te) jaya-maṅgalāni.</b></p>	<p>5. Having made a wooden belly to appear pregnant, Ciñca made a lewd accusation in the midst of the gathering. The Lord of Sages defeated her with peaceful, gracious means: By the power of this, may you have victory blessings.</p>	<p>5 - Đức Phật đã khử trừ lời dữ của nàng Ciñca, nàng dùng cây tròn giống dạng dưa bẻ trong thai, giả làm phụ nữ mang thai. Nhờ dùng pháp chánh định mà đức Chánh Biến Tri cảm thắng nàng giữa chốn đông người. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.</p>
<p><b>6. Saccam viḥāyam-ati- Saccaka-vāda-ketuṃ Vād'ābhiropita-manam ati-andha-bhūtam Paññā-padīpa-jalito jitavā Mun'indo Taṃ tejasā bhavatu me (te) jaya-maṅgalāni.</b></p>	<p>6. Saccaka, whose provocative views had abandoned the truth, Delighting in argument, had become thoroughly blind. The Lord of Sages defeated him with the light of discernment: By the power of this, may you have victory blessings.</p>	<p>6 - Đức Phật sáng suốt nhờ ngọn đèn tuệ, Ngài đã cảm thắng kẻ ngoại đạo Saccaka, là kẻ không ngay thật, chỉ ưa thích sự nâng cao lời nói mình như người dựng cột phương, kẻ rất si mê, chẳng khác người mù. Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.</p>
<p><b>7. Nandopananda- bhujagamvibuddham mah'iddhiṃ. Puttena thera bhujagena dam'āpayanto</b></p>	<p>7. Nandopananda was a serpent with great power but wrong views. The Lord of Sages defeated him by means of a display of marvels, sending his son (Moggallana), the</p>	<p>7 - Đức Phật dạy Đại đức Mục Kiền Liên, biến làm Long vương để thâm phục rồng chúa Nandopananda, là rồng tà kiến, có nhiều thần thông. Nhờ dạy đại đức Mục Kiền Liên mà Đức Chánh</p>

<p><b>Iddh'ūpadesa-vidhinā</b>  <b>jitavā Mun'indo</b>  <b>Taṃ tejasā bhavatu me</b>  <b>(te) jaya-maṅgalāni.</b></p>	<p>serpent-elder, to tame him:  By the power of this, may you have victory blessings.</p>	<p>Biển Tri thân phục được rồng chúa ấy.  Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.</p>
<p><b>8. Duggāha-diṭṭhi</b>  <b>bhujagena sudatṭha-</b>  <b>hatthaṃ</b>  <b>Brahmaṃ visuddhi-</b>  <b>jutim-iddhi-</b>  <b>Bak'ābhidhānaṃ</b>  <b>Ñāṇ'āgadena vidhinā</b>  <b>jitavā Mun'indo</b>  <b>Taṃ tejasā bhavatu me</b>  <b>(te) jaya-maṅgalāni.</b></p>	<p>8. His hands bound tight by the serpent of wrongly held views,  Baka, the Brahma, thought himself pure in his radiance &amp; power.  The Lord of Sages defeated him by means of his words of knowledge:  By the power of this, may you have victory blessings.</p>	<p>8 - Đức Phật đã cảm thắng Đại-Phạm-Thiên Baka tự cho mình là cao thượng vì đức trong sạch, có thần thông và chấp hỷ tà kiến. Nhờ giác tuệ mà Đức Chánh Biển Tri đã cảm thắng được đại Phạm Thiên ấy.  Do nhờ Phật lực này, xin cho sự hạnh phúc phát sanh đến người.</p>
<p><b>Etāpi Buddha-jaya-</b>  <b>maṅgala-aṭṭhagāthā</b>  <b>Yo vācano dina-dine</b>  <b>sarate ma tandī</b>  <b>Hitvāna neka-vividhāni</b>  <b>c'upaddavāni</b>  <b>Mokkhaṃ sukhaṃ</b>  <b>adhigameyya nara</b>  <b>sapañño.</b></p>	<p>These eight verses of the Buddha's victory blessings:  Whatever person of discernment  Recites or recalls them day after day without lapsing,  Destroying all kinds of obstacles,  Will attain emancipation &amp; happiness.</p>	<p>Những người có trí tuệ, không biếng nhác, thường ngày hằng tụng hoặc niệm tám kệ ngôn tán dương oai lực của Đức Chánh Biển Tri, thì sẽ tránh khỏi vô số nạn tai, và sẽ chứng quả Niết bàn, là nơi yên vui độc nhất.</p>

<b>KARAṆĪYA METTĀ SUTTA</b>	<b>DISCOURSE ON LOVING-KINDNESS</b>	<b>TỪ BI KINH</b>
<p><b>1. Karaṇīyam'attha-kusalena</b> <b>Yaṃ taṃ santaṃ padaṃ abhisamecca</b> <b>Sakko ujū ca su-h-ujū ca</b> <b>Suvaco c'assa mudu anatimānī.</b></p>	<p>1. "He who is skilled in (working out his own) well-being, and who wishes to attain that state of Calm (Nibbana) should act thus: he should be dexterous, upright, exceedingly upright, obedient, gentle, and humble.</p>	<p>1. Hiền nhân có đủ đức tài, Hăng tìm lợi ích tương lai cho mình. Dọn lòng an tịnh thanh bình Tiến vào cực lạc vô sanh Niết bàn Giữ lòng chánh trực đoan trang, Nhu hòa lương thiện chẳng màng khoe khoang.</p>
<p><b>2. Santussako ca subharo ca</b> <b>Appa-kicco ca sallahukavutti</b> <b>Sant'indriyo ca nipako ca</b> <b>Appagabbho kulesu ananugiddho.</b></p>	<p>2."Contented, easily supportable, with but few responsibilities, of simple livelihood, controlled in the senses, prudent, courteous, and not hanker after association with families.</p>	<p>2. Thanh bần thủ phận an nhàn, Không ham thế sự tịnh an cõi lòng. Lục căn chế ngự nghiêm phòng, Không cho liễu lĩnh luyến mong dục trần.</p>
<p><b>3. Na ca khuddaṃ samācare kiñci</b> <b>Yena viññū pare upavadeyyuṃ</b> <b>Sukhino vā khemino hontu</b> <b>Sabbe sattā bhavantu sukhittā.</b></p>	<p>3. "Let him not perform the slightest wrong for which wise men may rebuke him. (Let him think:) 'May all beings be happy and safe. May they have happy minds.'</p>	<p>3. Không làm như bản tính thần, Tránh lời chê trách thánh nhân phê bình, Mong cầu tất cả chúng sinh, Dồi dào hạnh phúc hòa bình sinh nhai.</p>

<p><b>4. Ye keci pāṇa-bhūṭ’atthi Tasā vā thāvarā va anavasesā Dīghā vā ye mahantā vā Majjhimā rassakā aṇuka- thūlā.</b></p>	<p>4. "Whatever living beings there may be — feeble or strong (or the seekers and the attained) long, stout, or of medium size, short, small, large,</p>	<p>4. Cầu cho ba giới bốn loài, Chúng sanh yếu mạnh, vắn dài bình trung. Béo gầy nhỏ lớn không cùng,</p>
<p><b>5. Diṭṭhā vā ye va adiṭṭhā Ye ca dūre vasanti avidūre, Bhūtā vā sambhavesī vā Sabbe sattā bhavantu sukhitattā.</b></p>	<p>5. Those who are seen or unseen, dwelling far or near. Those who are born as well as those yet to be born — may all beings have happy minds.</p>	<p>5. Hữu hình, vô tướng muôn trùng gần xa. Chưa sanh hoặc đã sanh ra Thấy đều cộng hưởng hà sa phước lành.</p>
<p><b>6. Na paro paraṃ nikubbetha N’ātimaññetha katthacinaṃ kañci Byārosanā paṭigha-saññā N’aññam’aññassa dukkham’iccheyya.</b></p>	<p>6. "Let him not deceive another nor despise anyone anywhere. In anger or ill will let him not wish another ill.</p>	<p>6. Nguyện không lừa gạt, dối manh, Khinh người, miệt chúng, hư danh trang hiền. Dầu cho thân thuộc, xóm giềng, Người đừng kể lạ các miền xa xăm. Trong cơn phần nộ giận thâm, Cũng không lo nghĩ mưu thâm hại người.</p>
<p><b>7. Mātā yathā niyaṃ puttaṃ Āyusā eka- puttam’anurakkhe Evam’pi sabba bhūtesu Mānasaṃ bhāvaye aparimāṇaṃ.</b></p>	<p>7. "Just as a mother would protect her only child with her life even so let one cultivate a boundless love towards all beings.</p>	<p>7. Như lòng từ mẫu thanh tươi, Trăm cay ngàn đắng vui cười vì con. Dầu cho một mất một còn, Bảo tồn con trẻ vương tròn ăn chơi. Tình thương ghi tạc đời đời, Từ bi rộng lớn bầu trời</p>

<p><b>8. Mettañca sabba lokasmim Mānasam bhāvaye aparimāṇam Uddham adho ca tiriyañca Asambādham averam asapattam.</b></p> <p><b>9. Tiṭṭham caram nisinno vā Sayāno vā yāvat'assa vigatamiddho Etaṃ satim adhiṭṭheyya Brahmam'etaṃ vihāram idham'āhu.</b></p>	<p>8. "Let him radiate boundless love towards the entire world — above, below, and across — unhindered, without ill will, without enmity.</p> <p>9. "Standing, walking, sitting or reclining, as long as he is awake, let him develop this mindfulness. This, they say, is 'Noble Living' here.</p>	<p>thênh thang. Học đòi từ mẫu gương vàng, Mở lòng thương xót bủa tràn gần xa. Chúng sanh trong cõi Ta bà, Thoát vòng khổ não, vượt ra luân hồi.</p> <p>8. Hằng ngày rải khắp nơi nơi, Bốn phương tám hướng gầm trời bao la. Tám lòng bác ái vị tha, Gội nhuần tư tưởng đậm đà tình thương. Lòng từ trong sạch như gương, Không pha ác cảm không vương tư thù.</p> <p>9. Cố tâm niệm niệm công phu, Khi đi, khi đứng, chuyên tu tham thiền. Nằm ngồi mặc niệm thường xuyên, Suu tầm đạo quả, gieo duyên Niết bàn Đó là phương pháp thế gian, Đó là hạnh kiểm đưa đàng vô sanh. Thánh nhân ca tụng tán thành, Xuôi dòng thánh vực, lữ hành Nhập lưu.</p>
--	---	---

<p><b>10. Ditṭhiñca anupagamma Sīlavā dassanena sampanno Kāmesu vineyya gedham Na hi jātu gabbha-seyyam punaretī'ti.</b></p>	<p>10. "Not falling into wrong views — being virtuous, endowed with insight, lust in the senses discarded — verily never again will he return to conceive in a womb."</p>	<p>10. Vượt lên đến mức tối ưu, Khai thông tuệ nhãn, tâm suu đỉnh đầu. A Hàm đạo tuệ gươm màu, Đoạn tuyệt tà kiến, xả câu dục tình. Bất lai cảnh giới hữu hình, Phạm thiên tạm ngự, nghiêm minh Niết bàn.</p>
--	---	---

<p><b>TIỂU SỬ PHẬT THÍCH CA</b> Kính lạy Phật từ bi quảng đại, Vì chúng sanh muôn loại đảo điên, Luân hồi khổ não triền miên, Mới tìm phương giải lửa phiền đốt thân. Kính lạy Pháp nguồn ân khôn trả Nẻo quang minh mô tả rõ ràng, Đời còn lắm kẻ làm than, Nên thuyền bát nhã sẵn sàng đợi đưa. Kính lạy Tăng người thừa chí cả, Thay Thế Tôn hoằng hóa đạo màu, Vô minh khỏi phải lo âu, Rọi đèn cứu khổ dẫn đầu chúng sanh. Hàng thánh đức đáng nên kính nể Bậc thánh cao phải nể phải kiêng Kính nhường là đức sanh thiên Nếu không thì cũng là duyên sang giàu Kính trọng Phật đời sau gặp Phật Dễ tu hạnh ít mất công phu Thoáng nghe xoá hết mây mù Phật ngôn thâm diệu nghìn thu một lần Kính trọng Pháp đặc ân cao cả Là giúp cho đắc quả Niết bàn</p>	<p>Sát na thân mẫu thoát nản Là do trọng Pháp hơn vàng trong kho Kính lạy Tăng đức to hơn núi Bởi các ngài dẫn lối trần gian Chúa voi xưa nể y vàng Nên tha kẻ ác bên đàng phóng lao Kính điều học xã giao thiên định Không dễ duôi tự tình thân tâm Đức cao phước rộng thâm thâm Dù chưa giải thoát khỏi lầm đường mê Hành Phạm hạnh gieo mầm giác ngộ Bố thí người nghèo khổ đói đau Giúp người bằng sức cần lao Ấy là phục vụ đồng bào con nguy Thọ ngũ giới hành trì trong sạch Vào chỗ đông sắc mặt không thay Từ bi hỷ xả tròn đầy Sống hằng an lạc thác về Phạm cung Đời Phạm hạnh hẳn không dục lạc Chán xúc trần ướt át tanh hôi Cư sĩ một vợ chồng thôi Phóng the hạ nguyệt người đời trách chê Luôn tinh tấn chẳng hề giải đãi</p>
--	---



Siêng đến đâu nơi ấy công thành Bát quan trai giới tịnh thanh Phước hơn bố thí mà không tốn tiền Hành Chánh đạo phước duyên cao thượng Đủ căn cơ chuyên hướng trọn lành Giáo lý toàn thiện tinh anh Giúp cho hậu thế tiến hạnh thượng lưu Sống cao thượng sống hành chánh pháp Giữa biển trần gió dập sóng dồi Lang thang muôn kiếp luân hồi Hiền hơn vững dạ là người thanh cao Thân không tạo nghiệp nào sát hại Đói khát cam chớ lấy của người Tà dâm tội nặng đừng vui Là thân trong sạch của người hiền lương	Khẩu chẳng nói đôi đường chia rẽ Có nói không là lẽ nên chừa Tránh lời nhảm nhí đầy đưa Ác ngôn mất đức nên ngừa lúc sân Ý sâu sắc nên cần phòng hộ Tâm tham lam cảm dỗ hành tà Lòng sân xúi hại người ta Chấp theo tà kiến khó ra luân hồi. Vua A Dục quyết thôi chinh chiến Bỏ bạo quyền thực hiện hoà bình Hành theo pháp chẳng sát sanh Và không phá lũy đạt thành của ai Lòng thành lễ Phật hôm nay Ngưỡng cầu tấn hoá đến ngày vô sanh.
--	--

<b>KARAṆĪYAMETTASU TTĀRAMBHO</b>	<b>VOW OF KARAṆĪYA METTĀ SUTTA</b>	<b>BỐ CÁO KINH BÁC ÁI</b>
<b>Yassānubhāvato yakkhā, Neva dassenti bhiṃsanaṃ, Yamhi cevānuyuñjanto, Rattindivamatandito, Sukhaṃ supati sutto ca, Pāpaṃ kiñci na passati, Evamādiguṇūpetam, Parittantambhaṇāma he.</b>	By the power of this Sutta, the yakkhas do not show fearful visions, and a person who makes effort regarding this Sutta day and night (by reciting and practicing), sleeps comfortably, and when he is asleep, he does not have bad dreams. Oh good people! Let us recite this	Do nhờ oai lực kinh Paritta, mà các hạng Dạ xoa không dám hiện hình đáng sợ, lại nữa những ai ngày và đêm không biếng nhác, siêng năng đọc tụng kinh Paritta, đương khi ngủ hoặc đã ngủ cũng đều được an

	protective Sutta which is endowed with these qualities and others as well.	vui, không nằm mộng thấy sự xấu xa chút ít. Nay ta tụng kinh Paritta có những oai đức, nhưt là như vậy:
<p style="text-align: center;"><b>ABHAYA-PARITTA-SUTTA</b></p> <p><b>1.Yaṃ du-nnimittam ava-maṅgalañca Yo c'āmanāpo sakuṇassa saddo Pāp'āgho du-ssupinam akantam Buddh'ānubhāvena vinassamentu.</b></p> <p><b>2.Yaṃ du-nnimittam ava-maṅgalañca Yo c'āmanāpo sakuṇassa saddo Pāp'āgho du-ssupinam akantam Dhamm'ānubhāvena vinassamentu.</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>THE FEARLESS SAFEGUARD</b></p> <p>1. Whatever bad sign, inauspicious event, or whatever ominous bird shriek there is, also evil planets, and unpleasant dreams, may they perish through the power of the Buddha!</p> <p>2. Whatever bad sign, inauspicious event, or whatever ominous bird shriek there is, also evil planets, and unpleasant dreams, may they perish through the power of the Dhamma!</p>	<p style="text-align: center;"><b>KINH VÔ UÝ</b></p> <p>1. Nhờ uy linh của đức Phật, xin cho những triệu bất hảo, điều bất lợi, tiếng điều thú không vừa lòng, nghịch cảnh và mộng寐 bất mãn thấy đều tiêu tan.</p> <p>2. Nhờ uy linh của đức Pháp, xin cho những triệu bất hảo, điều bất lợi, tiếng điều thú không vừa lòng, nghịch cảnh và mộng寐 bất mãn thấy đều tiêu tan.</p>

<p><b>3.Yaṃ du-nnimittaṃ ava-maṅgalañca Yo c'āmanāpo sakuṇassa saddo Pāp'āgho du-ssupinaṃ akantaṃ Saṅgh'ānubhāvena vinassamentu.</b></p>	<p>3. Whatever bad sign, inauspicious event, or whatever ominous bird shriek there is, also evil planets, and unpleasant dreams, may they perish through the power of the Sangha!</p>	<p>3. Nhờ uy linh của đức Tăng, xin cho những triệu bất hảo, điều bất lợi, tiếng điều thú không vừa lòng, nghịch cảnh và mộng寐 bất mãn thấy đều tiêu tan.</p>
--	---	---

<b>PABBA III: SAMVEJANIYA SUTTA</b>	<b>PART III: REQUIEM DISCOURSE</b>	<b>PHẦN III: KINH CẦU SIÊU</b>
<b>KỆ TỤNG TRƯỚC CÁC THÁP THỜ XÁ LỢI PHẬT</b>		

Trước Xá lợi uy linh lẫm liệt,  
 Dâng nén hương dạ nhiệt tín thành,  
 Cúng dường Phật tổ cha lành,  
 Ngày xưa di tích Phật danh Cồ Đàm.  
 Đức từ bi chỉ đàng giác ngạn,  
 Ôn cứu khổ độ nạn mê tân,  
 Trời người thuận gọi nguồn ân,  
 Duyên may được hưởng đôi phân chánh truyền  
 Phát tâm lành cần chuyên giữ đạo  
 Nguyên noi theo tôn giáo Thích Ca.  
 Lo phần tự giác, giác tha,  
 Y theo bốn hạnh Phật đà khi xưa:  
 Chón rừng già muối dưa đạm bạc,  
 Giữa tuyết sương đói khát bao nài,  
 Chẳng màng lao khổ đắng cay,  
 Quyết lòng tìm đạo duyên may độ đời.  
 Dưới cội cây tứ thời tĩnh tọa,  
 Trên Bồ đoàn phân tỏa tâm minh.  
 Thoạt nhiên ngộ đạo tự mình,  
 Đắc thành Phật quả vô sanh Niết bàn.  
 Rồi từ đó mở mang giáo Pháp,  
 Bốn mươi lăm hạ giáp vẹn toàn,  
 Châu du cùng khắp bốn phang,  
 Hoằng khai Phật đạo chỉ đàng vô sanh,  
 Vườn Kusināra cha lành viên tịch,  
 Ngọc Xá lợi di tích thế gian.  
 Bảy đoạn xương lớn huy hoàng,  
 Xương trán răng nhọn lại còn xương vai,

Lửa chur Thiên hỏa đài phát cháy,  
 Không rã tan quả thấy nhiệm màu.  
 Lại còn Xá lợi đủ màu,  
 Chia ra ba cỡ khác nhau cân lường:  
 Chừng năm cân chỉ bằng hột đậu,  
 Ánh chiếu ngời huỳnh ngọc kim cương.  
 Cỡ hai đồng chạn khác thường  
 Lớn bằng hột thóc đã lường sáu cân,  
 Pha ly màu sáng trong ngần  
 Thủy xoàn ngọc quý trong trần nào hơn.  
 Cỡ ba hột cải trọng tron,  
 Năm cân ngọc điệp trắng ngần như hoa  
 Chúng sanh khắp cõi Ta bà.  
 Dễ nào gặp được để mà suy tôn.  
 Duyên lành đưa đến điện môn.  
 Cúng dường Xá lợi Thế Tôn di truyền:  
 Nhất tâm thệ nguyện quy nguyên,  
 Ngưỡng cầu Phật tổ chứng miên lòng thành.  
 Đầu tiên tám nước phân tranh,  
 Công phân Xá lợi sử sanh ghi rành;  
 Đền thờ tiêu biểu: đức lành;  
 Tám nơi công cộng đô thành quốc vương  
 Môn sanh từ khắp bốn phương.  
 Mai chiều chiêm bái cúng dường Như Lai.  
 Chúng con cảm mến dạ hoài,  
 Hướng chùng Thánh tháp Phật đài suy tôn.  
 Răng nhọn bốn cái di tồn,  
 Bốn nơi tạo tháp kiền khôn lưu đời:

<p>Một là Đạo lợi cung trời,  Hai là Thánh địa đương thời Lãn Ca  Xứ Ganh Tha Rá thứ ba  Bốn là thủy điện nguy nga chúa Ròng.  Chúng con ái mộ tâm đồng,  Cúng dường Xá lợi kim thân Phật đà.  Phạm Thiên thượng giới một tòa,  Xương vai bên tả cùng là tam y,  Đền thờ cao vọi cực kỳ  Chúng con lễ bái thiên uy tháp này.  Tuần hoàn tuế nguyệt chuyển xoay,  Cổ sơ tám tháp hằng ngày mòn hư,  Hai trăm mười tám năm dư,  Nhờ vua A Dục tâm từ sùng hưng.  Tám phần Xá lợi quân phân,  Tám muôn bốn ngàn tạo tân pháp thờ.</p>	<p>Ngàn năm muôn kiếp một giờ,  Trước đền Xá lợi ước mơ phi nguyện.  Phản hương lễ bái điện tiền,  Cúng dường Xá lợi gieo duyên Niết bàn.  Nguyện cầu trăm họ bốn phương,  Thoát vòng tai ách, hưởng an thanh bình  Cầu cho tất cả chúng sinh,  Đồng nhau tu Phật, đệ huynh một nhà.</p>
--	--

<b>MĀTĀPITUPANĀMA- GĀTHĀ</b>	<b>REVERENCE FOR MOTHER AND FATHER</b>	<b>LỄ BÁI PHỤ MẪU</b>
<p><b>Yadājāto ca yo vāhaṃ  Dukkhaṃ mātāpitūhime  Anubhūtaṃ  navaṇṇitaṃ  Hatthaṃ pagayha  vandito  Dosaṃ  khamathameyeva  Tumhe dethābhayampi  ca</b></p>		<p>Kính thưa cha mẹ tường tri  Nghĩ suy con sợ lỗi nghi ơn  trên  Từ con hình thể có nên  Mẹ cha bảo dưỡng kê bên  không rời  Nặng nề cực nhọc lắm ôi!  Chăm nom con trẻ kể thôi  sao cùng  Con xin đánh lễ cúc cung  Nghiêng mình phủ phục  mong dung tội rày.  Khi con la khóc rày tai</p>

<p><b>Ruditassevame tumhe</b>  <b>Sugītamuppagettha ve</b>  <b>Nipajjāpetha maṃ</b>  <b>amhaṃ</b>  <b>Malamuttampi sakala</b>  <b>Hatthena te gahetvā va</b>  <b>Dhovitthāpi ca sabbaso</b>  <b>Tumhe anāgate kāle</b>  <b>Amma kāruṇṇike have</b>  <b>Puttadhītutta mātā ta</b>  <b>Buddhāyeva</b>  <b>bhaveyyātha</b></p>		<p>Từ bi mẹ hát thương thay  nào nùng  Tân dịch, đại tiểu tiện cùng  Các vật uế trước ung dung  lau chùi  Giặt rửa cha mẹ vẫn vui  Chẳng hề nhòm góm  những mùi thối tha.  Từ bi thay! Lòng mẹ cha  Ơn tày trời đất, khó mà đáp  xong  Cầu cho cha mẹ thấy đồng  Đắc thành Phật quả thoát  vòng tai ba.</p>
<p><b>PAṬṬICCA</b>  <b>SAMUPPĀDA</b>  <b>Avijjā paccayā saṅkhārā</b>    <b>Saṅkhāra paccayā</b>  <b>viññāṇaṃ</b>    <b>Viññāṇa paccayā nāma-</b>  <b>rūpaṃ</b>    <b>Nāma-rūpa paccayā</b>  <b>saḷ'āyatanaṃ</b>    <b>Saḷ'āyatana paccayā</b>  <b>phasso</b></p>	<p><b>CONDITIONAL ARISING</b>    With ignorance as condition  there are (volitional)  processes,    with (volitional) processes as  condition: consciousness,    with consciousness as  condition: mind and body,    with mind as condition and body:  the six sense spheres,    with the six sense spheres as  condition: contact,</p>	<p><b>THẬP NHỊ DUYÊN</b>  <b>KHỞI</b>    Các pháp hành phát khởi vì  duyên vô minh.    Thức phát khởi vì duyên  hành,    Danh sắc phát khởi vì  duyên thức.    Lục nhập phát khởi vì  duyên danh sắc.    Tiếp xúc phát khởi vì  duyên lục nhập.</p>

<p><b>Phassa paccayā vedānā</b> <b>Vedanā paccayā taṇhā</b></p>	<p>with contact as condition: feeling,</p>	<p>Thọ phát khởi vì duyên tiếp xúc.</p>
<p><b>Taṇhā paccayā upādānaṃ</b></p>	<p>with feeling as condition: craving,</p>	<p>Ái phát khởi vì duyên thọ.</p>
<p><b>Upādāna paccayā bhavo</b></p>	<p>with craving as condition: attachment,</p>	<p>Thủ phát khởi vì duyên ái.</p>
<p><b>Bhava paccayā jāti</b></p>	<p>with attachment as condition: continuation,</p>	<p>Hữu phát khởi vì duyên thủ.</p>
<p><b>Jāti paccayā jarā- maraṇaṃ</b></p>	<p>with continuation as condition: birth,</p>	<p>Sanh phát khởi vì duyên hữu.</p>
<p><b>Soka-parideva-dukkha- domanass'upāyāsā sambhavanti.</b></p>	<p>with birth as condition: old age, death</p>	<p>Lão tử phát khởi cũng vì duyên sanh.</p>
<p><b>Evam'etassa kevalassa dukkhakkhandhassa samudayo hoti.</b></p>	<p>grief, lamentation, pain, sorrow, and despair (all) originate,</p>	<p>Sự uất ức sanh tử biệt ly khổ, trái ý, bực bội, hăng phát khởi (cũng vì duyên sanh).</p>
<p><b>Avijjāya tv'eva asesa virāga nirodhā</b></p>	<p>and so this whole mass of suffering comes to arise.</p>	<p>Tánh cách phát khởi những thống khổ ấy, lý do như thế.</p>
<p><b>Saṅkhāra nirodho saṅkhāra nirodhā</b></p>	<p>But with the complete fading away and cessation of ignorance, there is the cessation of (volitional) processes,</p>	<p>Tánh cách diệt hành hẩn thật vì diệt tận vô minh do theo Thánh đạo.</p>

<b>Viññāṇa nirodho viññāna nirodhā</b>	with the cessation of (volitional) processes, the cessation of consciousness,	Tánh cách diệt thức vì diệt hành.
<b>Nāma-rūpa nirodho nāma-rūpa nirodhā</b>	with the cessation of consciousness, the cessation of mind and body,	Tánh cách diệt danh sắc vì diệt thức.
<b>Sal'āyatana nirodho sal'āyatana nirodhā</b>	with the cessation of mind and body, the cessation of the six sense spheres,	Tánh cách diệt lục nhập vì diệt danh sắc.
<b>Phassa nirodho phassa nirodhā</b>	with the cessation of the six sense spheres, the cessation of contact,	Tánh cách diệt tiếp xúc vì diệt lục nhập.
<b>Vedanā nirodho vedanā nirodhā</b>	with the cessation of contact, the cessation of feeling,	Tánh cách diệt thọ vì diệt tiếp xúc.
<b>Taṇhā nirodho taṇhā nirodhā</b>	with the cessation of feeling, the cessation of craving,	Tánh cách diệt ái vì diệt thọ.
<b>Upādāna nirodho upādāna nirodhā</b>	with the cessation of craving, the cessation of attachment,	Tánh cách diệt thủ vì diệt ái.
<b>Bhava nirodho bhava nirodhā</b>	with the cessation of attachment, the cessation of continuation,	Tánh cách diệt hữu vì diệt thủ.
<b>Jāti nirodho jāti nirodhā</b>	with the cessation of continuation, the cessation of birth,	Tánh cách diệt sanh vì diệt hữu.
<b>Jarā-maraṇaṃ soka-parideva-dkkha-</b>	with the cessation of birth, the cessation of decay and death,	Lão tử diệt, vì tánh cách diệt sanh.



<p><b>domanass'upāyāsā nirujjhanti.</b></p> <p><b>Evam'etassa kevalassa dukkha-kkhandhassa nirodho hoti.</b></p>	<p>grief, lamentation, pain, sorrow, and despair (all) cease,  and so there is a cessation of this whole mass of suffering.</p>	<p>Sự uất ức, sự sanh tử biệt ly khô, sự trái ý, và sự bức bối trong tâm, cũng đều diệt, (vì tánh cách diệt sự sanh).</p> <p>Tánh cách diệt những thống khổ ấy, lý do như thế.</p>
<p><b>SAMVEJANĪYAGĀTHĀ</b></p> <p><b>Aniccā vata saṅkhārā, Uppādavayadhammino, Uppajjitvā nirujjhanti, Tesaṃ vūpasamo sukho.</b></p> <p><b>1.Na gāmadhammo nigamassa dhammo, Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo, Sabbassa lokassa sadevakassa, Eseva dhammo yadidaṃ aniccatā</b></p> <p><b>2.Na gāmadhammo nigamassa dhammo, Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo,</b></p>	<p><b>MIND REFLECTION</b></p> <p>All things are impermanent They arise and pass away Having arisen they come to an end Their coming to peace is bliss</p> <p>1. The Law named Impermanence means that all must pass away This is the Law not only for villages or towns Not for one family is this the Law, For all the wide worlds both of men and gods.</p> <p>2. The Law named Suffering means that all must be unsatisfactory This is the Law not only for villages or towns</p>	<p><b>KỆ ĐỘNG TÂM</b></p> <p>Các pháp Hữu vi thật không bền vững, nó có tánh sanh diệt là thường, vì nhân sanh rồi diệt, diệt rồi sanh (nên thường hay có sự khổ nã), chỉ có Niết bàn là pháp tịch diệt. Dứt cả pháp Hữu vi ấy được, mới có sự an vui tuyệt đối.</p> <p>1.Pháp nào có tên gọi là Vô thường, là pháp có trạng thái thay đổi không thường, pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu, pháp ấy để chung cho nhân loại, súc sanh, luôn đến chư Thiên, Ma vương cùng Phạm Thiên cả thảy.</p> <p>2.Pháp nào có tên gọi là Khổ nã, là pháp có trạng thái đau đớn buồn rầu, pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một</p>

<p><b>Sabbassa lokassa sadevakassa, Eseva dhammo yadidaṃ ca dukkhatā.</b></p>	<p>Not for one family is this the Law, For all the wide worlds both of men and gods.</p>	<p>xóm, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu, pháp ấy để chung cho nhân loại, súc sanh, luôn đến chư Thiên, Ma vương cùng Phạm Thiên cả thảy.</p>
<p><b>3.Na gāmadhammo nigamassa dhammo, Na cāpiyaṃ ekakulassa dhammo, Sabbassa lokassa sadevakassa, Eseva dhammo yadidaṃ anattatā.</b></p>	<p>3. The Law named Egolessness means that all must be the emptiness of a self “This is the Law not only for villages or towns Not for one family is this the Law.</p>	<p>3.Pháp nào có tên gọi là Vô ngã, là pháp có trạng thái không phải là của ta, pháp ấy chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xứ, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một xóm, chẳng phải chỉ để riêng cho những người trong một gia tộc đâu, Pháp ấy để chung cho nhân loại, súc sanh, luôn đến chư Thiên, Ma vương cùng Phạm Thiên cả thảy.</p>
<p><b>4.Na tattha hatthīnaṃ bhūmi, Na rathānaṃ na pattiya, Na cāpi mantayuddhena, Sakkā jetuṃ dhanena vā,  Tasmā hi paṇḍito poso, Sampassaṃ atthamattano, Buddhe dhamme ca saṅghe ca, Dhīrosaddhaṃ nivesaye,  Yo dhammacārī kāyena, Vācāya udacetasā,</b></p>	<p>4. Here elephants can hold no ground, Nor can chariots or infantry. One can't defeat them by a battle of spells Or buy them off by means of wealth. So a wise person, Seeing his own good, Secures firm conviction In the Buddha, Dhamma, and Sangha He who practices the Dhamma In thought, word, and deed, Receives praise here on earth</p>	<p>4.Tất cả chúng sanh không có thể chiến đấu với tử thần được, vì sự chiến đấu ấy chẳng phải là dùng sức của Voi binh, chẳng phải là dùng sức của Xa binh, chẳng phải là dùng sức của Bộ binh, hoặc dùng bùa chú hay của cải để chiến đấu, cũng chẳng hơn được. Cho nên, bậc trí tuệ, khi thấy điều lợi ích của mình, hằng làm cho phát sanh tín ngưỡng kiên cố nơi đức Phật, đức Pháp và đức Tăng. Vì người làm cho thân, khẩu và ý được trong sạch, người ấy trong thế gian này, hằng được bậc trí tuệ ngợi khen, đến khi mạng chung, thường được</p>

<p><b>Iddhe vanam pasamsanti, Pecca sagge pamodati. (Samyutta Nikaya)</b></p> <p><b>5. Sabbe sattā marisanti, Maraṇantaṃ hi jīvitam, Yathākammaṃ gamissanti, Puññapāpabhalūpagā, Nirayaṃ pāpakammantā, Puññakammā ca sugatim, Tasmā kareyya kalyāṇam, Nicayaṃ samparāyikaṃ, Puññāni paralokasmim, Pattiṭṭhā honti pāṇiṇam. (SN)</b></p> <p><b>6. Upanīyati jīvitamappamāyūṃ, Jarūpanī tassa nasanti tāṇā, Etaṃ bhayaṃ maraṇe pekkhamāno, Puññāni kayirātha sukhāvahāni.</b></p>	<p>And after death rejoices in heaven.</p> <p>5. All beings will die, for life ends with death. They pass on according to their deeds, For all the wide worlds both of men and gods, reaping the fruits of good and bad. Those who do bad go to hell, and if you do good you go to heaven. That's why you should do good, investing in the future life. The good deeds of sentient beings support them in the next world.</p> <p>6. This life, so very short, is led onward. There's no shelter for someone who's been led on by old age. Seeing this peril in death, You should do good deeds that bring happiness.</p>	<p>an vui trong cõi Thiên đàng chẳng sai.</p> <p>5. Tất cả chúng sanh chỉ sẵn dành để chịu chết đều nhau cả, vì sanh mạng của tất cả chúng sanh chỉ có sự chết là nơi cuối cùng. Tất cả chúng sanh đều phải chịu quả phước cùng quả tội, vừa theo cái nghiệp; của mình đã tạo rồi đi thọ sanh trong kiếp sau, chúng sanh nào làm việc dữ, phải chịu khổ trong cõi địa ngục. Chúng sanh nào, làm việc lành, được thọ vui trong cõi thiên đàng. Cho nên, người đời cần phải hối hả làm việc phước đức, mà các bậc trí tuệ hằng tha thiết, làm cho đặng để dành, dành theo trong đời vị lai. Vì các việc phước đức là nơi nương nhờ của tất cả chúng sanh trong ngày vị lai.</p> <p>6. Tuổi thọ của tất cả chúng sanh rất ít, sự già dắt dẫn tìm sự chết, chúng sanh đã bị sự già dắt dẫn đi tìm sự chết rồi, chẳng còn chi là nơi nương nhờ được. Nếu người đời đã thấy điều lo sợ trong sự chết như thế, chỉ nên chuyên cần làm việc phước đức, nó sẽ đem sự an vui đến cho.</p>
---	--	---

<p><b>7. Ye ca vuddhā ca daharā,</b> <b>Ye ca bālā ca paṇḍitā,</b> <b>Aḍḍhā ceva daliddā ca,</b> <b>Sabbe maccū parāyanā.</b></p>	<p>7. The young and the old The foolish and the wise The underprivileged or affluent beings Death is waiting for all of them ahead.</p>	<p>7.Chúng sanh nào dù già hay trẻ, chúng sanh nào dù ngu hay trí, là người giàu hoặc nghèo, chúng sanh ấy hằng có sự chết đón chờ phía trước cả thảy.</p>
<p><b>8.Aciraṃ vatayaṃ kāyo,</b> <b>Paṭhaviṃ adhisessati,</b> <b>Chuddho apetaviññāṇo,</b> <b>Niratthaṃva kaliṅgaram.</b> <b>(Dhp. 41)</b></p>	<p>8. Before long has passed by, alas, this body will lie on the ground, rejected, without consciousness, just like a useless piece of log/wood.</p>	<p>8.Thân này chẳng tồn tại bao lâu đâu, khi tâm thức lìa bỏ rồi, thì nằm trên mặt đất như khúc gỗ, không còn lợi ích nào nữa.</p>
<p><b>9. Upanīyati loko adhuvo,</b> <b>Atāṇo loko anabhissaro,</b> <b>Assako loko sabbam pahāya gamanīyaṃ,</b> <b>Ūno loko atitto taṇhādāso.</b></p>	<p>9. The world, being unstable, is <b>led on</b> (to death) The world, without a protector, has no guardian The world with nothing as its own, has to abandon all and move on. The world is wanting, unsatisfied, a slave to craving.</p>	<p>9.Chúng sanh không bền vững được bao lâu, già hằng dẫn tìm bệnh, bệnh hằng dẫn tìm chết. Chúng sanh không ai ngăn đón cản trở được. Chúng sanh hằng thấy thiếu thốn, không biết no đủ, đều là nô lệ của lòng ham muốn.</p>
<p><b>10. Daharā ca mahantā ca,</b> <b>Ye bālā ye ca paṇḍitā,</b> <b>Sabbe maccuvasaṃ yanti,</b> <b>Sabbe maccuparāyanā.</b> <b>(KN)</b></p>	<p>10.The young and the old, The foolish and the wise, All move in the grip of death; All finally end in death.</p>	<p>10.Tất cả chúng sanh dù trẻ hay già, ngu hay trí; tất cả chúng sanh ấy đều mắc trong quyền lực của sự chết cả thảy.</p>
<p><b>11. Taṃ vinā nāññāto dukkhaṃ,</b></p>	<p>11. No other source of pain than craving,</p>	<p>11.Khổ chẳng phải phát sanh do nguyên nhân nào khác ngoài lòng ham muốn. Thật vậy, Khổ ấy chỉ phát sanh do lòng ham muốn.</p>

<p><b>Na hoti na ca tantato, Dukkahetuniyāmena, Iti saccaṃ visattikā. (Visuddhimaggo, 16)</b></p> <p><b>12.Sabbe saṅkhārā aniccāti, Yadā paññāya passati, Atha nibbindati dukkhe, Esa maggo visuddhiyā. (Dh 277)</b></p> <p><b>13. Sabbe saṅkhārā dukkhāti, Yadā paññāya passati, Atha nibbindati dukkhe, Esa maggo visuddhiyā.</b></p> <p><b>14. Sabbe dhammā anattāti, Yadā paññāya passati, Atha nibbindati dukkhe, Esa maggo visuddhiyā.</b></p>	<p>Nor aught that source provides but pain: This certainty in causing pain Is why it is considered truth.</p> <p>12. When one perceives with true insight that all conditioned things are Impermanent, then one turns away from suffering. This is the path of purification.</p> <p>13. When one perceives with true insight that all conditioned things are Unsatisfactoriness, then one becomes detached from suffering. This is the path of purification.</p> <p>14. When one perceives with true insight that all conditioned things are Non-self, then one becomes detached from suffering. This is the path of purification.</p>	<p>Cho nên, Đức Thế Tôn giảng rằng: “Lòng ham muốn, thật là nguyên nhân sanh khổ”.</p> <p>12.Nếu người đời được quán tưởng thấy rõ bằng trí tuệ rằng: Tất cả tập hợp đều là Vô thường, như thế trong giờ nào thì chắc chắn sẽ chán nản, lánh khỏi khổ trong giờ ấy. Đó là con đường của sự trong sạch cao thượng.</p> <p>13.Nếu người đời được quán tưởng thấy rõ bằng trí tuệ rằng: Tất cả tập hợp đều là Khổ não, như thế trong giờ nào thì chắc chắn sẽ chán nản, lánh khỏi khổ trong giờ ấy. Đó là con đường của sự trong sạch cao thượng.</p> <p>14.Nếu người đời được quán tưởng thấy rõ bằng trí tuệ rằng: Tất cả các Pháp chẳng phải là của ta (Vô ngã), như thế trong giờ nào, thì chắc chắn sẽ chán nản, lánh khỏi khổ trong giờ ấy. Đó là con đường của sự trong sạch cao thượng.</p>
--	--	--

<b>KĀYAGATĀSATI</b>	<b>BODY CONTEMPLATION</b>	<b>KỆ SUY NIỆM VỀ THÂN</b>
<p><b>Paṇḍupalāso va dāni ’si, Yamapurisā pi ca taṃ upaṭṭhitā, uyyogamukhe ca tiṭṭhasi, pātheyyam-pi ca te na vijjati.</b></p> <p><b>(Dhp. 235)</b></p>	<p>You are now like a withered leaf, Yama’s men stand waiting for you, you stand at decay’s door, with no provisions for the journey found.</p>	<p>Thân người hiện tại đây, ví như lá cây chín có màu vàng. Tay sai của Diêm chúa, là sự chết đã đến tìm người. Người là nguồn cội của sự vô ngã. Lộ phí là việc lành của người cũng chẳng có.</p>
<p><b>So karohi dīpam-attano, khippaṃ vāyama paṇḍito bhava, niddhantamalo, anaṅgaṇo, dibbaṃ ariyabhūmim- ehisi.</b></p> <p><b>(Dhp. 236)</b></p>	<p>One should make an island oneself, soon should the wise one endeavour, removing the stain, blemishless, you will go to the noble realm.</p>	<p>Người chỉ có nương nhờ nơi mình. Người mau cố gắng cho ra bạc thông minh “chẳng nên chịu tối mê nữa”. “Khi đã làm như thế” thì được dứt khỏi trần lao “nhất là tình dục” chẳng còn phiền não, và đến Thánh-vực là nơi có Pháp huyền diệu.</p>

<b>ABHIṆHAPACCAVEKK HAPĀTHO (AN 5.57)</b>	<b>FIVE SUBJECTS FOR FREQUENT RECOLLECTION</b>	<b>NĂM ĐIỀU QUÁN TƯỜNG</b>
<b>1.Jarā-dhammomhi jaraṃ anatīto.</b>	1. I am of the nature too age, I have not gone beyond aging.	Thế Tôn lời dạy tỏ tường Năm điều quán tưởng phải thường xét ra:  1.Ta đây phải có sự già Thế nào tránh thoát lúc qua canh tàn
<b>2.Byādhi-dhammomhi byāधिṃ anatīto.</b>	2. I am of the nature to sicken, I have not gone beyond sickness.	2.Ta đây bệnh tật phải mang  Thế nào tránh thoát đặng an mạnh lành
<b>3.Maraṇa-dhammomhi maraṇaṃ anatīto.</b>	3. I am of the nature to die, I have not gone beyond dying.	3.Ta đây sự chết sẵn dành Thế nào tránh thoát tử sanh đến kỳ
<b>4.Sabbehi me piyehi manāpehi nānābhāvo vinābhāvo.</b>	4. All that is mine, beloved and pleasing, will become otherwise, will become separated from me.	4.Ta đây phải chịu phân ly Nhơn vật quý mến ta đi biệt mà
<b>5.Kammassakomhi kammadāyādo kammayoni kammabandhū kammaपाṭisaraṇo yaṃ kammaṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā tassa dāyādo bhavissāmī. Evaṃ amhehi abhiṇhaṃ paccavekkitaḃbaṃ</b>	5. I am the owner of my kamma, heir to my kamma, born of my kamma, related to my kamma, abide supported by my kamma. Whatever kamma I shall do, for good or for ill, of that I will be the heir.	5.Ta đi với nghiệp của ta Dầu cho tốt xấu tạo ra tự mình  Theo ta như bóng theo hình Ta thọ quả báo phân minh kết thành.

DHAMMACAKKAPPAVA TTANA SUTTA (SN 56.11)	SETTING IN MOTION THE WHEEL OF TRUTH	KINH CHUYỂN PHÁP LUÂN
<p>1. <b>Evam me sutam - ekam samayam Bhagava Bārāṇasiyam viharati Isipatane migadāye. Tatra kho Bhagava pañcavaggiye bhikkhū āmantesi.</b></p> <p><b>Dve me bhikkhave antā pabbajitena na sevitabbā. Katame dve?</b></p>	<p>1. Thus have I heard: On one occasion the Blessed One was living in the Deer Park at Isipatana (the Resort of Seers) near Varanasi (Benares). Then he addressed the group of five monks (bhikkhus): - Monks, these two extremes ought not to be practiced by one who has gone forth from the household life. (What are the two?)</p>	<p>1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn trú ở Bārānasi, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai. Tại đấy, Thế Tôn bảo chúng năm Tỳ-khưu: - Có hai cực đoan này, này các Tỳ-khưu, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?</p>
<p><b>Yo cāyam kāmesu kāmasukhallikānuyogo, hīno, gammo, pothujjaniko, anariyo, anattasamhito. Yo cāyam attakilamathānuyogo dukkho, anariyo, anattasamhito.</b></p>	<p>There is addiction to indulgence of sense-pleasures, which is low, coarse, the way of ordinary people, unworthy, and unprofitable; and there is addiction to self-mortification, which is painful, unworthy, and unprofitable.</p>	<p>Một là đắm say trong các dục (kāmesu), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích.</p>
<p><b>Ete kho bhikkhave ubho ante anupagamma majjhimā paṭippadā Tathāgatena abhisambuddhā cakkhu- karaṇī ñāṇa-karaṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.</b></p>	<p>"Avoiding both these extremes, the Tathagata (The Perfect One) has realized the Middle Path; it gives vision, gives knowledge, and leads to calm, to insight, to enlightenment and to Nibbana.</p>	<p>Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỳ-khưu, là con đường Trung đạo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.</p>



<p><b>2. Katamā ca sā bhikkhave majjhimā paṭipadā Tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇa-karaṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati?</b></p>	<p>2. And what is that Middle Path realized by the Tathagata...?</p>	<p>2. Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỳ-khuru, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn?</p>
<p><b>Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo. Seyyathidaṃ? Sammādiṭṭhi, sammāsaṅkappo, sammāvācā, sammākammanto, sammā-ājīvo, sammāvāyāmo, sammāsati, sammāsamādhi.</b></p>	<p>It is the Noble Eightfold path, and nothing else, namely: right understanding, right thought, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness and right concentration.</p>	<p>Chính là con đường Thánh đạo Tám ngành, tức là: chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.</p>
<p><b>Ayaṃ kho sā bhikkhave majjhimā paṭipadā Tathāgatena abhisambuddhā cakkhukaraṇī ñāṇa-karaṇī upasamāya abhiññāya sambodhāya nibbānāya saṃvattati.</b></p>	<p>This is the Middle Path realized by the Tathagata which gives vision, which gives knowledge, and leads to calm, to insight, to enlightenment, and to Nibbana.</p>	<p>Đây là con đường trung đạo, này các Tỳ-khuru, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.</p>
<p><b>3. Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhaṃ ariyasaccaṃ, jātipi dukkhā, jarāpi dukkhā, byādhipi dukkhā,</b></p>	<p>3. The Noble Truth of Suffering (dukkha), monks, is this: Birth is suffering, aging is suffering, sickness is suffering, death is suffering, association</p>	<p>3. Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỳ-khuru. Sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ,</p>

<p><b>marañampi dukkham, appiyehi sampayogo dukkho, piyehi vippayogo dukkho, yaṃ picchaṃ na labhati taṃ pi dukkham, sañkhittena pañcupādānakkhandhā pi dukkhā.</b></p>	<p>with the unpleasant is suffering, dissociation from the pleasant is suffering, not to receive what one desires is suffering — in brief the five aggregates subject to grasping are suffering.</p>	<p>oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.</p>
<p><b>4. Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhasamudayaṃ ariyasaccaṃ, yāyaṃ taṇhā ponobbhavikā nandīrāga- sahagatā tatra tar’ābhinandinī. Seyyathidaṃ, kāmataṇhā, bhavataṇhā, vibhavataṇhā.</b></p>	<p>4. The Noble Truth of the Origin (cause) of Suffering is this: It is this craving (thirst) which produces re-becoming (rebirth) accompanied by passionate greed, and finding fresh delight now here, and now there, namely craving for sense pleasure, craving for existence and craving for non-existence (self-annihilation).</p>	<p>4. Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-khuru, chính là ái này đưa đến tái sinh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.</p>
<p><b>5. Idaṃ kho pana bhikkhave dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ, yo tassāyeva taṇhāya asesavirāga- nirodho cāgo paṭinissaggo mutti anālayo.</b></p>	<p>5. The Noble Truth of the Cessation of Suffering is this: It is the complete cessation of that very craving, giving it up, relinquishing it, liberating oneself from it, and detaching oneself from it.</p>	<p>5. Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-khuru, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.</p>
<p><b>6. Idaṃ kho pana bhikkhave dukkha nirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ. Ayameva ariyo aṭṭhaṅgiko maggo. Seyyathidaṃ, sammādiṭṭhi,</b></p>	<p>6. The Noble Truth of the Path Leading to the Cessation of Suffering is this: It is the Noble Eightfold Path, and nothing else, namely: right understanding, right thought,</p>	<p>6. Đây là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt, này các Tỳ-khuru, chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, ..., chánh định.</p>

<p>sammāsaṅkappo, sammāvācā, sammākammanto, sammā- ājīvo, sammāvāyāmo, sammāsati, sammāsamādhi.</p>	<p>right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness and right concentration.</p>	
<p>7. <b>Idaṃ dukkhaṃ ariyasaccan'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ. udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.</b></p>	<p>7. This is the Noble Truth of Suffering': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in me concerning things not heard before.</p>	<p>7. Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.</p>
<p>Taṃ kho pan'idaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññeyyan'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.</p>	<p>'This suffering, as a noble truth, should be fully realized': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in me concerning things not heard before.</p>	<p>Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp, từ trước Ta chưa từng nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.</p>
<p>Taṃ kho pan'idaṃ dukkhaṃ ariyasaccaṃ pariññātan'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.</p>	<p>'This suffering, as a noble truth has been fully realized': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in me concerning things not heard before.</p>	<p>Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sinh, trí sinh, tuệ sinh, minh sinh, quang sinh.</p>

**8. Idam dukkhasamudayaṃ  
ariyasaccan' ti me  
bhikkhave pubbe  
ananussutesu dhammesu  
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ  
udapādi, paññā udapādi,  
vijjā udapādi, āloko  
udapādi.**

**Taṃ kho pan'idam  
dukkhasamudayaṃ  
ariyasaccaṃ pahātabban'ti  
me bhikkhave pubbe  
ananussutesu dhammesu  
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ  
udapādi, paññā udapādi,  
vijjā udapādi, āloko  
udapādi.**

**Taṃ kho pan'idam  
dukkhasamudayaṃ  
ariyasaccaṃ pahīnan'ti me  
bhikkhave pubbe  
ananusstesu dhammesu  
cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ  
udapādi, paññā udapādi,  
vijjā udapādi, āloko  
udapādi.**

**9. Idam dukkhanirodhaṃ  
ariyasaccan'ti me  
bhikkhave pubbe  
ananussutesu dhammesu**

8. This is the Noble Truth of the Origin (cause) of Suffering': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in me concerning things not heard before.

'This Origin of Suffering as a noble truth should be eradicated': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in me concerning things not heard before.

'This Origin of suffering as a noble truth has been eradicated': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in me concerning things not heard before.

9. This is the Noble Truth of the Cessation of Suffering': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in

8. Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp ... quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp ... quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp ... quang sanh.

9. Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp ... quang sanh.

<p><b>cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.</b></p> <p><b>Taṃ kho pan'idaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikātabban'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.</b></p>	<p>me concerning things not heard before.</p> <p>'This Cessation of suffering, as a noble truth, should be realized': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in me concerning things not heard before.</p>	<p>Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp ... quang sanh.</p>
<p><b>Taṃ kho pan'idaṃ dukkhanirodhaṃ ariyasaccaṃ sacchikātan'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.</b></p>	<p>'This Cessation of suffering, as a noble truth has been realized': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in me concerning things not heard before.</p>	<p>Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp ... quang sanh.</p>
<p><b>10. Idam dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccan'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi,</b></p>	<p>10. This is the Noble Truth of the Path leading to the cessation of suffering': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in me concerning things not heard before.</p>	<p>10. Đây là Thánh đế về Con Đường đưa đến khổ diệt, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp ... quang sanh.</p>

<p>vijjā udapādi, āloko udapādi.  <b>Taṃ kho pan'idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvetabban'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.</b></p>	<p>'This Path leading to the cessation of suffering, as a noble truth, should be developed': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in me concerning things not heard before.</p>	<p>Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến Khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp ... quang sanh.</p>
<p><b>Taṃ kho pan'idaṃ dukkhanirodhagāminī paṭipadā ariyasaccaṃ bhāvitāna'ti me bhikkhave pubbe ananussutesu dhammesu cakkhuṃ udapādi, ñāṇaṃ udapādi, paññā udapādi, vijjā udapādi, āloko udapādi.</b></p>	<p>'This Path leading to the cessation of suffering, as a noble truth has been developed': such was the vision, the knowledge, the wisdom, the science, the light that arose in me concerning things not heard before.</p>	<p>Đây là Thánh đế về con đường đưa đến Khổ diệt đã được tu tập, này các Tỳ-khuru, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.</p>
<p><b>11. Yāvakīvañca me bhikkhave imesu catūsu ariyasaccesu evaṃ Tiparivaṭṭaṃ dvādasākāraṃ yathābhūtaṃ ñāṇadassanaṃ na suvisuddhaṃ ahosi, neva tāv'āhaṃ bhikkhave</b></p>	<p>11. As long as my knowledge of seeing things as they really are, was not quite clear in these three aspects, in these twelve ways, concerning the Four Noble Truths, I did not claim to have realized the matchless, supreme Enlightenment, in this world with its gods, with its Maras and Brahmas, in this</p>	<p>11. Cho đến khi nào, này các Tỳ-khuru, trong bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta; thời này các Tỳ-khuru, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma</p>

<p>sadevake loka samāraḥ  sabrahmaḥ  sassamaṇabrahmaṇiyā  pajāya devamanussāya  “anuttamaṁ sammā-  sambodhiṁ  abhisambuddho” ti  paccaññasiṁ.</p>	<p>generation with its recluses  and brahmanas, with its Devas  and humans.</p>	<p>giới, Phạm thiên giới,  với quần chúng Sa-môn,  Bà-la-môn, chư  Thiên và loài người, Ta  không chứng tri đã chánh  giác vô thượng Chánh  Đẳng Giác.</p>
<p>12. Yato ca kho me  bhikkhave imesu catūsu  ariyasaccesu evaṁ  Tiparivaṭṭaṁ  dvādasākāraṁ  yathābhūtaṁ  ñāṇadassanaṁ  suvisuddhaṁ ahoṣi,  ath’āhaṁ bhikkhave  sadevake loka samāraḥ  sabrahmaḥ  sassamaṇabrahmaṇiyā  pajāya devamanussāya  “anuttaraṁ sammā  sambodhiṁ  abhisambuddho” ti  paccaññasiṁ.  Ñāṇaṇca pana me dassanaṁ  udapādi “akuppā me  vimutti, ayam’antimā jāti,  natthi’dāni punabbhavoti”.</p>	<p>12. But when my knowledge of  seeing things as they really are  was quite clear in these three  aspects, in these twelve ways,  concerning the Four Noble  Truths, then I claimed to have  realized the matchless,  supreme Enlightenment in this  world with its gods, with its  Maras and Brahmas, in this  generation with its recluses  and brahmanas, with its Devas  and humans.  And a vision of insight arose in  me thus: ‘Unshakable is the  deliverance of my heart. This  is the last birth. Now there is  no more re-becoming  (rebirth)’.</p>	<p>12. Và cho đến khi nào,  này các Tỳ-khưu, trong bốn  Thánh đế này, với ba  chuyển và mười hai hành  tướng như vậy, tri kiến như  thật đã được khéo thanh  tịnh ở nơi Ta; cho đến khi  ấy, này các Tỳ-khưu,  trong thế giới này  với Thiên giới, Ma  giới, Phạm thiên giới,  với quần chúng Sa-môn,  Bà-la-môn, chư  Thiên và loài người, Ta  mới chứng tri đã chánh  giác vô thượng Chánh  Đẳng Giác. Tri kiến khởi  lên nơi Ta: "Bất động  là tâm giải thoát của Ta.  Đây là đời sống cuối cùng,  nay không còn tái  sinh nữa".</p>

<p><b>13. Idam’avoca Bhagavā attamanā pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinandun’ti.</b></p> <p><b>Imasmiñca pana veyyākaraṇasmim̐ bhaññamāne āyasmato Koṇḍañña virajaṃ vītamaḷaṃ dhammacakkuṃ udapādi “yaṃ kiñci samudayadhammaṃ sabbantaṃ nirodhadhammaṃ” ti.</b></p>	<p>13. This the Blessed One said. The group of five monks was glad, and they rejoiced at the words of the Blessed One.</p> <p>When this discourse was thus expounded there arose in the Venerable Kondañña the passion-free, stainless vision of Truth (dhamma-cakkhu; in other words, he attained sotapatti, the first stage of sanctity, and realized: "Whatever has the nature of arising, has the nature of ceasing."</p>	<p>13. Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỳ-khuru hoan hỷ, tín thọ lời Phật dạy.</p> <p>Trong khi lời dạy này được tuyên bố, tôn giả Kondañña khởi lên pháp nhãn thanh tịnh, không cấu uế như sau: "Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt".</p>
<p><b>14. Pavattite ca pana Bhagavatā dhammacakke bhummā devā saddamanussāvesuṃ “etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmuna vā kenaci vā lokasmin’ti.”</b></p>	<p>14. Now when the Blessed One set in motion the Wheel of Truth, the Bhummattha devas (the earth deities) proclaimed: "The Matchless Wheel of Truth that cannot be set in motion by recluse, brahmana, deva, Mara, Brahma, or any one in the world, is set in motion by the Blessed One in the Deer Park at Isipatana near Varanasi."</p>	<p>14. Và khi pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư Thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời".</p>
<p><b>Bhummānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā</b></p>	<p>Hearing these words of the earth deities, all the Catummaharajika devas</p>	<p>Sau khi được nghe tiếng chư Thiên ở cõi đất, Tứ đại Thiên vương</p>



<p><b>Cātummahārājikā devā sadda-manussāvesuṃ “etaṃ Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ Isipatane migadāye anuttaraṃ dhammacakkaṃ pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ samaṇena vā brahmaṇena vā devena vā mārena vā brahmuna vā kenaci vā lokasmin’ti.”</b></p>	<p>proclaimed: "The Matchless Wheel of Truth that cannot be set in motion by recluse, brahmana, deva, Mara, Brahma, or any one in the world, is set in motion by the Blessed One in the Deer Park at Isipatana near Varanasi."</p>	<p>thiên lên tiếng nói lên: "Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời".</p>
<p><b>Cātummahārājikānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Tāvatiṃsā devā saddamanussāvesuṃ... Tāvatiṃsānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Yāmā devā sadda-manussāvesuṃ ... Yāmānaṃ devānaṃ saddaṃ sutrā Tusitā devā sadda- manussāvesuṃ... Tusitānaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Nimmānaratī devā sadda- manussāvesuṃ... Nimmānaratīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā Paranimmitavasavattī devā saddamanussāvesuṃ... Paranimmitavasavattīnaṃ devānaṃ saddaṃ sutvā</b></p>	<p>These words were heard in the upper deva realms, and from Catummaharajika it was proclaimed in Tavatimsa... Yama... Tusita... Nimmanarati... Paranimmitavasavatti... and the Brahmas of Brahma Parisajja... Brahma Purohita... Maha Brahma... Parittabha... Appamanabha... Abhassara... Parittasubha... Appamana subha... Subhakinna... Vehapphala... Aviha... Atappa... Sudassa... Sudassi... and in Akanittha: "The Matchless Wheel of Truth that cannot be set in motion by recluse, brahmana, deva, Mara, Brahma, or any one in the world, is set in motion by the Blessed One in</p>	<p>Sau khi được nghe tiếng của chư Thiên ở tứ đại Thiên vương thiên, thời chư Thiên ở cõi trời Ba mươi ba, chư Thiên Yāmā (Dạ-ma), chư Thiên Tusitā (Đâu-suất-đà), chư Hóa lạc thiên, chư Tha hóa tự tại thiên, chư Thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: "Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư Tiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời".</p>

<p><b>Brahmakāyikā devā</b>  <b>saddamanussāvesuṃ “Etaṃ</b>  <b>Bhagavatā Bārāṇasiyaṃ</b>  <b>Isipatane migadāye</b>  <b>anuttaraṃ dhammacakkaṃ</b>  <b>pavattitaṃ appaṭivattiyaṃ</b>  <b>samaṇena vā brahmanena</b>  <b>vā devena vā mārena vā</b>  <b>brahmuna vā kenaci vā</b>  <b>lokasmin’ti.</b></p>	<p>the Deer Park at Isipatana near Varanasi."</p>	
<p><b>Itiha tena khaṇena tena</b>  <b>layena tena muhuttana yāva</b>  <b>brahmalokā saddo</b>  <b>abbuggacchi ayañca</b>  <b>dasasahassī lokadhātu</b>  <b>saṅkampi sampakampi</b>  <b>sampavedhi. Appamāṇo ca</b>  <b>uḷāro obhāso loke</b>  <b>Pāturahosi atikkamma</b>  <b>devānaṃ devanubhāvanti.</b></p>	<p>Thus at that very moment, at that instant, the cry (that the Wheel of Truth is set in motion) spread as far as Brahma realm, the system of ten thousand worlds trembled and quaked and shook. A boundless sublime radiance surpassing the effulgence (power) of devas appeared in the world.</p>	<p>Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quang đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư Thiên.</p>
<p><b>15. Atha kho Bhagavā imaṃ</b>  <b>udānaṃ udānesi “Aññāsi</b>  <b>vata bho Koṇḍañño, aññāsi</b>  <b>vata bho Koṇḍañño” ti.</b>  <b>Itihidaṃ āyasmato</b>  <b>Koṇḍaññassa ‘Aññāsi</b>  <b>Koṇḍañño’ tveva nāmaṃ</b>  <b>ahosī’ti.</b></p>	<p>15. Then the Blessed One uttered this paeon of joy: "Verily Kondañña has realized; verily Kondañña has realized (the Four Noble Truths)." Thus it was that the Venerable Kondañña received the name, "Añña Knondañña' — Kondañña who realizes."</p>	<p>15. Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: "Chắc chắn đã giác hiểu là Kondañña (Kiều-trần-như)! Chắc chắn đã giác hiểu là Kondañña!"          Như vậy Tôn giả Kondañña được tên là Annāta Kondañña (A-nhã Kiều-trần-như, người đã giác hiểu).</p>

ANATTALAKKHAṆA SUTTA (SN 22.59)	DISCOURSE ON THE NOT-SELF CHARACTERISTIC	KINH VÔ NGÃ TƯỞNG
<p><b>Ekam samayaṃ Bhagavā Bārāṇasiyaṃ viharati Isipatane Migadāye.</b></p>	<p>On one occasion the Blessed One was living at Benares, in the Deer Park at Isipatana (the Resort of Seers).</p>	<p>Một thời Thế Tôn ở Bārānasi (Ba-la-nại), tại Isīpatana (Chư Tiên đạo xứ), vườn Lộc Uyển.</p>
<p><b>Tatra kho Bhagavā pañcavaggiye bhikkhū āmantesi “Bhikkhavo” ti.</b></p>	<p>There he addressed the bhikkhus of the group of five:</p>	<p>Ở đây Thế Tôn nói với đoàn năm vị Tỳ-khưu:</p>
<p><b>“Bhadante” ti te bhikkhū Bhagavato paccassosum. Bhagavā etad’avoca.</b></p>	<p>- Bhikkhus. - Venerable sir! They replied. The Blessed One said this:</p>	<p>- "Này các Tỳ-khưu". - "Thưa vâng bạch Thế Tôn". Các Tỳ-khưu ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:</p>
<p><b>1. Rūpaṃ, bhikkave, anattā. Rūpañca hidam, bhikkhave, attā abhavissa, nayidaṃ rūpaṃ ābādhāya saṃvatteyya. Labbhettha ca rūpe “Evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me rūpaṃ mā ahosī” ti.</b></p>	<p>1. Bhikkhus, form is not-self. Were form self, then this form would not lead to affliction, and one could have it of form: 'Let my form be thus, let my form be not thus.'</p>	<p>1. Sắc, này các Tỳ-khưu, là vô ngã. Này các Tỳ-khưu, nếu sắc là ngã, thì sắc không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các sắc như sau: "Mong rằng sắc của tôi là như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"</p>
<p><b>Yasmā ca kho bhikkhave rūpaṃ anattā, tasmā rūpaṃ ābādhāya saṃvattati. Na ca labbhati rūpe “Evaṃ me rūpaṃ hotu, evaṃ me rūpaṃ mā ahosī” ti.</b></p>	<p>And since form is not-self, so it leads to affliction, and none can have it of form: 'Let my form be thus, let my form be not thus.'</p>	<p>Và này các Tỳ-khưu, vì sắc là vô ngã; do vậy, sắc đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các sắc: "Mong rằng sắc của tôi như thế này! Mong rằng sắc của tôi chẳng phải như thế này!"</p>

**2. Vedanā, bhikkave, anattā.**  
**Vedanā ca hidam bhikkhave**  
**attā abhavissa, nayidaṃ**  
**vedanā ābādhāya**  
**saṃvatteyya. Labbheṭṭha ca**  
**vedanāya “Evaṃ me vedanā**  
**hotu, evaṃ me vedanā mā**  
**ahosī” ti.**

**Yasmā ca kho bhikkhave**  
**vedanā anattā, tasmā**  
**vedanā ābādhāya**  
**saṃvattati. Na ca labbhati**  
**vedanāya “Evaṃ me vedanā**  
**hotu, evaṃ me vedanā mā**  
**ahosī” ti.**

**3. Saññā, bhikkave, anattā.**  
**Saññā ca hidam bhikkhave**  
**attā abhavissa, nayidaṃ**  
**saññā ābādhāya**  
**saṃvatteyya. Labbheṭṭha ca**  
**saññāya “Evaṃ me saññā**  
**hotu, evaṃ me saññā mā**  
**ahosī” ti.**

**Yasmā ca kho bhikkhave**  
**saññā anattā, tasmā saññā**  
**ābādhāya saṃvattati. Na ca**  
**labbhati saññāya “Evaṃ me**  
**saññā hotu, evaṃ me saññā**  
**mā ahosī” ti.**

2. Bhikkhus, feeling is not-self. Were feeling self, then this feeling would not lead to affliction, and one could have it of feeling: 'Let my feeling be thus, let my feeling be not thus.'

And since feeling is not-self, so it leads to affliction, and none can have it of feeling: 'Let my feeling be thus, let my feeling be not thus.'

3. Bhikkhus, perception is not-self. Were perception self, then this perception would not lead to affliction, and one could have it of perception: 'Let my perception be thus, let my perception be not thus.'

And since perception is not-self, so it leads to affliction, and none can have it of perception: 'Let my perception be thus, let my perception be not thus.'

2. Thọ, này các Tỳ-khuru, là vô ngã. Này các Tỳ-khuru, nếu thọ là ngã, thì thời thọ không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được các thọ như sau: "Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!"

Và này các Tỳ-khuru, vì thọ là vô ngã; do vậy, thọ đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các thọ: "Mong rằng thọ của tôi như thế này! Mong rằng thọ của tôi chẳng phải như thế này!"

3. Tưởng, này các Tỳ-khuru, là vô ngã. Này các Tỳ-khuru, nếu tưởng là ngã, thì thời tưởng không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể được các tưởng như sau: "Mong rằng tưởng của tôi như thế này! Mong rằng tưởng của tôi chẳng phải như thế này!"

Và này các Tỳ-khuru, vì tưởng là vô ngã; do vậy, tưởng đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các tưởng: "Mong rằng tưởng của tôi như thế này! Mong rằng tưởng của tôi chẳng phải như thế này!"

<p><b>4. Saṅkhārā, bhikkave, anattā. Saṅkhārā ca hidam bhikkhave attā abhavissamsu, nayidam saṅkhārā ābādhāya samvatteyyum. Labbhettha ca saṅkhāresu “Evaṃ me saṅkhārā hontu, evaṃ me saṅkhārā mā ahesun” ti.</b></p>	<p>4. Bhikkhus, volitional formations are not-self. Were volitional formations self, then this volitional formations would not lead to affliction, and one could have it of volitional formations: 'Let my volitional formations be thus, let my volitional formations be not thus.'</p>	<p>4. Các hành là vô ngã, này các Tỳ-khuru, nếu các hành là ngã, thì các hành không thể đi đến bệnh hoạn và có thể được các hành như sau: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi chẳng phải như thế này!"</p>
<p><b>Yasmā ca kho bhikkhave saṅkhārā anattā, tasmā saṅkhārā ābādhāya samvattanti. Na ca labbhati saṅkhāresu “Evaṃ me saṅkhārā hontu, evaṃ me saṅkhārā mā ahesun” ti.</b></p>	<p>And since volitional formation is not-self, so it leads to affliction, and none can have it of volitional formations: 'Let my volitional formations be thus, let my volitional formations be not thus.'</p>	<p>Và này các Tỳ-khuru, vì các hành là vô ngã; do vậy, các hành đi đến bệnh hoạn, và không thể có được các hành: "Mong rằng các hành của tôi như thế này! Mong rằng các hành của tôi không phải như thế này!"</p>
<p><b>5. Viññāṇaṃ, bhikkave, anattā. Viññāṇaṃca hidam bhikkhave attā abhavissa, nayidam viññāṇaṃ ābādhāya samvatteyya. Labbhettha ca viññāṇe “Evaṃ me viññāṇaṃ hotu, evaṃ me viññāṇaṃ mā ahoṣī” ti.</b></p>	<p>5. Bhikkhus, consciousness is not self. Were consciousness self, then this consciousness would not lead to affliction, and one could have it of consciousness: 'Let my consciousness be thus, let my consciousness be not thus.'</p>	<p>5. Thức là vô ngã, này các Tỳ-khuru, nếu thức là ngã, thì thức không thể đi đến bệnh hoạn, và có thể có được các thức như sau: "Mong rằng thức của tôi như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"</p>
<p><b>Yasmā ca kho bhikkhave viññāṇaṃ anattā, tasmā viññāṇaṃ ābādhāya samvattati. Na ca labbhati</b></p>	<p>And since consciousness is not-self, so it leads to affliction, and none can have it of consciousness: 'Let my</p>	<p>Và này các Tỳ-khuru, vì thức là vô ngã; do vậy, thức đi đến bệnh hoạn, và không có thể có được các thức: "Mong rằng thức của tôi</p>

<p><b>viññāṇe</b> “<b>Evam me viññāṇam hotu, evam me viññāṇam mā ahoṣī</b>” ti.</p>	<p>consciousness be thus, let my consciousness be not thus.'</p>	<p>như thế này! Mong rằng thức của tôi chẳng phải như thế này!"</p>
<p><b>6. Taṃ kiṃ maññatha, bhikkhave:</b></p> <p>- <b>Rūpaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā'ti?</b></p> <p>- “<b>Aniccaṃ, Bhante</b>”.</p> <p>- <b>Yaṃ paṇ'āniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā'ti.</b></p> <p>- “<b>Dukkhaṃ, Bhante</b>”.</p> <p>- <b>Yaṃ paṇ'āniccaṃ dukkhaṃ viparināma-dhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassitum</b> “<b>Etaṃ mama, eso'ham'asmi, eso me attā</b>” ti?</p> <p>- <b>No he'taṃ, Bhante.</b></p>	<p>6. Bhikkhus, how do you conceive it:</p> <p>- Is form permanent or impermanent?</p> <p>- Impermanent, venerable Sir.</p> <p>- Now is what is impermanent painful or pleasant?</p> <p>- Painful, venerable Sir.</p> <p>- Now is what is impermanent, what is painful since subject to change, fit to be regarded thus: 'This is mine, this is I, this is my self'?"</p> <p>- No, venerable Sir.</p>	<p>6. Nay các Tỳ-khuru, các Ông nghĩ thế nào?</p> <p>- Sắc là thường hay vô thường?</p> <p>– Là vô thường, bạch Thế Tôn!</p> <p>– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?</p> <p>– Là khổ, bạch Thế Tôn.</p> <p>– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?</p> <p>– Thưa không, bạch Thế Tôn.</p>
<p><b>7. Taṃ kiṃ maññatha, bhikkhave:</b></p> <p>- <b>Vedanā niccā vā aniccā vā'ti?</b></p> <p>- <b>Aniccā Bhante.</b></p> <p>- <b>Yaṃ paṇ'āniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā'ti?</b></p> <p>- <b>Dukkhaṃ Bhante.</b></p>	<p>7. Bhikkhus, how do you conceive it:</p> <p>- Is feeling permanent or impermanent?</p> <p>- Impermanent, venerable Sir.</p> <p>- Now is what is impermanent painful or pleasant?</p> <p>- Painful, venerable Sir.</p> <p>- Now is what is impermanent, what is painful since subject to</p>	<p>7. Nay các Tỳ-khuru, các Ông nghĩ thế nào?</p> <p>- Thọ là thường hay vô thường?</p> <p>– Là vô thường, bạch Thế Tôn!</p> <p>– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?</p> <p>– Là khổ, bạch Thế Tôn.</p> <p>– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp</p>

<p>- <b>Yaṃ pan'āniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ</b> “<b>Etam mama, eso'ham'asmi, eso me attā</b>” ti? - <b>No he'taṃ Bhante.</b></p>	<p>change, fit to be regarded thus: "This is mine, this is I, this is my self"? - No, venerable Sir.</p>	<p>lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"? – Thưa không, bạch Thế Tôn.</p>
<p><b>8. Taṃ kiṃ maññaṭha, bhikkhave:</b></p> <p>- <b>Sañña niccā vā aniccā vā'ti?</b> - <b>Aniccā, Bhante.</b></p> <p>- <b>Yaṃ pan'āniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā'ti?</b> - <b>Dukkhaṃ, Bhante.</b></p> <p>- <b>Yaṃ pan'āniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassituṃ</b> “<b>Etam mama, eso'ham'asmi, eso me attā</b>” ti? - <b>No he'taṃ Bhante.</b></p>	<p>8. Bhikkhus, how do you conceive it: - Is perception permanent or impermanent? - Impermanent, venerable Sir. - Now is what is impermanent painful or pleasant? - Painful, venerable Sir. - Now is what is impermanent, what is painful since subject to change, fit to be regarded thus: "This is mine, this is I, this is my self"? - No, venerable Sir.</p>	<p>8. Nay các Tỷ-khuru, các Ông nghĩ thế nào? - Tưởng là thường hay vô thường? – Là vô thường, bạch Thế Tôn! – Cái gì vô thường là khổ hay lạc? – Là khổ, bạch Thế Tôn. – Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chẳng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"? – Thưa không, bạch Thế Tôn.</p>
<p><b>9. Taṃ kiṃ maññaṭha, bhikkhave:</b></p>	<p>9. Bhikkhus, how do you conceive it: - Is volitional formation permanent or impermanent?</p>	<p>9. Nay các Tỷ-khuru, các Ông nghĩ thế nào? - Các hành là thường hay vô thường?</p>

<p>- Saṅkhārā niccā vā aniccā vā'ti?</p> <p>- Aniccā Bhante.</p> <p>- Yaṃ pan'āniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā'ti?</p> <p>- Dukkhaṃ, Bhante.</p> <p>- Yaṃ pan'āniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassitum “Etaṃ mama, eso'ham'asmi, eso me attā” ti?</p> <p>- No he'taṃ Bhante.</p>	<p>- Impermanent, venerable Sir.</p> <p>- Now is what is impermanent painful or pleasant?</p> <p>- Painful, venerable Sir.</p> <p>- Now is what is impermanent, what is painful since subject to change, fit to be regarded thus: 'This is mine, this is I, this is my self'?"</p> <p>- No, venerable Sir.</p>	<p>– Là vô thường, bạch Thế Tôn!</p> <p>– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?</p> <p>– Là khổ, bạch Thế Tôn.</p> <p>– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?</p> <p>– Thưa không, bạch Thế Tôn.</p>
<p>10. - Viññāṇaṃ niccaṃ vā aniccaṃ vā'ti?</p> <p>- Aniccaṃ, Bhante.</p> <p>- Yaṃ pan'āniccaṃ, dukkhaṃ vā taṃ sukhaṃ vā'ti?</p> <p>- Dukkhaṃ Bhante.</p> <p>- Yaṃ pan'āniccaṃ dukkhaṃ vipariṇāma-dhammaṃ, kallaṃ nu taṃ samanupassitum “Etaṃ mama, eso'ham'asmi, eso me attā” ti?</p>	<p>10. Bhikkhus, how do you conceive it:</p> <p>- Is consciousness permanent or impermanent?</p> <p>- Impermanent, venerable Sir.</p> <p>- Now is what is impermanent painful or pleasant?</p> <p>- Painful, venerable Sir.</p> <p>- Now is what is impermanent, what is painful since subject to change, fit to be regarded thus: 'This is mine, this is I, this is my self'?"</p>	<p>10. Nay các Tỳ-khuru, các Ông nghĩ thế nào? Thức là thường hay vô thường?</p> <p>– Là vô thường, bạch Thế Tôn.</p> <p>– Cái gì vô thường là khổ hay lạc?</p> <p>– Là khổ, bạch Thế Tôn.</p> <p>– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, có hợp lý chăng khi quán cái ấy là: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi"?</p>



<p>- No he'taṃ Bhante.</p> <p>11. Tasmā tiha, bhikkhave, yaṃ kiñci rūpaṃ atītā'nāgata-paccuppannaṃ ajjhataṃ vā bahiddhā vā oḷārikaṃ vā sukhumā vā hīnaṃ vā pañītaṃ vā yaṃ dūre santike vā, sabbā rūpaṃ "N'etaṃ mama, n'eso'ham'asmi, na m'eso attā" ti evamevaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.</p> <p>12. Yā kāci vedanā atītā'nāgata-paccuppannā ajjhataṃ vā bahiddhā vā oḷārikaṃ vā sukhumā vā hīnā vā pañītā vā yā dūre santike vā, sabbā vedanā "N'etaṃ mama, n'eso'ham'asmi, na m'eso attā"ti evamevaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.</p> <p>13. Yā kāci saññā atītā'nāgata-paccuppannā ajjhataṃ vā bahiddhā vā oḷārikaṃ vā sukhumā vā</p>	<p>- No, venerable Sir.</p> <p>11. So, bhikkhus any kind of form whatever, whether past, future or presently arisen, whether gross or subtle, whether in oneself or external, whether inferior or superior, whether far or near, must with right understanding how it is, be regarded thus: 'This is not mine, this is not I, this is not myself.</p> <p>12. Any kind of feeling whatever, whether past, future or presently arisen, whether gross or subtle, whether in oneself or external, whether inferior or superior, whether far or near, must with right understanding how it is, be regarded thus: 'This is not mine, this is not I, this is not myself.'</p> <p>13. Any kind of perception whatever, whether past, future or presently arisen, whether gross or subtle,</p>	<p>- Thưa không, bạch Thế Tôn.</p> <p>11. Do vậy, này các Tỷ-khuru, phạm sắc gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".</p> <p>12. Phạm thọ gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả thọ cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".</p> <p>13. Phạm tướng gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng,</p>
---	---	---

<p><b>hīnā vā paṇītā vā yā dūre santike vā, sabbā saññā “N’etaṃ mama, n’eso’ham’asmi, na m’eso attā”ti evam’etaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.</b></p>	<p>whether in oneself or external, whether inferior or superior, whether far or near, must with right understanding how it is, be regarded thus: 'This is not mine, this is not I, this is not myself.'</p>	<p>xa hay gần; tất cả tưởng cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".</p>
<p><b>14. Ye keci saṅkhārā atītā’ nāgata- paccuppannā ajjhataṃ vā bahiddhā vā oḷārikaṃ vā sukhumā vā hīnā vā paṇītā vā yā dūre santike vā, sabbe saṅkhārā “N’etaṃ mama, n’eso’ham’asmi, na m’eso attā”ti evam’etaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.</b></p>	<p>14. Any kind of volitional formation whatever, whether past, future or presently arisen, whether gross or subtle, whether in oneself or external, whether inferior or superior, whether far or near, must with right understanding how it is, be regarded thus: 'This is not mine, this is not I, this is not myself.'</p>	<p>14. Phạm các hành gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả hành cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".</p>
<p><b>15. Yaṃ kiñci viññāṇaṃ atītā’ nāgata- paccuppannaṃ ajjhataṃ vā bahiddhā vā oḷārikaṃ vā sukhumaṃ vā hīnaṃ vā</b></p>	<p>15. Any kind of consciousness whatever, whether past, future or presently arisen, whether gross or subtle, whether in</p>	<p>15. Phạm thức gì quá khứ, vị lai, hiện tại, thuộc nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả</p>

<p>paṇītaṃ vā yaṃ dūre santike vā, sabbam viññāṇaṃ “N’etaṃ mama, n’eso’ ham’asmi, na m’eso attā”ti           evam’etaṃ yathābhūtaṃ sammappaññāya daṭṭhabbaṃ.</p>	<p>oneself or external, whether inferior or superior, whether far or near must, with right understanding how it is, be regarded thus: 'This is not mine, this is not I, this is not my self.'</p>	<p>thức cần phải như thật quán với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".</p>
<p>16.       Evaṃ           passaṃ bhikkhave           sutavā Ariyasāvako rūpasmimpi nibbindati,   vedanāyapi nibbindati,   saññāyapi nibbindati,   saṅkhāresupi nibbindati, viññāṇasmimpi nibbindati.   Nibbindaṃ virajjati.           Virāgā vimuccati.</p>	<p>16. Bhikkhus, when a noble follower who has heard (the truth) sees thus, he finds estrangement in form, he finds estrangement in feeling, he finds estrangement in perception, he finds estrangement in determinations, he finds estrangement in consciousness. When he finds estrangement, passion fades out. With the fading of passion, he is liberated.</p>	<p>16. Thấy vậy, này các Tỳ-khưu, bậc Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với các hành, yếm ly đối với thức. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát.</p>
<p>Vimuttasmim vimuttam’iti ñāṇaṃ hoti. Khīṇā jāti. Vusitaṃ brahmacariyaṃ. Kataṃ</p>	<p>When liberated, there is knowledge that he is liberated. He understands:</p>	<p>Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã được giải thoát". Vị ấy biết rõ: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những</p>

<p><b>karaṇīyaṃ. Nāparaṃ itthattāyā'ti pajānāti.</b></p> <p><b>17. Idamavoca Bhagavā attamanā pañcavaggiyā bhikkhū Bhagavato bhāsitaṃ abhinandaṃ. Imasmiñca pana veyyākaraṇasmiṃ bhaññamāne pañcavaggiyānaṃ bhikkhūnaṃ anupādāya āsavehi cittāni vimuccimṣu'ti.</b></p>	<p>'Birth is exhausted, the holy life has been lived out, what can be done is done, of this there is no more beyond.'</p> <p>17. That is what the Blessed One said. The bhikkhus were glad, and they approved his words. Now during this utterance, the hearts of the bhikkhus of the group of five were liberated from taints through clinging no more.</p>	<p>việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".</p> <p>17. Thế Tôn thuyết như vậy. Nhóm năm vị Tỳ-khuru hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi lời dạy này được nói lên, tâm của nhóm năm vị Tỳ-khuru được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.</p>
---	--	---

<p style="text-align: center;"><b>PABBA IV: ĀKĀSATTHĀ</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>PART IV: TRANSFERRING MERIT</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>PHẦN IV: HỒI HƯỚNG</b></p>
<p style="text-align: center;"><b>SABBADISASU METTAPHARANAM</b></p> <p>- Sabbe puratthimāya disāya sattā averā sukhī hontu.</p> <p>- Sabbe puratthimāya anu- disāya sattā averā sukhī hontu.</p> <p>- Sabbe dakkhiṇāya disāya sattā averā sukhī hontu.</p> <p>- Sabbe dakkhiṇāya anu- disāya sattā averā sukhī hontu.</p> <p>- Sabbe pacchimāya disāya sattā averā sukhī hontu.</p>	<p style="text-align: center;"><b>PERVADING LOVING KINDNESS TO ALL DIRECTIONS</b></p> <p>- May all beings in the eastern direction be free from enmity and live happily.</p> <p>- May all beings in the eastern intermediate direction be free from enmity and live happily.</p> <p>- May all beings in the southern direction be free from enmity and live happily.</p> <p>- May all beings in the southern intermediate direction be free from enmity and live happily.</p> <p>- May all beings in the western direction be free from enmity and live happily.</p>	<p style="text-align: center;"><b>RẢI TÂM BÁC ÁI ĐẾN TẤT CẢ CÁC HƯỚNG</b></p> <p>- Nguyên cho tất cả chúng sanh trong hướng đông, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.</p> <p>- Nguyên cho tất cả chúng sanh trong hướng đông nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.</p> <p>- Nguyên cho tất cả chúng sanh trong hướng nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.</p> <p>- Nguyên cho tất cả chúng sanh trong hướng tây nam, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.</p> <p>- Nguyên cho tất cả chúng sanh trong hướng tây, đừng có oan trái lẫn</p>

<p>- Sabbe pacchimāya anu-disāya sattā averā sukhī hontu.</p>	<p>- May all beings in the western intermediate direction be free from enmity and live happily.</p>	<p>nhau, hãy cho được sự yên vui.</p>
<p>- Sabbe uttarāya disāya sattā averā sukhī hontu.</p>	<p>- May all beings in the northern direction be free from enmity and live happily.</p>	<p>- Nguyên cho tất cả chúng sanh trong hướng tây bắc, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.</p>
<p>- Sabbe uttarāya anu-disāya averā sukhī hontu.</p>	<p>- May all beings in the northern intermediate direction be free from enmity and live happily.</p>	<p>- Nguyên cho tất cả chúng sanh trong hướng bắc đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.</p>
<p>- Sabbe uparimāya disāya sattā averā sukhī hontu.</p>	<p>- May all beings in the upward direction be free from enmity and live happily.</p>	<p>- Nguyên cho tất cả chúng sanh trong hướng đông bắc, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.</p>
<p>- Sabbe heṭṭhimāya disāya sattā averā sukhī hontu.</p>	<p>- May all beings in the downward direction be free from enmity and live happily.</p>	<p>- Nguyên cho tất cả chúng sanh trong hướng trên, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.</p>
<p>- Sabbe sattā averā hontu, sukhitā hontu, ni-ddukkhā hontu, abyāpajjhā hontu, anīghā hontu, dīgh'āyukā hontu, arogā hontu, sampattīhi samijjhantu,</p>	<p>- May all living creatures be relieved from animosity, be peaceful, be extricated from unsatisfactoriness, be absent from malevolence, be absent from misery, be living a long life, be from illness, be</p>	<p>nhau, hãy cho được sự yên vui.</p> <p>- Nguyên cho tất cả chúng sanh trong hướng dưới, đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui.</p> <p>- Nguyên cho tất cả chúng sanh đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui, đừng có khổ, đừng làm</p>

<p><b>sukhi attānaṃ pariharantu, dukkha-ppattā ca ni- ddukkhā, bhaya-ppattā ca ni-bbhayā, soka-ppattā ca ni-ssokā hontu sabbe’pi Pānino.</b></p>	<p>successful attainment. May they take care of themselves happily. May those who suffer be without suffering, those who fear be without fear, those who grieve be without grief - may all living creatures be so.</p>	<p>hại lẫn nhau, đừng hẹp hòi, hãy cho được sống lâu, đừng có bệnh hoạn, hãy cho được thành tựu đầy đủ, hãy giữ mình cho được sự yên vui. Tất cả chúng sanh đến khổ rồi, xin đừng cho có khổ, đến sự kinh sợ rồi, xin đừng cho kinh sợ, đến sự thương tiếc rồi, xin đừng cho thương tiếc.</p>
<p><b>DEVĀNUMODANĀ</b></p> <p><b>Ākāsa-tṭhā ca bhumma-tṭhā Devā Nāgā mah’iddhikā Puññaṃ no anumodantu Ciraṃ rakkhantu ...</b></p> <p><b><u>1. Sāsanam.</u></b> <b><u>2. No Garū</u></b> <b><u>3. Nātayo</u></b> <b><u>4. Pānino</u></b> <b><u>5. No sadā</u></b></p>	<p><b>SHARING OF MERIT TO DEITIES</b></p> <p>Devas and Nagas of mighty power, inhabiting in the sky and on the earth</p> <p>Rejoice in this merit. May they protect ...1. <b>the dispensation</b> for long.</p> <p><b>2. Nation</b> <b>3. Relatives</b> <b>4. Beings</b> <b>5. Us and others</b></p>	<p><b>HÒI HUỚNG PHƯỚC ĐẾN CHƯ THIÊN</b></p> <p>Chư Thiên ngự trên hư không Địa cầu thượng ngự rõ thông mọi điều Long vương thần lực có nhiều Đồng xin hoan hỷ phước đều chúng con Hộ trì Phật giáo Tăng bô Các bậc Thầy tổ an vui lâu dài Quyền thuộc tránh khỏi nạn tai Chúng sanh được hưởng phước dài bền lâu Chúng con vui thú đạo màu Tu hành tinh tấn ngõ hầu vô sanh.</p>
<p><b>PUÑÑĀNUMODANĀ</b></p> <p><b>Yaṃ kiñci kusala-kammaṃ</b></p>	<p><b>DEDICATING MERIT TO ALL BEINGS</b></p>	<p><b>HÒI HUỚNG</b></p> <p>Phước căn con đã tạo thành, Do thân, khẩu, ý tu hành gieo nên.</p>

<p><b>Kattabbaṃ kiriyāṃ mama Kāyena vācā-manasā Tidase sugataṃ kataṃ.</b></p>	<p>Whatever resultant wholesome karma I have accrued by body, speech and by mind —done for going happily to (the heaven of) the Thirty,</p>	<p>Đều là phước báu vững bền, Có thể tiếp chúng độ lên thiên đàng. Cung trời Đạo Lợi thọ nhàn,</p>
<p><b>Ye sattā saññino atthi Ye ca sattā asaññino, Kataṃ-puñña-phalaṃ mayhaṃ Sabbe bhāgī bhavantu te,</b></p>	<p>whatever beings there are having perception, and whatever beings are without perception, in the fruit of my merit may they all share</p>	<p>Chúng sanh hữu tướng nhưn gian Ta bà. Chư Thiên Phạm Thiên cùng là, Bậc trời vô tướng được mà hưởng an. Phước con hồi hướng dâng ban,</p>
<p><b>Ye taṃ kataṃ su-viditaṃ Dinnaṃ puñña-phalaṃ mayā, Ye ca tattha na jānanti, Devā gantvā nivedayaṃ</b></p>	<p>Those, that know well may share, those who are unaware, may the devas announce to them.</p>	<p>Chúng sanh hay biết hoàn toàn lãnh đầu. Bằng ai chưa rõ lời cầu, Xin cùng Thiên chúng đến hầu mạch ngay. Có người làm phước được rày, Lại đem hồi hướng hiện nay khắp cùng.</p>
<p><b>Sabbe lokamhi ye sattā Jīvant'āhāra-hetukā Manuññaṃ bhojanaṃ sabbe Labhantu mama cetasā' ti.</b></p>	<p>All those beings in the world who live by means of (any of the 4 kinds of) nutriment may they all receive his delightful food of my mind.</p>	<p>Chúng sanh hoan hỷ lãnh chung, Hưởng được phước quý ung dung thanh nhàn. Chúng sanh thế giới các hàng, Bởi nhờ thọ thực sanh an mạng trường. Xin đầu phước báu cúng dường, Hóa thành thực phẩm mùi hương thỏa lòng.</p>
<p><b>Ākāsa-ṭṭhā ca bhumma-ṭṭhā Devā Nāgā mah'iddhikā Puññaṃ no anumodantu Ciraṃ rakkhantu ñātayo pāṇiyo no sadā</b></p>		<p>Con xin hồi hướng quả này, Thấu đến quỵển thuộc nơi đây cho tường; Cùng là thân thích tha phương, Hoặc đã quá vãng hoặc thường hiện nay; Chúng sanh ba giới bốn loài,</p>



		<p>Vô tướng, hữu tướng chẳng nài đâu đâu; Nghe lời thành thật thỉnh cầu, Xin mau tựu hội lãnh thâu quả này; Bằng ai xa cách chưa hay, Cầu xin Thiên chúng mách ngay với cùng; Thấy đều thọ lãnh hưởng chung, Dứt rồi tội lỗi thoát vòng nạn tai; Nguyện cầu Tăng chúng đức tài, Đạt thành Thánh quả hoàng khai đạo lành; Nguyện cho Phật Pháp thạnh hành, Năm ngàn năm chẵn phước lành thế gian.</p>
<p><b>DEVATĀDIPATTIDĀNA GĀTHĀ</b></p> <p><b>1.Yā Devatā santi-vihāra- vāsinī</b> <b>Thūpe ghare bodhi ghare tahiṃ tahiṃ</b> <b>Tā Dhamma-dānena bhavantu pūjitā</b> <b>Sotthiṃ karonte'dha vihāra-maṇḍale.</b></p> <p><b>2.Therā ca majjhā navakā ca bhikkhavo</b> <b>Sārāmikā dānapatī upāsakā</b></p>	<p><b>DEDICATION OF MERIT TO THE DEVAS &amp; OTHERS</b></p> <p>1.May the devas dwelling in the temple, the stupa, the buildings, the Bodhi-tree enclosure, here &amp; there, be honored with the gift of Dhamma. May they bring about well- being here in the monastery.</p> <p>2.May elder, intermediate, &amp; new monks, temple attendants, donors, lay followers;</p>	<p><b>HỒI HƯỚNG SAU KHI NGHE PHÁP</b></p> <p>1.Ngưỡng cầu các đấng chư Thiên. Trong vòng tịnh xá ngự yên hằng ngày. Ngự nơi đền tháp xưa nay, Những nơi biệt thất nơi cây Bồ đề. Chúng con xin hội họp về, Sẽ dùng pháp thí tiện bề cúng dâng.</p> <p>2.Rồi xin hộ độ chư Tăng, Cửa từ ân náu phước hằng hà sa. Tỳ-khưu chẳng luận trẻ già, Cao hạ, trung hạ hoặc là mới tu.</p>

<p><b>Gāmā ca desā nigamā ca issarā</b> <b>Sappāna bhūtā sukhitā bhavantu te</b></p>	<p>towns, cities, &amp; principalities, with their beings &amp; spirits be happy.</p>	<p>Thiện nam tín nữ, công phu, Đều là thí chủ đồng phù trợ nhân. Những người trong khắp thôn lân. Kiều cư châu quận được phần an khương.</p>
<p><b>3.Jalābujā ye’pi ca aṇḍa- sambhavā</b> <b>Saṃsedajā tā atha v’opapātikā</b> <b>Niyyānikam Dhamma- varam paṭicca te</b> <b>Sabbe’pi dukkhassa karontu saṅkhayam.</b></p>	<p>3. Whether born from a womb, from an egg, from slime, or spontaneously arising: May they, in dependence on the foremost Dhamma for leading out, all make an end to suffering &amp; stress.</p>	<p>3.Chúng sanh bốn loại không lường Noãn, thai, thấp, hóa khi nương pháp lành. Giải thoát pháp bảo nên hành, Đặng mà dứt khổ truyền quanh đọa đày.</p>
<p><b>4. Thātu ciraṃ satam Dhammo</b> <b>Dhamma-d-dharā ca puggalā</b> <b>Saṅgho hotu samaggo va Atthāya ca hitāya ca</b></p>	<p>4. May the Dhamma stand firm for long, along with those individuals who maintain it. May the Saṅgha live in harmony, for our welfare &amp; benefit.</p>	<p>4.Cầu cho hưng thịnh lâu dài, Pháp thiện trí thức các Ngài mở mang. Bậc tu xin được bình an, Cầu cho Tăng chúng các hàng hòa nhau; Lại thêm phẩm hạnh thanh cao, Những quả lợi ích kết mau kịp thì.</p>
<p><b>5. Amhe rakkhantu saddhammo</b> <b>Sabbe’pi Dhamma-cārino Vuddhiṃ</b> <b>sampāpuneyyāma</b></p>	<p>5.May the true Dhamma protect us, together with all who practice the Dhamma.</p>	<p>5.Cầu xin pháp bảo hộ trì, Cho người tu đã quy y Phật rồi. Xin cho cả thầy chúng con,</p>

<b>Dhamm'āriya-ppavedite.</b>	May we flourish in the Dhamma taught by the noble ones.	Tấn hóa trong pháp Phật roi giáo truyền.
-------------------------------	---	--

<b>THẬP NGUYỆN</b>	<b>PHỤC NGUYỆN</b>
<p>Nguyện cầu Tam Bảo từ hằng độ,            Nguyện thoát ba tai nước, lửa, binh,            Nguyện thầy chúng sanh khỏi oan kết,            Nguyện cho nhân loại rắng tu hành            Nguyện gìn tam học Giới - Định - Tuệ            Nguyện đoạn Tham - Sân - Si độc sanh            Nguyện giải căn nhân sanh tử khổ            Nguyện diệt tâm tham háo lợi danh            Nguyện tu tinh tấn không giải đãi            Nguyện sao đạo quả sớm viên thành.</p>	<p>Phước lành con đã tạo ra,            Các đời quá khứ hay là đời nay.            Nghiệp chưa cho quả phước nào,            Nguyện thành Pháp độ để vào thiện căn.            Sau này dù tạo mấy lần,            Từ đây cho đến vô sanh Niết bàn.            Hễ làm chuyện tốt sẵn sàng,            Mỗi điều hạnh phúc thành đoàn nhân duyên.            Giúp cho phiền não sớm yên,            Trợ mau giải thoát kế liền kiếp sau.            Nếu trễ chẳng gặp Phật nào,            Nhắm kỳ Độc Giác làm sao cũng thành.            (HT. Tịnh Sự)</p>

<b>MORA PARITTA</b>	<b>THE PEACOCK'S PRAYER FOR PROTECTION</b>	<b>KHÔNG TƯỐC KINH</b>
<p><b>Udetayañ-cakkhumā</b>  <b>eka-rājā</b>  <b>Harissa-vaṇṇo</b>  <b>paṭhavippabhāso</b>  <b>Tam tam namassāmi</b>  <b>Harissa-vaṇṇam</b>  <b>paṭhavippabhāsam</b></p>	<p>This sun which gives eyes to the creatures to see, which is the supreme king, which is gold in color and which shines all over the earth, sets. I pay respect to that sun, which is gold in</p>	<p>Mặt trời ánh sáng như vàng            Chiều trong thế giới khắp tràn bốn châu            Tự do soi cả đầu đầu            Là trông con mắt hoàn cầu sanh linh.            Cho nên con mới nghiêng mình            Cúi đầu cung kính tỏ trình ân cao            Các Ngài luân chuyển cùng nhau            Thay phiên trị nhật vị nào đêm nay.</p>

<p><b>Tay'ajja guttā viharemu divasaṃ.</b></p> <p><b>Ye brāhmaṇā vedagu sabba-dhamme</b></p> <p><b>Te me namo te ca maṃ pālayantu.</b></p> <p><b>Namatthu buddhānaṃ namatthu bodhiyā.</b></p> <p><b>Namo vimuttānaṃ namo vimuttiyā.</b></p> <p><b>Imaṃ so parittaṃ katvā</b></p> <p><b>Moro vāsamakappayīti.</b></p>	<p>color and which shines all over the earth. Being protected by you, we will live safely the whole night.</p> <p>I pay homage to those Buddhas who have understood all Dhammas. And may they protect me. Let there be homage to the Buddhas, let there be homage to Enlightenment, let there be homage to those who have become free. Let there be homage to the five kinds of deliverance. That peacock made this protection and then went to sleep.</p>	<p>Chúng con ở dưới quyền này Xin nhờ ủng hộ đêm ngày an vui Làm cho ác độc phai phui Cho dù oan trái mưu thù cũng hư. Thiên tăng đạo sĩ các sư Tu hành đắc pháp hoặc cư xa gần Từ bi soi đến kẻ cần Biết nay con kính tự thân yêu cầu Nương nhờ quyền lực phép màu Đặng cho tránh khỏi nạn sâu đêm nay Phạm thiên, Thiên chúng các Ngài Thọ con kính lạy hiện nay xin tòng Bảo tồn khỏi sự bất lương Đêm nay cho được tránh đường họa tai Cúi đầu lạy cả Như Lai Các hàng Bồ tát chư ngài Thánh Tăng Vớ cùng Pháp bảo siêu thắng Đêm nay nhớ tụng để ngăn các điều.</p>
<p><b>BHADDEKATOTTO GĀTHĀ (MN 131)</b></p> <p><b>Atītaṃ nānvāgameyya, Nappaṭikaṅkhe anāgatam; Yadatītaṃ pahīnaṃ</b></p>	<p><b>THE STANZA ON THE IDEAL LOVER OF SOLITUDE</b></p> <p>Let one not trace back the past Or yearn for the future-yet-to-come. That which is past is left behind</p>	<p><b>KỆ NHẤT DẠ HIỀN</b></p> <p>Quá khứ không truy tìm Tương lai không ước vọng Quá khứ đã đoạn tận Tương lai lại chưa đến</p>

<p><b>taṃ, Appattañca anāgataṃ.</b></p> <p><b>Paccuppannañca yo dhammaṃ, Tattha tattha vipassati; Asaṃhīraṃ asaṃkappaṃ, Taṃ vidvā manubrūhaye.</b></p>	<p>Unattained is the "yet-to-come."</p> <p>But that which is present he discerns — With insight as and when it comes. The Immovable — the non-irritable. In that state should the wise one grow</p>	<p>Chỉ có pháp hiện tại Tuệ quán chính là đây Không động không rung chuyển Biết vậy nên tu tập</p>
<p><b>Ajjeva kiccamātappaṃ, Ko jaññā maraṇaṃ suve; Na hi no saṅgamaṃ tena, Mahāsenena maccunā. Evaṃvihāriṃ ātāpiṃ, Ahorattamatanditaṃ; Taṃ ve bhaddekarat- toti, Santo ācikkhate muni</b></p>	<p>Today itself should one bestir Tomorrow death may come — who knows? For no bargain can we strike With Death who has his mighty hosts. But one who dwells thus ardently By day, by night, untiringly Him the Tranquil Sage has called The Ideal Lover of Solitude.</p>	<p>Hôm nay nhiệt tâm làm Ai biết chết ngày mai Không ai điều đình được Vớ đại quân thần chết. Trú như vậy nhiệt tâm Đêm ngày không mệt mỏi Xứng gọi Nhất Dạ Hiền Bậc an tịnh trầm lặng.</p>

**KỆ KHUYẾN TU**

Việc trần thế khuyên ai phải ngẫm  
 Danh mà chi, lợi lắm mà chi  
 Bã công danh bọt nước có ra gì  
 Mùi phú quý như vàng mây tan hiệp.

Sang cho mấy cũng rồi một kiếp  
 Giàu đến đâu chỉ hưởng một đời  
 Cái tử sanh đeo đuôi kiếp người  
 Thân tứ đại lấy đâu làm chắc.

Kìa sanh tử thấy liền trước mắt,  
 Đám cô phần đa thị thiếu niên nhân  
 Cái thân này là cái giả thân  
 Nay còn đó ngày mai chưa chắc được.

Phần nổi bệnh, nổi già thúc phược  
 Sống trên đời sống được bao lâu  
 Mới mảy xanh kẻ đã bạc đầu  
 Rồi lại đến hoang khô một năm.

Thương ôi! Tam thống khí tại thiên bang dụng  
 Nhất đán vô thường vạn sự hư  
 Muôn việc đều nương mấy tác hơi  
 Hơi vừa dứt việc đời thôi cũng dứt.

Nào của cải vợ con tài vật  
 Nhắm mắt rồi lại nắm tay không  
 Nghĩa tào khang có kẻ chẳng bền lòng  
 Đánh cái giá để mong chồng khác.

Bỏ con đại mặc đời hành phạt  
 Nghĩ cuộc đời ngẫm lại thật buồn tênh  
 Hết mê danh, mê lợi, mê tình  
 Toan mượn thú già lam phong cảnh.

Ngẫm cuộc thế vui gì tranh cạnh  
 Lại gây tình vợ vợ con con  
 Thà sớm trưa vui thú nước non  
 Chiều lại niệm Á Rá Hăng-Phật.

Mong giải thoát lánh xa vật chất  
 Sợ luân hồi toan yếm sự hành vi  
 Ở thế gian nhiều chuyện thị phi  
 Vào cửa Phật từ bi hỷ xả.

Người cố chép tụng, quan tâm xét  
 Cúng dường truyền bá pháp tôn sùng  
 Đến người khắp xứ hưởng chung  
 Tăng gia thêm tuổi thọ trường bá niên.

SĪVALI GĀTHĀ	SĪVALI CONTEMPLATION	THIỆN SĪVALI
<p><b>Sīvali ca mahānāmaṃ sabbalābhaṃ bhavantu me</b></p>		<p>Ngài Thánh tăng Đại Lộc uy danh Thành tâm kính lễ hồng danh nhiệm mầu Ngưỡng mong công đức thâm sâu Lộc tài phước báu, chóng mau tựu thành.</p>
<p><b>Yaṃ torito tomārovā tomareyvā sabbalābhā bhavantu me.</b></p>		<p>Ngài Thánh tăng Đại Lộc uy danh Thiện nam tín nữ tâm thành kính dâng Phước ngài uy lực muôn phần Thành tâm kính lễ xin phần phước duyên.</p>
<p><b>Sīvali ca mahāthero pūjato bhavantu me.</b></p>		<p>Ngài Thánh tăng Đại Lộc uy danh Hữu hình cung kính hồng danh của ngài Phước này hoan hỷ cùng ai Uy linh thế sự thành tài nhân gian</p>
<p><b>Sīvali ca mahāthero tocato bhavantu me.</b></p>		<p>Ngài Thánh tăng Đại Lộc uy danh Phước tu tài lộc đã dành ngàn xưa Chúng con cúi lạy ân xưa An vui trường thọ, đủ vừa cho con.</p>
<p><b>Tute bhaverājā nirantaraṃ sabbalābhaṃ bhavantu me.</b></p>		<p>Ngài Thánh tăng Đại Lộc uy danh Hoàng gia vật phẩm tâm thành kính dâng Chúng con hoan hỷ phước phần Cầu mong tài lộc muôn phần phát sanh.</p>
<p><b>Sīvali ca mahāthero yapipūjato bhavantu me.</b></p>		<p>Ngài Thánh tăng Đại Lộc uy danh Mười phương thế giới chúng sanh cúng dường. Phước lành hoan hỷ vô lường</p>

<p><b>Sīvali ca mahāthero brahmatocato bhavantu me.</b></p> <p><b>Sīvali ca mahānāmaṃ, Sabbalābhaṃ bhavissati Therassa anubhāvena, Sabbe hontu piyaṃ mama.</b></p> <p><b>Sīvali ca mahāthero Mama sīse ṭhapetvāna Mantitena jāyomantaṃ Ahaṃ vandāmi sabbadā.</b></p>		<p>Mong cho vạn sự kiết tường phát sanh.</p> <p>Ngài Thánh tăng Đại Lộ uy danh Cúng dường bố thí trọn thành pháp tu Phạm thiên cúng lễ chân tu Chúng con hoan hỷ phước tu cũng đầy. Ngài Đại Đức Sīvali bậc đại danh Ngài Đại Đức Sīvali bậc tài lộc Câu xin tất cả tài lộc sẽ phát sanh Do nhờ oai lực của Ngài Đại Đức, Câu xin Chư thiên và nhân loại, Đều có tâm từ thương mến con.</p> <p>Ân Sīvali mãi còn Bậc Thầy cao thượng cho con đội đầu Kính Ngài là bậc nhiệm màu Con luôn đánh lễ, mong cầu lạc an.</p>
<p><b>ÑĀTAYO ANUMODANĀ</b></p> <p><b>Idaṃ no ñātīnaṃ hontu sukhitā hontu ñātayo.</b></p>	<p><b>DEDICATION MERIT TO DEAD RELATIVES</b></p> <p>May this [merit] accrue to relatives. May relatives be in happiness!</p>	<p><b>HỒI HƯỚNG ĐẾN THÂN QUYẾN ĐÃ QUÁ VĨNG</b></p> <p>Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây, xin hồi hướng đến thân bằng quyến thuộc đã quá vãng, cầu mong cho các vị ấy hằng được sự yên vui.</p>



PATTHANĀ	ASPIRATION FOR LIBERATION	NGUYỆN GIẢI THOÁT
<p><b>Idaṃ vata me puññaṃ āsava-kkhaṃv'ahaṃ hotu anāgate kāle.</b></p> <p><b>Sādhu! Sādhu! Sādhu!</b></p>	<p>May this merit destroy defilements causing in my mind in the future time.</p> <p>Well done! Well done! Well done!</p>	<p>Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là mối duyên lành, để dứt khỏi những điều ô nhiễm, ngủ ngầm nơi tâm trong ngày vị lai.</p> <p>Sādhu! Sādhu! Lành thay!</p>

## KỆ SÁM HỐI

(Tụng Rằm và 30 mỗi tháng)  
Cúi đầu lạy trước bửu đài  
Con xin sám hối từ rày ăn năn  
Xưa nay lỡ phạm điều răn,  
Do thân, khẩu, ý bị màn vô minh  
Gây ra nghiệp dữ cho mình,  
SÁT SANH hại vật chẳng tình xót thương.  
Giết ăn hoặc bán không lường,  
Vì lòng tham lợi quên đường thiện nhân.  
Oan oan tương báo cõi trần,  
Trần luân biến tội chịu phần khổ lao.  
Xét ra nhân vật khác nào,  
Hại nhân, nhân hại mắc vào trả vay.  
Lại thêm TRỘM SẢN cướp tài,  
Công người cực nhọc hằng ngày làm ra.  
Lòng tham tính bầy lo ba,  
Mưu kia kế nọ lấy mà nuôi thân.  
Hoặc nuôi quyền thuộc xa gần,  
Làm cho người phải lấm làn than van.  
TÀ DÂM tội nặng muôn ngàn,  
Liệu toan chước sách làm đàng chẳng ngay.  
Vợ con người phải lấm tay,  
Mất trinh thất tiết phải tai tiếng đời.  
Xấu cha hổ mẹ nhiều lời,  
Xa lia chồng vợ rẽ rời lúá đời.  
VỌNG NGÔN giả dối ngoài môi,  
Chuyện không nói có, có rồi nói không.  
Dụng lời đâm thọc hai lòng,  
Phân chia quyền thuộc, vợ, chồng, anh em

Mắng nhiếc chửi rửa pha gièm,  
Xóm làng, cô bác, chị em không chừa.  
Nói lời vô ích dây dưa,  
Phí giờ quý báu hết trưa đến chiều.  
UÔNG RƯỢU sanh hại rất nhiều,  
Ham ăn mê ngủ nói liều chẳng kiêng.  
Say sưa ngã gió đi xiên,  
Nằm bờ té bụi như điên khác nào.  
Loạn tâm cuồng trí mòn hao,  
Nhiều người vì rượu biết bao hư nhà.  
XAN THAM những của người ta,  
Mong sang đoạt được lòng tà mới ưng.  
NÉT SÂN nóng giận không chùng,  
Toàn làm hại chúng bâng khuâng trong lòng.  
SI MÊ tin chạ chẳng phòng,  
Nghe đâu theo đó không thông chánh tà.  
Chẳng tin Phật pháp cao xa,  
Thậm thâm vi diệu bao la trên đời.  
Nếu con cố ý phạm lời,  
Hoặc là vô ý lỗi thời điều răn.  
Hoặc xúi kẻ khác bạo tàn,  
Hoặc nghe thấy ác lòng hằng vui theo.  
Phạm nhằm ngũ giới thập điều.  
Vì chung thân, khẩu, ý, nhiều lần sai.  
Lỗi từ kiếp trước lâu dài,  
Đến kiếp hiện tại miệt mài lấm phen  
Hoặc vì tà kiến đã quen,  
Khinh khi tam bảo lòng bèn chẳng tin  
Cho rằng người chết hết sinh  
Phạm vào đoạn kiến tội tình nặng thay.  
Hoặc phạm thường kiến tội dày,

Sống sao đến thác, sanh lai như thường.  
 Tội nhiều kẻ cũng không lường,  
 Vì con ngu dốt không tường phân minh  
 Để duôi tam bảo hại mình,  
 Bởi chung không thấu vô minh nghiệp tà.  
 Cho nên chơn tánh mới là,  
 Tôi tâm chẳng rõ sai ngoa thuở đầu.  
 Hóa nên khờ dại đã lâu  
 Để cho hoàn cảnh mặc dầu kéo xoay  
 Khác nào bèo bị gió quay  
 Linh đình giữa biển dạt bờ sông  
 Xét con tội nặng chập chồng  
 Kiếp xưa cho đến hiện trong kiếp này  
 Con xin sám hối từ đây  
 Nguyện cầu Tam bảo đức dày độ cho  
 Tội xưa chẳng hạn nhỏ to  
 Con nguyện dứt cả chẳng cho thêm vào  
 Tâm lành dốc chí nâng cao  
 Cải tà quy chánh chú vào Phật ngôn  
 Cho con khỏi chôn mê hôn  
 Đến nơi cõi Phật Thế Tôn gần kề  
 Thoát vòng khổ não tối mê  
 Hưởng miền cực lạc mọi bề thanh thoi  
 Ngày nay dứt bỏ việc đời  
 Cẩn lành gieo giống chẳng rời công phu  
 Mặc ai danh lợi bôn xu  
 Con nguyện giữ hạnh người tu thoát trần  
 Trước là độ lấy bốn thân  
 Sau giúp quyền thuộc được phần tiêu điều  
 Sám hối tội lỗi đủ điều

Duyên lành đâu cũng ít nhiều kết xây  
 Con xin hồi hướng quả này  
 Thấu đến quyền thuộc nơi đây cho tường  
 Cùng là thân thích tha phương  
 Hoặc đã quá vãng hoặc thường hiện nay  
 Chúng sanh ba giới bốn loài  
 Vô tướng hữu tướng chẳng này đâu đâu  
 Nghe lời thành thật thỉnh cầu  
 Xin mau tụ hội lãnh châu quả này  
 Bằng ai xa cách chưa hay  
 Cầu xin Thiên chúng mách ngay với cùng  
 Thủy đều thọ lãnh hưởng chung  
 Dứt rồi tội lỗi thoát vòng nạn tai  
 Nguyện cầu Tăng chúng đức tài  
 Đạt thành Thánh quả hoằng khai đạo lành  
 Nguyện cho Phật pháp thanh hành  
 Năm ngàn năm chấn phước lành thế gian.

- Nguyện cho tất cả chúng sanh đừng có oan trái lẫn nhau, hãy cho được sự yên vui, đừng có khổ, đừng làm hại lẫn nhau, đừng hẹp lượng, hãy cho được sống lâu, đừng có bệnh hoạn, hãy cho được thành tựu đầy đủ, hãy giữ mình cho được sự yên vui. Tất cả chúng sanh đến khổ rồi, xin đừng cho có khổ, đến sự kinh sợ rồi, xin đừng cho kinh sợ, đến sự thương tiếc rồi, xin đừng cho thương tiếc.

<p><b>Brahmā ca lokādhīpatī  sahampati Katañjali  anadhivaram ayācatha  Santīdha  sattāpparajakka-  jātikā Desetu  dhammaṃ  anukampimaṃ pajamaṃ</b></p>	<p><b>REQUESTING A  DHAMMA TALK</b></p> <p>The Brahma Sahampati, Lord of the world,  With palms joined in reverence, requested a favor:  “Beings are here with but little dust in their eyes, Pray, teach the Dhamma out of compassion for them.”</p>	<p><b>KỆ THỈNH PHÁP SƯ</b></p> <p>Phạm Thiên vẫn ngậm ngùi  khẩn khoản.  Phật nhận lời nhưng chẳng dĩ  hơi.  Quyết lòng mở đạo dạy đời,  Nhắm vườn Lộc Giả ngài  dời chơn sang.  Thuyết pháp độ các hàng đệ  tử,  Có năm thầy thỉnh dự pháp  từ  Đó là nhóm Kiều Trần Như,  Được ném hương vị Hữu dư  Niết Bàn.  Rồi từ đó mở mang giáo  pháp,  Bốn mươi lăm hạ giáp vẹn  toàn.</p>
---	---	---

		<p>Một lòng chẳng thôi không mòn.          Những điều lợi ích hằng còn lâu năm.          Cả tam giới thừa ân phổ cập,          Đám mưa lành rưới khắp thế gian.          Bồi nhân cố, tích rõ ràng,          Thịnh Ngài thuyết pháp noi đàng từ bi.          Chúng sanh ngòì khắp chón ni,          Tỏi mê cầu được trí tri vẹn toàn.</p>
	<b>REQUESTING THE          THREE REFUGES          AND FIVE          PRECEPTS</b>	<b>PHÉP THỌ TRÌ          TAM QUY - NGŨ          GIỚI – BÁT QUAN          TRAI GIỚI</b>
<b>PAÑCA-SĪLA</b>	<b>THE THREE REFUGES          AND FIVE PRECEPTS</b>	<b>THỌ TRÌ TAM QUY -          NGŨ GIỚI</b>
<p><b>Ukāsa ahaṃ (mayam)          bhante viṣuṃ viṣuṃ          rakkhanatthāya          tisaraṇena saha pañca          sīlāni yācāmi (ma).</b></p> <p><b>Dutiyampi ahaṃ          (mayam) bhante viṣuṃ          viṣuṃ rakkhanatthāyā          tisaraṇena saha pañca          sīlāni yācāmi (ma).</b></p>	<p>We, Venerable Sister, request the Three Refuges and the Five Precepts.</p> <p>For the second time, we, Venerable Sister, request the Three Refuges and the Five Precepts.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bạch hoá chư Đại đức Tăng, chúng con xin thọ trì Tam qui và ngũ giới nơi Tam bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích.</li> <li>• Bạch hoá chư Đại đức Tăng, chúng con xin thọ trì Tam qui và ngũ giới nơi Tam bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ nhì.</li> </ul>

<p><b>Tatīyampi ahaṃ (mayāṃ) bhante viṣuṃ viṣuṃ rakkhanatthāya tisaraṇena saha pañca sīlāni yācāmi (ma).</b></p>	<p>For the third time, we, Venerable Sister, request the Three Refuges and the Five Precepts.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bạch hoá chư Đại đức Tăng, chúng con xin thọ trì Tam qui và ngũ giới nơi Tam bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ ba.</li> </ul>
<p><b>Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa. (x3)</b></p>	<p>Reverence to the Auspicious One, the Worthy One, the Perfect Sambuddha. (3 times)</p>	<p>Con đem hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahāṃ cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy. (x3)</p>
<p><b>Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi. Dutiyampi Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b></p>	<p><b>TAKING THE THREE REFUGES</b></p> <p>To the Buddha I go for refuge. To the Dhamma I go for refuge To the Sangha I go for refuge.</p> <p>For the second time, to the Buddha I go for refuge. For the second time, to the Dhamma I go for refuge. For the second time, to the Sangha I go for refuge.</p>	<p><b>QUY Y TAM BẢO</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.</li> <li>• Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ nhì.</li> </ul>

<p><b>Tatiyampi      Buddhamaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b></p> <p><b>Tatiyampi      Dhammaṃ saraṇaṃ            gacchāmi.</b></p> <p><b>Tatiyampi      Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b></p> <p><b>*Leader:            Tisaraṇa- gamaṇaṃ niṭṭhitaṃ</b></p> <p><b>*Response: Āma bhante</b></p>	<p>For the third time, to the Buddha I go for refuge.</p> <p>For the third time, to the Dhamma I go for refuge.</p> <p>For the third time, to the Sangha I go for refuge.</p> <p><b>* Leader:</b> This completes taking the Three Refuges.</p> <p><b>* Response:</b> Yes, Venerable Sister.</p>	<p>• Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ ba.</p> <p><b>*Thầy truyền giới:</b> Phép quy y Tam Bảo tròn đủ chỉ có bấy nhiêu.</p> <p><b>*Phật tử thọ giới:</b> Dạ, xin vâng.</p>
<p><b>1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.</b></p> <p><b>2.                    Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.</b></p> <p><b>3. Kāmesu micchācārā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.</b></p> <p><b>4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi.</b></p>	<p style="text-align: center;"><b>TAKING FIVE PRECEPTS</b></p> <p>1. I undertake to keep the precept of refraining from killing any living being.</p> <p>2. I undertake to keep the precept of refraining from stealing or taking what is not given.</p> <p>3. I undertake to keep the precept to refrain from sexual misconduct.</p> <p>4. I undertake to keep the precept of refraining from wrongful speech.</p>	<p style="text-align: center;"><b>THỌ NGŨ GIỚI</b></p> <p>1. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh.</p> <p>2. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.</p> <p>3. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự tà hạnh.</p> <p>4. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối.</p>

<p>5.  <b>Surāmerayamajjappa  mādaṭṭhānā veramaṇī  sikkhāpadam  samādiyāmi. *Leader:  Tisaraṇagahanam  paripuṇṇam</b></p> <p><b>*Response: Ama bhante!</b></p> <p><b>*Leader:</b></p> <p><b>Sīlena sugatiṃ yanti,  Sīlena bhogasampadā,  Sīlena nibbutiṃ yanti,  Tasmā sīlam visodhaye.</b></p> <p><b>*Response: Sādhu,  Sādhu!</b></p>	<p>5. I undertake to keep the precept of refraining from intoxicants that cloud the mind or cause heedlessness.</p> <p><i>* Leader: These are the five training rules.</i></p> <p><i>*Response: Yes, Venerable Sir.</i></p> <p><i>* Leader: Through virtue they go to a good destination.</i></p> <p><i>Through virtue is wealth attained.</i></p> <p><i>Through virtue they go to unbinding.</i></p> <p><i>Therefore we should purify our virtue.</i></p> <p><i>*Response: Well said, well said, well said!</i></p>	<p>5. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự dễ duôi, uống rượu và các chất say.</p> <p><b>*Thầy truyền giới:</b> Chư thiện tín sau khi thọ trì Tam Quy và Ngũ Giới nơi Tam Bảo hãy cố gắng vâng giữ hành theo cho được trong sạch đến trọn đời, chảng nên dễ duôi.</p> <p><b>*Phật tử thọ giới:</b> Dạ, xin vâng.</p> <p><b>*Thầy truyền giới:</b> Tất cả chúng sanh được sanh về cõi trời cũng nhờ giữ giới, tất cả chúng sanh được giàu sang cũng nhờ giữ giới, tất cả chúng sanh được giải thoát nhập Niết-bàn cũng nhờ giữ giới. Bởi các cố ấy, nên chư thiện tín hãy cố gắng thọ trì giới luật cho được trong sạch đừng để lảm nhơ.</p> <p><b>*Phật tử thọ giới:</b></p> <p>Sādhu, Sādhu – lành thay.</p>
---	--	--

AṬṬHA-SĪLA	THE THREE REFUGES AND FIVE PRECEPTS	THỌ TRÌ BÁT QUAN TRAI GIỚI
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Ukāsa mayam Bhante visum visum rakkhanatthāya tisananena saha atthaṅga-samannāgataṃ uposathaṃ yācāma.</li> <li>• Dutiyam'pi mayam Bhante visum visum rakkhanatthāya tisananena saha atthaṅga-samannāgataṃ uposathaṃ yācāma.</li> <li>• Tatiyam'pi mayam Bhante visum visum rakkhanatthāya tisananena saha atthaṅga-samannāgataṃ uposathaṃ yācāma.</li> </ul>	<p>We, Venerable Sister, request the Three Refuges and the Eight Precepts.</p> <p>For the second time, we, Venerable Sister, request the Three Refuges and the Eight Precepts.</p> <p>For the third time, we, Venerable Sister, request the Three Refuges and the Eight Precepts.</p>	<p>Phật tử thọ giới tác bạch:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bạch hoá chư Đại đức Tăng, chúng con xin thọ trì Tam qui và bát quan trai giới nơi Tam bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích.</li> <li>• Bạch hoá chư Đại đức Tăng, chúng con xin thọ trì Tam qui và bát quan trai giới nơi Tam bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ nhì.</li> <li>• Bạch hoá chư Đại đức Tăng, chúng con xin thọ trì Tam qui và bát quan trai giới nơi Tam bảo để vâng giữ hành theo cho được sự lợi ích, lần thứ ba.</li> </ul>
<p style="text-align: center;"><b>Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.</b> (x3)</p>	<p style="text-align: center;">Homage to the Blessed One, the Worthy One, the Rightly Self-awakened One. (3 times)</p>	<p>Con đem hết lòng thành kính làm lễ Đức Bhagavā đó, Ngài là bậc Arahāṃ cao thượng, được chứng quả Chánh Biến Tri do Ngài tự ngộ, không thầy chỉ dạy. (x3)</p>

	TAKING THE THREE	QUY Y TAM BẢO
	<b>REFUGES</b>	
<b>Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b>	To the Buddha I go for refuge.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng.</li> </ul>
<b>Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b>	To the Dhamma I go for refuge.	
<b>Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b>	To the Sangha I go for refuge.	
<b>Dutiyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b>	For the second time, to the Buddha I go for refuge.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ nhì. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ nhì.</li> </ul>
<b>Dutiyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b>	For the second time, to the Dhamma I go for refuge.	
<b>Dutiyampi Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b>	For the second time, to the Sangha I go for refuge.	
<b>Tatīyampi Buddhaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b>	For the third time, to the Buddha I go for refuge.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Con đem hết lòng thành kính xin quy y Phật, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Pháp, lần thứ ba. Con đem hết lòng thành kính xin quy y Tăng, lần thứ ba.</li> </ul>
<b>Tatīyampi Dhammaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b>	For the third time, to the Dhamma I go for refuge.	
<b>Tatīyampi Sanghaṃ saraṇaṃ gacchāmi.</b>	For the third time, to the Sangha I go for refuge.	
<b>*Leader: Tisarāṇa-gamaṇaṃ niṭṭhitaṃ</b>	<b>* Leader:</b> This completes taking the Three Refuges.	<b>*Thầy truyền giới:</b> Phép quy y Tam Bảo tròn đủ chỉ có bấy nhiêu.
<b>*Response: Āma bhante</b>	<b>* Response:</b> Yes, Venerable Sister.	<b>*Phật tử thọ giới:</b> Dạ, xin vâng.



AṬṬHA-SĪLA	TAKING THE EIGHT PRECEPTS	THỌ BÁT GIỚI
1. Pānātipātā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.	1. I observe the precept of abstaining from killing beings.	1. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự sát sanh.
2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.	2. I observe the precept of abstaining from stealing.	2. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự trộm cắp.
3. Abrahmacariyā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.	3. I observe the precept of abstaining from incelibacy.	3. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự hành dâm.
4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.	4. I observe the precept of abstaining from telling lies.	4. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự nói dối.
5. Surā-meraya- majjappamādatthānā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.	5. I observe the precept of abstaining from taking intoxicating drinks and drugs.	5. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự để duôi uống rượu và các chất say.
6. Vikāla-bhojanā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.	6. I observe the precept of abstaining from eating at improper times.	6. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự ăn sai giờ.
7. Nacca-gīta-vādita- visūka-dassana-mālā- gandha-vilepana- dhārana-mandana- vibhūsanatthānā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.	7. I observe the precept of abstaining from dancing singing music shows wearing garlands and beautifying with cosmetics.	7. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa sự múa hát, thổi kèn, đờn, xem múa hát, nghe đờn kèn, trang điểm, thoa vật thơm, bôi phấn và đeo tràng hoa.
8. Uccā-sayana-mahā- sayanā veramaṇī sikkhāpadam samādiyāmi.	8. I observe the precept of abstaining from using luxurious and comfortable seats and beds.	8. Con xin vâng giữ điều học là cố ý tránh xa chỗ nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp.

<p><b>*Response:</b>           Imaṃ aṭṭh'aṅga- samannāgataṃ Buddha- ppaññattaṃ uposathaṃ imañca rattiṃ imañca divasaṃ       sammad'eva abhirakkhituṃ samādi- yāma.</p>	<p><b>*Response:</b> Imitating great arahants, I follow these precepts for happiness in this life, for rebirth in heaven, and to realize the Four Noble Truths in this Gautama Buddha's Dispensation.</p>	<p><b>*Người thọ giới:</b> Chúng con xin thọ trì Bát Quan Trai Giới trọn đủ tám điều của Đức Phật đã giáo truyền, hầu để vâng giữ hành theo cho được trong sạch trọn ngày nay và đêm nay, và/hoặc cho đến trọn đời, mong cầu gieo được giống lành để thấy rõ Niết Bàn trong ngày vị lai.</p>
<p><b>*Leader:</b> Imāni aṭṭha- sikkhā-padāni sādhukaṃ katvā           appamādena niccakālam sammārakkhitabbaṃ.</p>	<p><b>*Leader:</b> After taking refuge in the Triple Gems and undertaking these Eight Precepts, attempting to thoroughly and rightly observe them in continuous time.</p>	<p><b>*Thầy truyền giới:</b> Chư thiện tín sau khi thọ trì Tam Quy và Bát Quan Giới nơi Tam Bảo hãy cố gắng vâng giữ hành theo cho được trong sạch trọn ngày, chẳng nên dễ duôi.</p>
<p><b>*Response:</b> Āma bhante!</p>	<p><b>*Response:</b> Yes, Venerable Sir</p>	<p><b>*Phật tử thọ giới:</b> Dạ, xin vâng.</p>
<p><b>*Leader:</b>  Sīlena sugatiṃ yanti,  Sīlena bhogasampadā,  Sīlena nibbutiṃ yanti,  Tasmā sīlaṃ visodhaye.</p>	<p><b>*Leader:</b> Through virtue they go to a good destination.  Through virtue is wealth attained.  Through virtue they go to unbinding.  Therefore we should purify our virtue.</p>	<p><b>*Thầy truyền giới:</b> Tất cả chúng sanh được sanh về cõi trời cũng nhờ giữ giới, tất cả chúng sanh được giàu sang cũng nhờ giữ giới, tất cả chúng sanh được giải thoát nhập Niết-bàn cũng nhờ giữ giới. Bởi các cố ấy, nên chư thiện tín hãy cố gắng thọ trì giới luật cho được trong sạch đừng để lấm nhơ.</p>

<p><b>*Response:</b>            <b>Sādhu,</b> <b>Sādhu!</b></p>	<p><b>*Response:</b> Well said, well said, well said!</p>	<p><b>*Phật tử thọ giới:</b> Sādhu, Sādhu – lành thay!</p>
<p><b>Vipatti-paṭibāhāya sabba-sampatti-siddhiyā</b> <b>Sabbadukkha-vināsāya</b> <b>Parittaṃ brūtha</b> <b>maṅgalaṃ</b></p>	<p><b>REQUESTING</b> <b>PARITTA CHANTING</b></p> <p>For warding off misfortune, for the arising of good fortunes, For the dispelling of all dukkha, May you chant a blessing and protection.</p>	<p><b>THỈNH CHƯ TẶNG</b> <b>TỤNG KINH CẦU AN</b></p> <p>Kính bạch chư Đại đức Tăng, cầu xin chư Đại đức Tăng, tụng kinh cầu an, cho ... cùng chư Phật tử hiện diện nơi đây, để ngăn ngừa tránh khỏi, các điều rủi ro tai hại, cho đặng thành tựu những hạnh phúc, khiến cho tất cả sự khổ não, lo sợ và bịnh hoạn đều được tiêu tan. Lần thứ nhì. Lần thứ ba.</p>

### **TÁC BẠCH CÚNG DƯỜNG TRAI TẶNG**

Kính bạch chư đại đức Tăng được rõ, những thực phẩm này của chúng con làm, hiệp theo lẽ đạo, được cũng hiệp theo lẽ đạo, chúng con xin hồi hướng phước, đến các bậc hữu ân của chúng con, đến ông bà cha mẹ của chúng con, nhất là..., mất ngày... Chúng con dâng những thực phẩm này, gọi là lễ trai Tăng, gồm cả món ăn phụ tụng, dâng cúng đến chư Tăng, có đức Phật chứng minh. Xin cho các bậc hữu ân của chúng con, cùng ông bà cha mẹ chúng con, nhất là ... được hay biết rằng, phước báu của lễ trai Tăng này, về phần các vị đó, và cầu xin các vị đó, được phép thọ hưởng tùy ý. Sau khi đã thọ hưởng rồi, thì được thoát khỏi những điều thống khổ, và được thành tựu quả cõi người, quả cõi trời, cùng quả Niết bàn, và cho được như ý muốn của các bậc hữu ân chúng con, do theo phước báu, chảy vào không dứt. Lần thứ nhì. Lần thứ ba.

ANUMODANA	SHARING AND REJOICING MERIT	CHIA PHƯỚC VÀ HỒI HƯƠNG
<p><b>ANUMODAN’ ĀRAMBHA-GĀTHĀ</b></p> <p><b>Yathā vārivāhā pūrā Paripūrenti sāgaram Evam’eva ito dinnam Petānam upakappati Icchitam patthitam tumham Khippam’eva samijjhatu Sabbe pūrentu saṅkappā Cando paṇṇaraso yathā Maṇi-joti-raso yathā.</b></p>	<p><b>REJOICING MERIT</b></p> <p>Just as rivers full of water fill the ocean full,</p> <p>Even so does that here given benefit the dead (the hungry shades).</p> <p>May whatever you wish or want quickly come to be,</p> <p>May all your aspirations be fulfilled,</p> <p>as the moon on the fifteenth (full moon) day,</p> <p>or as a radiant, bright gem.</p>	<p><b>MỞ ĐẦU KỆ CHÚC PHÚC/TUỶ HỖ CÔNG ĐỨC</b></p> <p>Các con đường nước đầy đủ, nhất là sông và rạch làm cho biển được đầy đủ, cũng như sự bố thí mà thí chủ làm trong lúc hiện tại đây.</p> <p>Cầu xin cho được kết quả đến những người đã quá vãng.</p> <p>Cầu xin các quả lành mà người đã mong mỏi, cho được mau thành tựu kịp thời đến người.</p> <p>Cầu xin những sự suy xét chọn chánh cho được tròn đủ đến người.</p> <p>Như trăng trong ngày Rằm.</p> <p>Bằng chẳng vậy cũng như ngọc ma-ni chiếu sáng rõ ràng, là ngọc quý báu, có thể làm cho tất cả sự ước ao của người đều được như nguyện.</p>

<p><b>SĀMAÑÑ'ĀNUMODA NĀ-GĀTHĀ</b></p>	<p><b>GENERALITY REJOICE STANZA</b></p>	<p><b>KỆ HOAN HỖ TƯƠNG HỢP</b></p>
<p><b>Sabb'ītiyo vivajjantu Sabba rogo vinassatu Mā te bhavatv'antarāyo Sukhī dīgh'āyuko bhava  Abhivādana-sīlissa Niccama vuddh'āpacāyino  Cattāro dhammā vaḍḍhanti  Āyu, vaṇṇo, sukhaṃ, balaṃ.</b></p>	<p>May all calamities be avoided, may all illness pass away, May no dangers threaten you, may you be happy and long-lived, Greeted kindly and welcome everywhere.  May four things accrue to you: long life, beauty, bliss, and strength, (wisdom).</p>	<p>Cầu xin cho tất cả sự rủi ro của người đều được xa lánh. Cầu xin cho tất cả tật bệnh của người đều được dứt khỏi. Sự tai hại cũng chẳng có đến cho người. Cầu xin cho người được sự an vui trường thọ.  Cả 4 (5) pháp chúc mừng, là: sống lâu, sắc đẹp, an vui, sức mạnh, (trí tuệ) hằng thêm đến người, là người năng nghiêng mình lễ bái, cúng dường đến Tam bảo, và có lòng tôn kính các bậc tu hành tinh tấn, nhất là bậc trí giới, và bậc Trưởng lão.</p>
<p><b>TIROKUḌḌA-KAṆḌA- GĀTHĀ</b></p> <p><b>1. Adāsi me akāsi me Ñāti mittā sakhā ca me Petānaṃ dakkhiṇaṃ dajjā Pubbe katam'anussaraṃ.</b></p>	<p><b>THE VERSE OF (SHARING MERIT TO THE GHOST) OUTSIDE THE WALL</b></p> <p>1. He gave to me, he acted on my behalf, and he was my relative, companion, friend. Offerings should be given for the dead when one reflects (thus) on what was done in the past.</p>	<p><b>KỆ HỒI HƯỚNG QUẢ BẢO ĐẾN NGẠ-QUI, NHỨT LÀ NGẠ-QUI NGỰ NGOÀI VÁCH NHÀ</b></p> <p>1. Khi người ta tưởng thấy ơn nghĩa mà ân nhân đã làm. Dành để cho người trong lúc trước, người này có bố thí vật này đến ta. Các người ấy đều là quyến thuộc của ta, nên cho DAKKHIṆĀDĀNA<sup>1</sup>, đến các Ngạ qui ấy.</p>

<sup>1</sup> DAKKHIṆĀDĀNA là: Bố-thí đến người có giới hạnh

<p><b>2. Na hi ruṇṇaṃ vā soko vā Yāv'añña paridevanā Na taṃ petānaṃ'atthāya Evaṃ tiṭṭhanti ñātayo.</b></p> <p><b>3. Ayañca kho dakkhiṇā dinnā. Saṅghamhi supatiṭṭhitā Dīgharattaṃ hitāyassa Tṭhānaso upakappati.</b></p> <p><b>4. So ñāti-dhammo ca ayaṃ nidassito Petāna-pūjā ca katā ulārā.</b></p> <p><b>5. Balañca bhikkhūnaṃ'anuppa-dinnaṃ Tumhehi puññaṃ pasutaṃ anappakan'ti.</b></p>	<p>2. For no weeping or sorrowing or any kind of lamentation benefit the dead whose relatives keep acting in that way.</p> <p>3. But when this offering is given, well-placed in the Sangha, It works for their long-term benefit And they profit immediately.</p> <p>4. In this way the proper duty to relatives has been shown And great honor has been done to the dead</p> <p>5. And the monks have been given strength: You've acquired merit that's not small.</p>	<p>2. Sự uất ức thương tiếc trong sự sanh tử biệt ly, đều chẳng có lợi ích chi. Làm như thế chẳng có sự lợi ích đến các Ngạ quỷ. Các Ngạ quỷ chẳng được biết, chẳng được nghe.</p> <p>3. Nếu ĐAKKHINĀDĀNA, mà người đã được làm rồi. Là được bố thí theo lẽ chánh đến Chư Tăng. (ĐAKKHINĀDĀNA ấy) mới được kết quả do theo duyên có, tức là được sự lợi ích lâu dài đến các Ngạ quỷ.</p> <p>4. Quyển thuộc ấy là người đã hành đúng theo Pháp rồi<sup>2</sup>. Sự cúng dường trọng thể và hồi hướng đến các Ngạ quỷ, người cũng đã làm rồi.</p> <p>5. Sức lực các Thầy Tỳ khuru, người cũng đã bố thí rồi. Hạnh phúc mà người đã sẵn dành như thế chẳng phải là ít.</p>
<p><b>MAṄGALA-CAKKAVĀḬA</b></p> <p><b>1. Bhavatu sabba maṅgalaṃ Rakkhantu sabba devatā Sabba Buddh'ānubhāvena Sadā sotthi bhavantu te.</b></p>	<p><b>THE BLESSING TO THE UNIVERSE</b></p> <p>1. May there be every good blessing, May the devas protect you, Through the power of all the Buddhas May you always be well.</p>	<p><b>KỆ ĐIỀM LÀNH VŨ TRỤ</b></p> <p>1. Tất cả phước báu hằng có đến người. Cầu xin Chư Thiên hộ trì đến người. Do nhờ oai đức của Chư Phật.</p>

<sup>2</sup> Sự bố-thí đúng theo phép: thí chủ có ba tác ý: Khi tính, khi làm, khi đã làm xong đều có tâm hoan-hỷ; người thọ thí có ba chi là: Đã hết Tham, Sân, Si hoặc cố hành để diệt Tham, Sân, Si.

<p><b>2. Bhavatu sabba maṅgalaṃ</b> <b>Rakkhantu sabba devatā</b> <b>Sabba</b> <b>Dhamm'ānubhāvena</b> <b>Sadā sotthi bhavantu te.</b></p> <p><b>3. Bhavatu sabba maṅgalaṃ</b> <b>Rakkhantu sabba devatā</b> <b>Sabba</b> <b>Saṅgh'ānubhāvena</b> <b>Sadā sotthi bhavantu te.</b></p>	<p>2. May there be every good blessing, May the devas protect you, Through the power of all the Dhamma May you always be well.</p> <p>3. May there be every good blessing, May the devas protect you, Through the power of all the Sangha May you always be well.</p>	<p>Do nhờ oai đức của Giáo Pháp.</p> <p>Do nhờ oai đức của chư Tăng.</p> <p>Các sự thanh lợi thường thường đến người.</p>
<p><b>SO ATTHALADDHO</b></p> <p><b>So atthaladdho sukhito,</b> <b>Virūḷho buddhasāsane,</b> <b>Arogo sukhito hohi,</b> <b>Saha sabbehi ñātibhi.</b></p> <p><b>Sā atthaladdhā sukhitā,</b> <b>Viruḷhā buddhasāsane,</b> <b>Arogā sukhitā hohi,</b> <b>Saha sabbehi ñātibhi.</b></p> <p><b>Te atthaladdhā sukhitā,</b> <b>Viruḷhā buddhasāsane,</b> <b>Arogā sukhitā hotha,</b> <b>Saha sabbehi ñātibhi.</b> <b>Sādhu! Sādhu! Sādhu!</b></p>	<p><b>THE BENEFITS OF OFFERING</b></p> <p>May he/she/they gain benefits and happiness, and grow in the Buddha's dispensation without disease and happy may he be, together with all his relatives.</p> <p>Well done! Well done! Well done!</p>	<p><b>LỢI ÍCH CÚNG DƯỜNG</b></p> <p>Cầu xin cho các thiện tín, được sự lợi ích, được sự an vui, được sự tấn hoá, trong đường Phật đạo. Cầu xin cho các thiện tín, khỏi bệnh hoạn, được an vui, cho mình và những người trong gia quyến cả thầy.</p> <p>Cầu xin cho quả của tâm tín thành Tam bảo, cho được thành tựu mỹ mãn, cho được thành tựu mỹ mãn, cho được thành tựu mỹ mãn.</p> <p>Sādhu! Sādhu! Lành thay!</p>

<p style="text-align: center;"><b>DEVĀNUMODANĀ</b></p> <p>Ākāsaṭṭhā ca bhummaṭṭhā Devā Nāgā mah'iddhikā Puññaṃ no anumodantu Ciraṃ rakkhantu ...</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <u>Sāsanam</u></li> <li>2. <u>No Garū</u></li> <li>3. <u>Ñātayo</u></li> <li>4. <u>Pāṇino</u></li> <li>5. <u>No sadā.</u></li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>SHARING OF MERIT TO DEITIES</b></p> <p>Devas and Nagas of mighty power,  inhabiting in the sky and on the earth  Rejoice in this merit. May they protect ... for long.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b>the dispensation</b></li> <li>2. <b>Master</b></li> <li>3. <b>Relative</b></li> <li>4. <b>Being</b></li> <li>5. <b>Us and other</b></li> </ol>	<p style="text-align: center;"><b>HÒI HƯƠNG PHƯỚC ĐẾN CHU THIÊN</b></p> <p>Chư Thiên ngự trên hư không Địa cầu thượng ngự rõ thông mọi điều Long vương thần lực có nhiều Đồng xin hoan hỷ phước đều chúng con Hộ trì Phật giáo Tăng bồ Các bậc Thầy tổ an vui lâu dài Quyển thuộc tránh khỏi nạn tai Chúng sanh được hưởng phước dài bền lâu Chúng con vui thú đạo màu Tu hành tinh tấn ngõ hầu vô sanh.</p>
<p style="text-align: center;"><b>PUNÑĀNUMODANĀ</b></p> <p>Yaṃ kiñci kusala- kammaṃ Kattabbaṃ kiriyaṃ mama Kāyena vācā-manasā Tidase sugataṃ kataṃ.</p> <p>Ye sattā saññino atthi Ye ca sattā asaññino, Kataṃ-puñña-phalaṃ mayhaṃ Sabbe bhāgī bhavantu te,</p>	<p style="text-align: center;"><b>HÒI HƯƠNG</b></p> <p>Phước căn con đã tạo thành, Do thân, khẩu, ý tu hành gieo nên. Đều là phước báu vững bền, Có thể tiếp chúng độ lên thiên đàng. Cung trời Đạo Lợi thọ nhàn, Chúng sanh hữu tướng nhơn gian Ta bà. Chư Thiên Phạm Thiên cùng là, Bậc trời vô tướng được mà hưởng an. Phước con hồi hướng dâng ban, Chúng sanh hay biết hoàn toàn lãnh đầu.</p>	<p>Bằng ai chưa rõ lời cầu, Xin cùng Thiên chúng đến hầu mách ngay. Có người làm phước được rày, Lại đem hồi hướng hiện nay khắp cùng. Chúng sanh hoan hỷ lãnh chung, Hưởng được phước quý ung dung thanh nhàn. Chúng sanh thế giới các hàng, Bởi nhờ thọ thực sanh an mạng trường. Xin đầu phước báu cúng dường, Hóa thành thực phẩm mùi hương thỏa lòng.</p>



<p><b>Ye taṃ kataṃ su- viditaṃ</b> <b>Dinnaṃ puñña-phalaṃ mayā,</b> <b>Ye ca tattha na jānanti,</b> <b>Devā gantvā</b> <b>nivedayaṃ</b></p> <p><b>Sabbe lokamhi ye sattā</b> <b>Jīvant'āhāra-hetukā</b> <b>Manuññaṃ bhojanaṃ</b> <b>sabbe</b> <b>Labhantu mama</b> <b>cetasā' ti.</b></p>	<p>Con xin hồi hướng quả này, Thấu đến quyền thuộc nơi đây cho tường; Cùng là thân thích tha phương, Hoặc đã quá vãng hoặc thường hiện nay; Chúng sanh ba giới bốn loài, Vô tướng, hữu tướng chẳng nài đâu đâu; Nghe lời thành thật thỉnh cầu, Xin mau tựu hội lãnh đầu quả này; Bằng ai xa cách chưa hay,</p>	<p>Cầu xin Thiên chúng mách ngay với cùng; Thấy đều thọ lãnh hưởng chung, Dứt rồi tội lỗi thoát vòng nạn tai; Nguyện cầu Tăng chúng đức tài, Đạt thành Thánh quả hoàng khai đạo lành; Nguyện cho Phật Pháp thạnh hành, Năm ngàn năm chấn phước lành thế gian.</p>
<p><b>ÑĀTAYO</b> <b>ANUMODANĀ</b></p> <p><b>Idaṃ no ñātīnaṃ hontu</b> <b>sukhitā hontu ñātayo.</b></p>	<p><b>DEDICATION MERIT TO DEAD RELATIVES</b></p> <p>May this [merit] accrue to relatives. May relatives be in happiness!</p>	<p><b>HỒI HƯỚNG ĐẾN THÂN QUYỀN ĐÃ QUÁ VẮNG</b></p> <p>Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây, xin hồi hướng đến thân bằng quyền thuộc đã quá vãng, cầu mong cho các vị ấy hằng được sự yên vui.</p>
<p><b>PATTHANĀ</b></p> <p><b>Idaṃ vata me puññaṃ</b> <b>āsava-kkhaṃv'ahaṃ</b> <b>hotu anāgate kāle.</b></p>	<p><b>ASPIRATION FOR LIBERATION</b></p> <p>May this merit destroy defilements causing in my mind in the future time.</p>	<p><b>NGUYỆN GIẢI THOÁT</b></p> <p>Do sự phước báu mà chúng con đã trong sạch làm đây, hãy là mối duyên lành, để dứt khỏi những điều ô nhiễm, ngủ ngầm nơi tâm trong ngày vị lai.</p>

## PHÁT NGUYỆN

### Con nguyện đời đời kiếp kiếp:

1. Hễ có hiền thánh, minh sư, thiện hữu con xin được gặp và thường xuyên thân cận để có điều kiện học và hành chánh pháp.
2. Khi con muốn làm thiện pháp, bố thí, cúng dường thì trong bất cứ hoàn cảnh nào dù giàu - nghèo – sang - hèn, hay ngu dốt cách mấy cũng có điều kiện.
3. Khi con có lòng làm ác thì đừng cho có điều kiện phát sanh.
4. Luôn được độc lập trong vòng luân hồi, không bị phụ thuộc vào ai.
5. Nguyện cho con đừng bị dối lừa bởi vẻ bề ngoài ngon lành hấp dẫn tình cảm hay vẻ ngoài đạo học.
6. Con nguyện sớm được nhận ra cái gì là cốt lõi, cái gì là cành lá.
7. Con sống bao lâu không quan trọng, chỉ nguyện được: chết sạch, chết yên và chết tỉnh.
  - Chết sạch: đừng hôi hám, tanh tưởi gây khổ mình phiền người.
  - Chết yên: đừng giãy giụa đau đớn vì nhức mủi.
  - Chết tỉnh: đừng hôn mê, mê sảng, nói bậy.

## HỒI HƯỚNG

- Tất cả phước báu mà con đã trong sạch làm được trong quá khứ và hiện tại, con xin chia đều đến tất cả chư thiên trong muôn triệu thế giới ta bà, Tứ đại thiên vương, chư thiên Long vương, chư thiên Diêm vương, chư Dạ xoa, Càn thát bà cùng chư thiên nộ trong ngôi thiên viện Giác Tuệ nơi đây, cùng thân bằng quyến thuộc quá vãng - hiện tại và tất cả chúng sanh trong khắp pháp giới. Mong cho quý vị hay biết mà hoan hỷ với phước thiện mà con đã làm để được tái sanh về nơi nhàn cảnh và đời đời kiếp kiếp được gặp chánh pháp, học chánh pháp, hành chánh pháp và chứng ngộ Đạo - Quả - Niết bàn trong ngày vị lai.
- Phần phước này hãy là trợ duyên cho con đời đời kiếp kiếp từ đây đến khi thành tựu Niết bàn sanh ra là người tam nhân (vô tham – vô sân – vô si), nam tử trượng phu, được sanh ra trong gia đình có chánh kiến, xuất gia từ bé, nhàm chán ngũ trần, trí tuệ thù thắng, đủ điều kiện giữ giới để tu học chánh pháp và thành tựu quả vị giải thoát Niết bàn.

**Biên soạn: Sayalay Vijañānī (Tuệ Minh)**

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về:

[kieutueminh@gmail.com](mailto:kieutueminh@gmail.com)